BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGỮ VĂN 12

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
PHAN HUY DŨNG (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ DIỆU LINH – TRẦN HẠNH MAI – HÀ VĂN MINH
NGUYỄN THỊ NGỌC MINH – NGUYỄN THỊ NƯƠNG – NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN

NGỮ VĂN

TẬP HAI

(Tái bản lần thứ hai)

12

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

BÀI	NỘI DUNG		TRANG
6	**HỒ CHÍ MINH – "VĂN HOÁ PHẢI SOI ĐƯỜNG CHO QUỐC DÂN ĐI"**		**4**
	ĐỌC	Tác gia Hồ Chí Minh	**6**
		Tuyên ngôn Độc lập (Hồ Chí Minh)	**13**
		Mộ (*Chiều tối* – Hồ Chí Minh)	**18**
		Nguyên tiêu (*Rằm tháng Giêng* – Hồ Chí Minh)	**18**
		Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu (Nguyễn Ái Quốc)	**21**
		Thực hành tiếng Việt: Một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận	**27**
	VIẾT	Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án	**28**
	NÓI VÀ NGHE	Trình bày kết quả của bài tập dự án	**34**
	Củng cố, mở rộng		**36**
	Thực hành đọc	*Vọng nguyệt* (*Ngắm trăng* – Hồ Chí Minh)	**37**
		Cảnh khuya (Hồ Chí Minh)	**37**
7	**SỰ THẬT TRONG TÁC PHẨM KÍ**		**38**
	ĐỌC	*Nghệ thuật băm thịt gà* (Trích *Việc làng* – Ngô Tất Tố)	**40**
		Bước vào đời (Trích *Nhớ nghĩ chiều hôm* – Đào Duy Anh)	**45**
		Thực hành tiếng Việt: Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật	**50**
	VIẾT	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)	**52**
	NÓI VÀ NGHE	Trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)	**57**
	Củng cố, mở rộng		**58**
	Thực hành đọc	*Vĩ tuyến 17* (Trích *Gánh gánh... gồng gồng...* – Xuân Phượng)	**59**

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau.

8	**DỮ LIỆU TRONG VĂN BẢN THÔNG TIN**		**63**
	ĐỌC	*Pa-ra-na (Parana)* (Trích *Nhiệt đới buồn* – Cờ-lốt Lê-vi–Xtơ-rốt – Claude Lévi–Strauss)	**65**
		Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục (Nguyễn Nam)	**69**
		Đời muối (Trích *Đời muối: Lịch sử thế giới* – Mác Ko-len-xki – Mark Kurlansky)	**75**
		Thực hành tiếng Việt: Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	**78**
	VIẾT	Viết thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm	**80**
	NÓI VÀ NGHE	Tranh biện về một vấn đề đời sống	**85**
	Củng cố, mở rộng		**87**
	Thực hành đọc	*Sách thay đổi lịch sử loài người* (Vũ Đức Liêm)	**88**
9	**VĂN HỌC VÀ CUỘC ĐỜI**		**91**
	ĐỌC	*Vội vàng* (Xuân Diệu)	**93**
		Trở về (Trích *Ông già và biển cả* – Ơ-nít Hê-minh-uê – Ernest Hemingway)	**96**
		Hồn Trương Ba, da hàng thịt (Trích – Lưu Quang Vũ)	**102**
		Thực hành tiếng Việt: Giữ gìn và phát triển tiếng Việt	**114**
	VIẾT	Viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội	**116**
	NÓI VÀ NGHE	Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước	**122**
	Củng cố, mở rộng		**123**
	Thực hành đọc	*Khúc đồng quê* (Trích *Cô bé nhìn mưa* – Đặng Thị Hạnh)	**124**
	ÔN TẬP HỌC KÌ II		**127**
	Bảng tra cứu thuật ngữ		**132**
	Bảng giải thích một số thuật ngữ		**133**
	Bảng tra cứu một số yếu tố Hán Việt		**135**
	Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài		**137**

Bài 6 HỒ CHÍ MINH "VĂN HOÁ PHẢI SOI ĐƯỜNG CHO QUỐC DÂN ĐI"(*)

Yêu cầu cần đạt

- Vận dụng được những hiểu biết về tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm của Người; nhận biết và phân tích được quan điểm của tác giả về lịch sử, văn hoá được thể hiện trong văn bản.
- Nhận biết và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- Vận dụng được kiến thức về lịch sử văn học và kĩ năng tra cứu để sắp xếp một số tác giả, tác phẩm lớn theo tiến trình lịch sử văn học; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp.
- Phân tích và đánh giá được hiệu quả của việc dùng các biện pháp tu từ và cách diễn đạt thể hiện tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận.
- Viết được báo cáo kết quả của bài tập dự án; có sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh hoạ, có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo.
- Biết trình bày kết quả của bài tập dự án, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.
- Biết thể hiện lòng tôn kính đối với vị lãnh tụ vĩ đại của đất nước và có ý thức học tập, phấn đấu noi theo tấm gương sống vì dân, vì nước của Người.

ĐỌC

TRI THỨC NGỮ VĂN

Quan điểm sáng tác

Quan điểm sáng tác là hệ thống tư tưởng, nguyên tắc chi phối hoạt động sáng tác của nhà văn, do chính nhà văn xác định dựa trên những trải nghiệm đời sống và nghệ thuật của mình. Quan điểm sáng tác có thể được chính nhà văn phát biểu một cách tường minh nhưng nhiều khi được độc giả khái quát lên dựa vào sự ổn định trong cách

(*) Ý kiến phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị Văn hoá toàn quốc năm 1946, được tường thuật trên báo *Cứu quốc*, số 416, ngày 25/11/1946.

nhà văn lựa chọn đề tài, xác định chủ đề, bày tỏ thái độ trước đối tượng miêu tả và vận dụng các phương thức, phương tiện nghệ thuật.

Đối với các nhà văn cách mạng, quan điểm sáng tác thường được tuyên bố công khai, gắn với sự lựa chọn một thái độ chính trị dứt khoát, do đặc điểm của thời đại cách mạng quy định. Chính điều này làm nên tính đặc thù của những sáng tác thuộc loại hình văn học cách mạng mà thơ văn Hồ Chí Minh là một ví dụ tiêu biểu.

Đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học

Khi đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học, cần huy động trải nghiệm, kiến thức nhiều mặt và phải dựa trên những tiêu chuẩn thẩm mĩ, nhân văn, tư tưởng phù hợp. Điều quan trọng là biết đặt đối tượng vào đúng bối cảnh sáng tác (có đối chiếu với bối cảnh hiện tại) để nhận ra mức độ đóng góp của tác giả, tác phẩm đó cho đời sống và tiến trình văn học. Những tác giả, tác phẩm lớn thường đạt được thành tựu quan trọng trong việc tổng hợp kinh nghiệm nghệ thuật phong phú của các giai đoạn văn học đã qua, tạo được bước phát triển có ý nghĩa cho văn học ở giai đoạn mới. Tuy khó tránh khỏi một số hạn chế do sự ràng buộc của thời đại, nhưng những tác giả, tác phẩm thực sự có tầm vóc thường chạm được vào các vấn đề nhân sinh vĩnh cửu, để tiếp tục đồng hành cùng bao lớp người đọc đến sau.

Tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận

Trong văn bản nghị luận, **tính khẳng định** và **tính phủ định** luôn song hành. Tính khẳng định gắn với nội dung thuyết phục người đọc tin vào sự đúng đắn của một luận đề, quan điểm, cách ứng xử, lựa chọn, niềm tin nào đó. Ngược lại, tính phủ định gắn với ý đồ phản bác những luận đề, quan điểm, cách ứng xử, lựa chọn, niềm tin mà tác giả cho là sai trái hoặc không phù hợp. Đằng sau sự khẳng định luôn ẩn chứa thái độ phủ định một đối tượng đối lập, còn sự phủ định thì luôn được thể hiện dựa trên thái độ khẳng định một đối tượng khác.

Để tăng cường tính khẳng định hoặc phủ định cho văn bản nghị luận, người viết thường sử dụng nhiều biện pháp thuộc các cấp độ khác nhau như: từ ngữ, cú pháp, phép tu từ, lập luận (trong đó có lí lẽ, bằng chứng). Loại biện pháp có thể giống nhau nhưng hiệu quả đạt được thì trái ngược, do tính chất riêng của các yếu tố ngôn ngữ và ý đồ tư tưởng gắn với biện pháp đó. Ví dụ, cùng sử dụng những từ ngữ thể hiện thái độ đánh giá, nếu hướng đến việc khẳng định, người viết sẽ chọn những từ ngữ khác hẳn với khi hướng đến việc phủ định. Tương tự, cùng sử dụng bằng chứng nhưng bằng chứng nhằm mục đích phủ định không thể giống bằng chứng được đưa ra để khẳng định vấn đề.

VĂN BẢN 1

Tác gia Hồ Chí Minh

- *Bạn từng biết những sáng tác văn học nghệ thuật nào về lãnh tụ Hồ Chí Minh? Hãy chia sẻ cảm nghĩ của bạn về những sáng tác ấy.*
- *Kể tên các tác phẩm của tác gia Hồ Chí Minh mà bạn đã được học ở cấp Tiểu học và Trung học cơ sở.*

I. TIỂU SỬ



Chủ tịch Hồ Chí Minh
Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam

Chú ý những sự kiện nổi bật, quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của tác gia Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh (1890 – 1969) thời thơ ấu có tên là Nguyễn Sinh Cung, lúc trưởng thành có tên là Nguyễn Tất Thành, xuất thân từ một gia đình nhà Nho có tinh thần yêu nước, quê ở làng Sen, thuộc xã Kim Liên, tỉnh Nghệ An. Sau thời gian học chữ Hán trong gia đình (thuở nhỏ), học chữ quốc ngữ và tiếng Pháp tại Trường Quốc học Huế, vào năm 1910, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành vào Phan Thiết dạy học ở Trường Dục Thanh một thời gian ngắn rồi tiếp tục vào Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Đầu tháng 6 năm 1911, dưới tên Văn Ba, Nguyễn Tất Thành xuống tàu sang Pháp và một số nước phương Tây khác, vừa lao động vất vả để mưu sinh, vừa tích cực tham gia các hoạt động yêu nước, cách mạng. Năm 1919, sau khi thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước gửi tới Hội nghị Véc-xây (Versailles)[1] bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*, nhà cách mạng trẻ tuổi lấy tên mới là Nguyễn Ái Quốc và nổi lên như một nhân tố trung tâm của các hoạt động cứu nước Việt Nam diễn ra trên đất Pháp. Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp, bỏ phiếu ủng hộ việc thành lập Đảng Cộng sản Pháp, tiếp đó,

[1] *Hội nghị Véc-xây*: hội nghị của các nước Đồng minh chiến thắng trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 – 1918), họp ở thành phố Véc-xây (Pháp).

thực hiện nhiều hoạt động đa dạng, hiệu quả nhằm chống chủ nghĩa thực dân và đoàn kết các dân tộc thuộc địa. Từ năm 1923 đến năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chủ yếu hoạt động ở Liên Xô, Trung Quốc và Thái Lan. Trong thời gian này, vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc được thể hiện rõ qua việc chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, diễn ra đầu tháng 2 năm 1930 tại Hương Cảng (tức Hồng Kông), Trung Quốc. Cuối tháng 1 năm 1941, vị lãnh tụ cách mạng về nước, thành lập Mặt trận Việt Minh (tên gọi tắt của tổ chức Việt Nam Độc lập Đồng minh), lấy tên là Hồ Chí Minh (tháng 8 năm 1942), trực tiếp lãnh đạo phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta. Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*[1] khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, ở cương vị Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã lãnh đạo cuộc cách mạng của nhân dân Việt Nam giành được những thắng lợi to lớn, khẳng định vị thế độc lập, tự chủ của nước ta trên trường quốc tế. Hồ Chí Minh qua đời vào ngày 2/9/1969 tại Hà Nội.

Vai trò lãnh tụ cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh được khẳng định dựa trên cơ sở nào?

Là nhà yêu nước và nhà cách mạng vĩ đại của dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn được nhân dân ta biết ơn, kính trọng và ngưỡng mộ. Hồ Chí Minh có uy tín quốc tế rất cao, thường được đánh giá là một trong những nhà cách mạng hay chính khách tạo nên nhiều ảnh hưởng nhất trên thế giới trong thế kỉ XX. Năm 1990, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO) đã suy tôn Hồ Chí Minh là *Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hoá lớn*.

Liên hệ đến những đánh giá khái quát về Hồ Chí Minh mà bạn đã từng biết.

II. SỰ NGHIỆP VĂN HỌC

Hồ Chí Minh đã để lại một di sản văn học phong phú và có giá trị nhiều mặt, kết quả của việc huy động tài năng văn chương phục vụ cho cuộc đấu tranh cách mạng. Ở Hồ Chí Minh, sự nghiệp văn học gắn bó máu thịt với sự nghiệp cách mạng.

1. Quan điểm sáng tác

Quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh được thể hiện tập trung, nhất quán trong nhiều bài phát biểu, nói chuyện và trong các tác phẩm văn, thơ cụ thể. Trên cơ sở

Quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh có những điểm gì nổi bật?

[1] Trên báo *Cứu quốc*, số 36, ngày 5/9/1945, tên văn bản được ghi đầy đủ là *Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*.

nhận thức sâu sắc về tác dụng lớn lao của báo chí, văn học, nghệ thuật trong việc cảm hoá, giáo dục con người và tuyên truyền, vận động cách mạng, Hồ Chí Minh đòi hỏi mỗi tác phẩm phải trở thành vũ khí, mang tính chiến đấu cao, đạt hiệu quả thiết thực, dễ tiếp nhận với đại chúng, có thể "soi đường cho quốc dân đi". Trong bài thơ *Khán "Thiên gia thi" hữu cảm* (*Cảm tưởng đọc "Thiên gia thi"*), Hồ Chí Minh đã nêu yêu cầu dứt khoát đối với thơ của thời đại cách mạng:

Hiện đại thi trung ưng hữu thiết,
Thi gia dã yếu hội xung phong.
(Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.)[1]

Trong *Thư gửi các hoạ sĩ nhân dịp triển lãm hội hoạ 1951*, Hồ Chí Minh cũng phát biểu ý tương tự:

Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận.
Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy[2].

Từ kinh nghiệm viết báo của mình, Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc nhở người cầm bút phải chú ý tự đặt ra và giải quyết các câu hỏi chính: *Viết cho ai? Viết để làm gì? Viết cái gì? Viết như thế nào?*[3] Các câu hỏi này đề cập cùng lúc những vấn đề lớn của hoạt động giao tiếp bằng văn bản (trước hết là văn bản nghị luận, văn bản thông tin): hình dung cụ thể về đối tượng tiếp nhận; xác định sáng rõ mục đích hướng tới; lựa chọn được nội dung phù hợp; tìm được hình thức truyền tải thông tin, thông điệp có hiệu quả.

Cơ sở hình thành quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh là gì?

Khi nêu quan điểm sáng tác như vậy, Hồ Chí Minh muốn hướng tới việc xây dựng một nền văn hoá, văn học mới phục vụ quần chúng lao động và đấu tranh vì những mục tiêu cao cả của cách mạng – điều được chính tác giả tuân thủ nghiêm ngặt trong những tác phẩm mang tính chất tuyên truyền, vận động của mình. Trong bối cảnh đặc biệt của lịch sử, việc ưu tiên "đưa nghệ thuật vào chính trị"[4] đã cho thấy sự toàn tâm, toàn ý của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng và giải phóng dân tộc.

---

(1) Viện Văn học, *Suy nghĩ mới về "Nhật kí trong tù" – Nhật kí trong tù (Bản dịch trọn vẹn)*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1993, tr. 575 – 576.

(2), (4) *Thư gửi các hoạ sĩ nhân dịp triển lãm hội hoạ 1951*, in trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 7 (1951 – 1952), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 246.

(3) Vấn đề này được Hồ Chí Minh trình bày trong các tài liệu: Bài giảng *Cách viết* tại lớp chỉnh Đảng Trung ương ngày 17/8/1953, in trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 8 (1953 – 1954), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 205 – 212; Bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ III của Hội Nhà báo Việt Nam, in trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 13 (1961 – 1962), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 463 – 466.

Do có cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú và phạm vi giao tiếp rộng rãi, lại sẵn tư chất nghệ sĩ và tài năng nghệ thuật lớn, việc đa dạng hoá sáng tác đã được Hồ Chí Minh thực hiện một cách hết sức tự nhiên. Ở bộ phận thơ trữ tình viết theo cảm hứng thẩm mĩ, nhiều lúc tác giả hướng về các nội dung cá nhân, thể hiện những suy nghĩ thâm trầm trước bao câu hỏi mang tính muôn đời về tồn tại.

2. Thành tựu sáng tác

Sáng tác của Hồ Chí Minh có thể được chia thành ba bộ phận chính: văn chính luận, truyện và kí, thơ.

Liên hệ đến những tác phẩm chính luận của Hồ Chí Minh đã được học hoặc đã đọc.

Văn chính luận chiếm khối lượng lớn nhất trong di sản văn học của Hồ Chí Minh, gồm những tác phẩm được viết ra nhằm đáp ứng kịp thời mọi yêu cầu của hoạt động chính trị, cách mạng. Văn chính luận của Hồ Chí Minh luôn chứa chan nhiệt huyết, thể hiện tinh thần bám sát cuộc sống cách mạng để nắm bắt những vấn đề có ý nghĩa bức thiết đối với vận mệnh dân tộc và vận mệnh của tầng lớp cần lao trên toàn thế giới. Nhiều tác phẩm trực tiếp chất vấn, tố cáo các thế lực thực dân, đế quốc, kêu gọi nhân dân và các dân tộc bị áp bức tham gia đấu tranh cách mạng, đấu tranh vì chân lí độc lập, tự do. Tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* được viết bằng tiếng Pháp dưới bút danh Nguyễn Ái Quốc, xuất bản năm 1925, đã tấn công mãnh liệt vào chủ nghĩa thực dân, vạch trần tội ác của thực dân Pháp đối với các dân tộc thuộc địa cũng như tính bịp bợm trong luận điệu mà chúng thường rêu rao về sự "khai hoá". Bản *Tuyên ngôn Độc lập* (1945) với lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén và những bằng chứng "không ai chối cãi được", là tiếng nói hùng hồn khẳng định quyền hưởng tự do, độc lập, quyền tự làm chủ vận mệnh của một dân tộc đã can trường đấu tranh chống lại mọi sự nô dịch do ngoại bang áp đặt. Rất nhiều tác phẩm chính luận khác của Hồ Chí Minh như *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (19/12/1946), *Không có gì quý hơn độc lập, tự do* (17/7/1966), *Di chúc* (1965 – 1969),... âm vang tiếng nói của non sông, của lịch sử, luôn có sức động viên, cổ vũ rất lớn, có thể khơi dậy được sức mạnh của toàn dân tộc.

Truyện, kí của Hồ Chí Minh chủ yếu được viết trong những khoảng thời gian nào?

Truyện, kí là một bộ phận sáng tác thực sự đặc sắc của Hồ Chí Minh, tuy có số lượng không nhiều. Nổi bật trong đó là những truyện ngắn được viết bằng tiếng Pháp, ra đời vào những năm hai mươi của thế kỉ XX: *Pa-ri* (*Paris*), *Lời than vãn của Bà Trưng Trắc*, "*Vi hành*", *Những trò lố*

hay là Va-ren (Varenne) và Phan Bội Châu,... Các truyện ngắn này có phong cách rất hiện đại so với những sáng tác văn xuôi trong nước viết cùng thời điểm, thể hiện ở một số mặt như: xây dựng tình huống, dẫn chuyện, tổ chức ngôn ngữ đối thoại, khắc hoạ chân dung nhân vật, sử dụng các thủ pháp châm biếm, đả kích,... Nội dung các tác phẩm đều nhằm vào việc lật tẩy thói nô lệ đê hèn của những kẻ tay sai, bộ mặt giả nhân giả nghĩa của bọn thực dân, phơi bày thực trạng đời sống tối tăm của tầng lớp cần lao, ca ngợi những tấm gương xả thân vì đất nước, dân tộc,...

Trong truyện, kí của Hồ Chí Minh, *Vừa đi đường vừa kể chuyện* (kí tên T. Lan, công bố lần đầu trên báo *Nhân Dân* năm 1961) là tác phẩm mang tính tự truyện đáng chú ý. Tác phẩm này thể hiện hình tượng *cái tôi* của tác giả rất sinh động: trẻ trung, hồn nhiên, giản dị, có tinh thần dân chủ, yêu quý con người, say mê hoạt động, có khả năng quan sát và phát hiện vấn đề nhạy bén, sắc sảo,... Ở đây, những sự kiện liên quan đến các hoạt động của tác giả thường được đặt trên cái nền rộng lớn là cuộc sống của quần chúng nhân dân – lực lượng đóng vai trò chính trong mọi cuộc cách mạng.

Liên hệ đến những bài thơ của Hồ Chí Minh đã được học hoặc đã đọc.

Thơ là mảng sáng tác thể hiện rõ nhất phẩm chất nghệ sĩ của Hồ Chí Minh, phần lớn đã được đưa vào trong hai tập: *Ngục trung nhật kí* (*Nhật kí trong tù*, in lần đầu năm 1960) và *Thơ Hồ Chủ tịch* (1967). *Ngục trung nhật kí* gồm 133 bài thơ chữ Hán (không kể bốn câu mang tính chất đề từ), được viết trong thời kì Hồ Chí Minh bị chính quyền Quốc dân đảng ở Trung Quốc giam cầm (từ mùa thu năm 1942 đến mùa thu năm 1943). *Ngục trung nhật kí*, như nhan đề cho thấy, trước hết là một tập nhật kí, ghi lại những trải nghiệm, nỗi lòng và suy ngẫm của tác giả suốt thời gian bị đoạ đày trong tù ngục nơi đất khách. Tập thơ giàu phẩm chất nghệ thuật, thể hiện được tầm vóc của một nhà thơ lớn và các đức tính cao quý của một nhân cách lỗi lạc. Tập *Thơ Hồ Chủ tịch* đã sưu tầm được những tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh sáng tác trong thời kì tiền khởi nghĩa và trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ. Ở đây, dù là thơ chữ Hán hay thơ tiếng Việt, dù là thơ mừng xuân, tuyên truyền, vận động hay thơ trữ tình, tất cả đều thể hiện rõ tình cảm yêu nước, thương dân nồng cháy, niềm tin không thể lay chuyển vào tương lai, sự cẩn trọng, thanh thoát trong mọi ứng xử và phong thái điềm đạm, ung dung của tác giả trước những biến cố lớn lao trong thời đại cách mạng.

3. Phong cách nghệ thuật

Trong các tác phẩm mang tính văn chương đậm nét của mình, Hồ Chí Minh đã thể hiện một phong cách nghệ thuật hết sức đa dạng. Tác giả đã thực sự làm chủ các ngôn ngữ và thể loại được sử dụng. Do viết về nhiều vấn đề, đối tượng khác nhau và hướng đến những lớp độc giả khác nhau, mỗi tác phẩm hay loại tác phẩm của Hồ Chí Minh lại có một nét riêng về cấu trúc, ngôn ngữ, giọng điệu.

Chú ý nguyên nhân dẫn đến sự đa dạng về cấu trúc, ngôn ngữ và giọng điệu trong các tác phẩm ngôn từ của Hồ Chí Minh.

Văn chính luận của Hồ Chí Minh đã kế thừa được truyền thống tốt đẹp của thể văn này trong nền văn học dân tộc, lại học hỏi được nhiều kinh nghiệm ở văn chính luận các nước phương Tây, vì vậy, luôn đạt được sức thuyết phục rất cao. Khi hướng về kẻ thù của cách mạng, các tác phẩm có lập luận đanh thép, lí lẽ sắc bén và những chứng cứ không thể chối cãi, mang tinh thần duy lí, tư duy khoa học rất rõ. Khi hướng về đồng bào, đồng chí, điểm nổi bật ở các tác phẩm là giọng điệu chân thành, thân mật, ở sự hoà quyện giữa lí và tình, khiến người đọc thấy "thấm từng tiếng, ấm vào lòng mong ước"[1].

Ở truyện, kí, khi viết bằng tiếng Pháp và hướng đến độc giả Pháp, Hồ Chí Minh (dưới bút danh Nguyễn Ái Quốc) thường chọn cách viết hiện đại, có sử dụng một số thủ pháp quen thuộc trong văn học phương Tây như kể chuyện dưới hình thức viết thư hoặc để nguyên dạng một số từ ngữ của người bản xứ thuộc địa. Chất hài hước (humour) kiểu Pháp thấm đượm trong ngôn ngữ kể chuyện, đối thoại. Việc chuyển cảnh, chuyển đoạn được thực hiện linh hoạt, đột ngột, giàu tính điện ảnh, đưa người đọc đến những khám phá thú vị về đối tượng được nói tới. Còn khi viết bằng tiếng Việt cho độc giả là quần chúng trong nước, Hồ Chí Minh thường dùng cách kể dung dị, gãy gọn, hóm hỉnh và chú ý việc nêu bài học một cách trực tiếp.

Giữa hai mảng truyện, kí của Hồ Chí Minh có sự khác nhau như thế nào?

Về thơ Hồ Chí Minh, có sự phân biệt rõ giữa thơ tuyên truyền, kêu gọi với thơ trữ tình. Thơ tuyên truyền, kêu gọi luôn có nội dung sáng rõ (mặc dù có thể được biểu đạt bằng ẩn dụ) và hình thức ngôn ngữ bình dị, dễ hiểu, rất phù hợp với đại chúng. Trong khi đó, thơ trữ tình, nhất là thơ được viết bằng chữ Hán, lại thường mang đậm màu sắc cổ điển

Bạn liên hệ đến những bài thơ đã học, đã đọc nào có thể chứng tỏ được sự đa dạng trong phong cách thơ Hồ Chí Minh?

---

[1] Trong bài thơ *Sáng tháng Năm*, Tố Hữu đã viết: "Giọng của Người, không phải sấm trên cao/ Thấm từng tiếng, ấm vào lòng mong ước." (Hà Minh Đức giới thiệu, *Tố Hữu tác phẩm*, NXB Văn học, Hà Nội, 1979, tr. 296).

ở cấu tứ, cách sử dụng nhãn tự, ở tình cảm đặc biệt dành cho thiên nhiên (nhất là cho trăng) và ở phong thái hiền triết phương Đông của nhân vật trữ tình. Tất nhiên, màu sắc cổ điển luôn có sự gắn quyện hài hoà với màu sắc hiện đại, do tư tưởng của người viết là tư tưởng của nhà cách mạng luôn tin vào ngày mai tươi sáng, vào sự vận động tích cực của cuộc sống.

Nhìn chung, sự đa dạng trong phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh phản ánh sự phong phú của một cuộc đời hoạt động cách mạng không mỏi mệt và sự đa diện của một tài năng văn chương đích thực. Bên cạnh đó, sự thống nhất cao độ trong phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh lại phản ánh sự thống nhất toàn vẹn ở con người tác giả như một hình mẫu nhân cách đặc biệt, kết tinh được nhiều giá trị đẹp đẽ của dân tộc và nhân loại, của truyền thống và hiện đại.

1. Những tri thức về tiểu sử Hồ Chí Minh trong văn bản đã đem lại cho bạn cảm xúc, suy nghĩ gì?
2. Bạn hiểu như thế nào về sự thống nhất giữa sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn học ở tác gia Hồ Chí Minh?
3. Khi nêu công khai quan điểm sáng tác của mình, Hồ Chí Minh muốn hướng tới điều gì? Dựa trên sự suy luận và những kiến thức đã học, hãy cho biết quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh đã có tác động như thế nào đến xu hướng phát triển của nền văn học cách mạng Việt Nam.
4. Vì sao có thể nói Hồ Chí Minh đã để lại cho hậu thế một di sản văn học lớn? Trong di sản văn học đó, bộ phận nào chiếm ưu thế về khối lượng? Điều này có thể được giải thích như thế nào?
5. Hãy tìm một số bằng chứng khẳng định sức tác động mạnh mẽ của những tác phẩm do Hồ Chí Minh viết ra trong suốt cuộc đời cống hiến cho sự nghiệp cách mạng.
6. Tìm trong văn bản những câu hoặc những ý lí giải tính đa dạng của phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh.
7. Bạn có cảm nhận và đánh giá như thế nào về tài năng văn học và phẩm chất nghệ sĩ của Hồ Chí Minh?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu những thu hoạch bổ ích nhất của bạn khi đọc văn bản *Tác gia Hồ Chí Minh*.

VĂN BẢN 2

Tuyên ngôn Độc lập

Hồ Chí Minh

- *Bạn đã biết những tác phẩm nào trong văn học Việt Nam thường được nhìn nhận như là "tuyên ngôn độc lập"? Điều gì khiến cho những tác phẩm ấy được nhìn nhận như vậy?*
- *Trình bày khái quát về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX theo những gì bạn đã được học.*



Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập* tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội
Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam

"Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Chú ý nội dung câu được trích dẫn và sự "suy rộng" của tác giả Hồ Chí Minh.

Lời bất hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Việc tác giả nêu "những lẽ phải không ai chối cãi được" nhằm mục đích gì?

Thế mà hơn tám mươi năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Những chứng cứ về hành động "trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa" của thực dân Pháp đã được tập hợp theo hệ thống nào?

Chúng thi hành những pháp luật dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu, cồn, để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tuỷ, khiến cho dân nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều.

Chúng cướp không ruộng đất, rừng mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta được giầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó, dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó, dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay[1], từ Quảng Trị đến Bắc Kì, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc bỏ chạy, hoặc đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong năm năm, chúng đã "bán" nước ta hai lần cho Nhật.

Thực chất việc "bảo hộ" của thực dân Pháp đã bị vạch trần như thế nào?

Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn trước. Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.

---

[1] Cuối năm 1944, đầu năm 1945.

Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thuỳ, lại cứu cho người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng, tài sản cho họ.

Sự thực là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Cộng hoà Dân chủ[1].

Dự đoán những luận điểm sẽ được triển khai sau việc tác giả khái quát về "sự thực" sự bảo hộ của thực dân Pháp.

Sự thực là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam tự[2] tay Nhật, chứ không phải tự tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần một trăm năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hoà.

Bởi thế cho nên, chúng tôi – Lâm thời Chính phủ[3] của nước Việt Nam mới – đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xoá bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí về nước Việt Nam, xoá bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng quyết liệt chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.

Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các hội nghị Tê-hê-răng (Teheran)[4] và Cựu Kim Sơn[5], quyết không thể không nhận quyền độc lập của dân Việt Nam[6].

Việc nhắc đến những điều được các nước Đồng minh công nhận có ý nghĩa gì?

---

(1) Bản in trên báo *Cứu quốc*, số 36, ngày 5/9/1945 ghi là: "lập nên nước Việt Nam Cộng hoà Dân chủ".

(2) *Tự*: từ.

(3) *Lâm thời Chính phủ*: tức Chính phủ Lâm thời, được lập ra ngày 25/8/1945 theo đề nghị của Hồ Chí Minh, trên cơ sở cải tổ Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam vốn ra đời trước đó theo quyết định của Quốc dân đại hội Tân Trào họp trong các ngày 16, 17, 18/8/1945.

(4) *Hội nghị Tê-hê-răng*: hội nghị do đại diện của ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh tổ chức từ ngày 28/11 đến ngày 01/12/1943 tại thủ đô của nước I-ran (Iran) để thảo luận kế hoạch tiêu diệt các lực lượng vũ trang của phát xít Đức, mở mặt trận thứ hai ở châu Âu trước ngày 01/5/1945 và thông qua nghị quyết đảm bảo nền hoà bình lâu dài trên thế giới sau chiến tranh.

(5) *Hội nghị Cựu Kim Sơn*: hội nghị quốc tế diễn ra từ ngày 25/4 đến ngày 26/6/1945 với sự tham gia của đại diện năm mươi nước, tổ chức tại thành phố Xan Phran-xít-xcô (San Francisco) thuộc tiểu bang Ca-li-phoóc-ni-a (California) của Hoa Kỳ để thông qua *Hiến chương Liên hợp quốc* và thành lập tổ chức Liên hợp quốc. Tên thành phố Xan Phran-xít-xcô thường được những người Hoa sang định cư ở đây từ thế kỉ XIX gọi là Cựu Kim Sơn (Cựu Kim Sơn nghĩa là "núi vàng xưa").

(6) Bản in trên báo *Cứu quốc*, số 36, ngày 5/9/1945 ghi là: "quyết không thể không nhận quyền độc lập của dân Việt Nam".

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn tám mươi năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Vì những lẽ trên, chúng tôi – Chính phủ Lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà – trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng:

"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy".

Hai điều được đề cập trong lời "tuyên bố với thế giới" có mối quan hệ với nhau như thế nào?

(*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4 (1945 – 1946), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 1 – 3)

HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA *TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP*

5/9/1945
Tuyên ngôn Độc lập được đăng trên báo *Cứu quốc* (cơ quan tuyên truyền, tranh đấu của Việt Minh), số 36, với tên gọi đầy đủ là *Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*.

Chiều 2/9/1945
Chủ tịch Chính phủ Lâm thời Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

31/8/1945
Chủ tịch Chính phủ Lâm thời Hồ Chí Minh đọc lại, bổ sung một số điểm vào bản thảo *Tuyên ngôn Độc lập*.

28/8/1945
Chủ tịch Chính phủ Lâm thời Hồ Chí Minh khởi thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập* tại nhà số 48 phố Hàng Ngang, Hà Nội.

25/8/1945
Hồ Chí Minh cùng Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam về đến Hà Nội; Uỷ ban này được cải tổ thành Chính phủ Lâm thời. Hồ Chí Minh ở nhà số 48 phố Hàng Ngang, Hà Nội của nhà tư sản dân tộc Trịnh Văn Bô.

22/8/1945
Hồ Chí Minh cùng Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam rời Tân Trào, Tuyên Quang về Hà Nội.

Tuyên ngôn Độc lập được viết vào thời điểm đặc biệt của lịch sử dân tộc, khi nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Việt Minh vừa giành được chính quyền trong cả nước sau hơn tám mươi năm bị nô lệ. Tuy nhiên, đó cũng là lúc những thách thức to lớn đang chờ phía trước: thực dân Pháp đang nuôi dã tâm tái chiếm nước ta với sự tiếp tay của một số nước đế quốc thuộc phe Đồng minh. Vì vậy, bên cạnh việc tuyên bố chấm dứt chế độ thực dân, phong kiến ở nước ta và mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do của dân tộc, *Tuyên ngôn Độc lập* còn đưa ra lời cảnh báo mạnh mẽ đối với các thế lực thực dân, đế quốc đang âm mưu tước đoạt nền độc lập mà nhân dân ta phải đổ bao xương máu mới gây dựng được.

Tuyên ngôn Độc lập là một trong những văn kiện quan trọng nhất của lịch sử Việt Nam hiện đại. Đây cũng là áng văn chính luận mẫu mực trên nhiều phương diện, vừa tiếp nối, vừa phát triển lên tầm cao mới truyền thống của văn chính luận trong văn học Việt Nam.

1. Xác định bố cục bản *Tuyên ngôn Độc lập* và nêu tóm tắt nội dung của từng phần.
2. Một tuyên ngôn chính trị thường phải xác lập được cơ sở pháp lí vững chắc. Trong bản *Tuyên ngôn Độc lập*, vấn đề này đã được thể hiện như thế nào?
3. Nhận xét tầm bao quát của tác giả về đối tượng tiếp nhận bản *Tuyên ngôn Độc lập* và tình thế lịch sử của đất nước vào thời điểm văn bản ra đời. Theo bạn, để hiểu thấu đáo vấn đề này, kiến thức lịch sử nào cần được vận dụng?
4. Nêu mục đích và hiệu quả của việc trích dẫn hai bản tuyên ngôn nổi tiếng trên thế giới ở đầu văn bản. Việc trích dẫn đó cho thấy điều gì về tư tưởng và tầm văn hoá của chính người viết?
5. Phân tích sức thuyết phục của phần văn bản triển khai luận điểm vạch trần các luận điệu xảo trá và tội ác của thực dân Pháp đối với đất nước, nhân dân ta và "tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp". Yếu tố biểu cảm được tác giả vận dụng như thế nào khi đề cập nội dung này?
6. Làm sáng tỏ mối tương quan giữa các nội dung khẳng định và phủ định trong văn bản. Bạn có nhận xét gì về các biện pháp được tác giả sử dụng nhằm làm tăng tính khẳng định hoặc tính phủ định cho từng luận điểm?
7. Sự cảnh báo đối với những toan tính thâm độc của các thế lực thực dân, đế quốc được thể hiện như thế nào trong văn bản? Tác giả đã nêu luận điểm gì để tác động vào cách nhìn của cộng đồng quốc tế về nước Việt Nam mới, dẫn đến việc công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam?
8. Nêu nhận xét khái quát về vị thế, trí tuệ và tình cảm của cả một dân tộc được thể hiện qua *Tuyên ngôn Độc lập*.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ của bạn về khả năng tác động lớn lao của *Tuyên ngôn Độc lập*.

VĂN BẢN 3, 4

Mộ
(*Chiều tối*)

Nguyên tiêu
(*Rằm tháng Giêng*)

Hồ Chí Minh

- *Theo trải nghiệm và vốn văn học của bạn, những thời điểm như buổi bình minh, lúc hoàng hôn, đêm trăng rằm,... có vị trí như thế nào trong cảm hứng sáng tạo của các nhà thơ xưa và nay?*
- *Hãy cho biết hình dung của bạn về nội dung sáng tác của những nhà thơ vốn lấy lí tưởng cách mạng làm lẽ sống.*

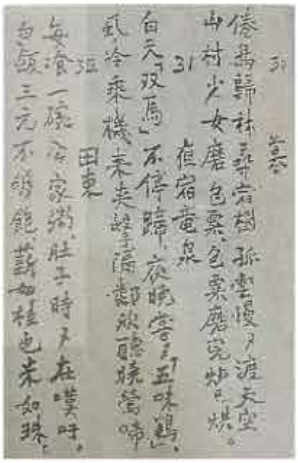
Mộ
(*Chiều tối*)

Phiên âm

Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không;
Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.

Dịch nghĩa

Cánh chim mỏi mệt[1] trở về rừng tìm cây để ngủ,
Chòm mây lẻ loi[2] lững lờ[3] trôi qua tầng không;
Thiếu nữ xóm núi xay ngô,
Ngô xay vừa xong, lò đã cháy rực[4] (lò đã được đốt lên).



Thủ bút của Hồ Chí Minh trong *Ngục trung nhật kí* (trang có chép bài *Mộ*)

(1) Dịch từ *quyện* (mỏi, mỏi mệt); *quyện* trong Hán ngữ có bộ "nhân", thường nói về trạng thái tinh thần của con người.

(2) Dịch từ *cô* (lẻ, lẻ loi, đơn độc); *cô* trong Hán ngữ thường chỉ tâm thế của con người; khác với các từ *đơn*, *nhất* thường để chỉ số lượng hoặc sự tồn tại.

(3) Dịch từ *mạn mạn* (chậm rãi, lững lờ); hình dung trạng thái vận động nhẹ nhàng, trong không gian tĩnh lặng, rộng lớn.

(4) Dịch từ *hồng* (đốt, hơ, sưởi – động từ); dễ nhầm với từ đồng âm *hồng* có nghĩa là màu hồng, màu đỏ (tính từ).

Dịch thơ

Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không;
Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.

Hình dung cảnh ngộ nhân vật trữ tình phải trải qua trên đường đi đày.

Nam Trân dịch

(Viện Văn học, *Suy nghĩ mới về "Nhật kí trong tù" – Nhật kí trong tù (Bản dịch trọn vẹn)*, Sdd, tr. 361 – 362)

Nguyên tiêu
(*Rằm tháng Giêng*)

Phiên âm

Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,
Xuân giang xuân thuỷ tiếp xuân thiên.
Yên ba thâm xứ đàm quân sự,
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.

1948

Dịch nghĩa

Đêm nay, rằm tháng Giêng, trăng vừa đúng độ tròn đầy[1],
Sông xuân[2], nước xuân tiếp liền với trời xuân.
Ở nơi khói sóng vắng lặng[3], bàn bạc việc quân,
Nửa đêm trở về, ánh trăng ăm ắp[4] đầy thuyền.

Dịch thơ

Rằm xuân lồng lộng trăng soi[5],
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân[6].
Giữa dòng bàn bạc việc quân,
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.

Chú ý hiện tượng điệp từ ở câu 2, mối tương quan giữa tính chất không gian và hoạt động của con người ở câu 3.

Xuân Thuỷ dịch

(*Thơ Hồ Chủ tịch*, NXB Văn học, Hà Nội, 1967, tr. 60)

---

(1) Dịch từ *viên* (tròn, tròn trịa, tròn đầy); ở đây thể hiện ý niệm về sức sống căng tràn (viên mãn).

(2) *Xuân*: mùa xuân, sức sống mùa xuân. Cả ba từ *xuân* trong câu thơ đều có chức năng làm định ngữ cho danh từ, thể hiện sức sống, khí sắc của thiên nhiên, đất trời.

(3) Dịch cụm từ *yên ba thâm xứ*; hình ảnh thường gợi không gian mênh mang, tĩnh lặng trong thơ cổ. Lục Du (Trung Quốc): "Yên ba thâm xứ ngoạ cô bồng,/ Túc tửu tinh thời văn đoạn hồng" (Khói sóng miền sâu thuyền cô lẻ,/ Giật mình tỉnh rượu ngỗng trời kêu); Cao Bá Quát: "Thế sự thăng trầm quân mạc vấn/ Yên ba thâm xứ hữu ngư châu" (Thế sự thăng trầm người chớ hỏi/ Miền sâu khói sóng chiếc thuyền câu);...

(4) Dịch từ *măn* (đầy, tràn đầy); trong nguyên văn, từ *măn* được dùng như động từ (tràn xuống và làm đầy ăm ắp).

(5) Theo một số tài liệu, ở bản dịch đầu tiên, câu này là: "Rằm xuân trăng đẹp trăng tươi".

(6) Theo một số tài liệu, ở bản dịch đầu tiên, câu này là: "Sông xuân nước gợn màu trời thêm xuân".

Mộ là bài thơ số 30[1] trong tập *Ngục trung nhật kí* của Hồ Chí Minh. Tác phẩm được viết vào khoảng những tháng đầu của thời gian Người bị cầm tù lần thứ hai ở Trung Quốc (1942 – 1943), ở cuối chặng chuyển lao từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo. Tác phẩm thể hiện cảm xúc của nhà thơ trong hoàn cảnh bị xiềng xích, giữa không gian núi rừng buổi chiều tối.

Bài thơ ***Nguyên tiêu*** được sáng tác trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại chiến khu Việt Bắc. Theo một số tư liệu, bài thơ được Hồ Chí Minh ứng tác sau một cuộc họp bàn về chiến dịch, giữa khung cảnh núi rừng; tác phẩm được nhà thơ Xuân Thuỷ dịch ứng khẩu ngay tại thời điểm đó. Giữa bản dịch phổ biến sau này và bản dịch lần đầu có khác nhau đôi chút.

Mộ và *Nguyên tiêu* là các tác phẩm được sáng tác theo thể tứ tuyệt, tuy được viết ở những hoàn cảnh khác nhau nhưng đều thể hiện rõ đặc trưng, phong cách cổ điển mà hiện đại của thơ chữ Hán Hồ Chí Minh.

1. Nhận xét về nghệ thuật miêu tả thiên nhiên (hình ảnh, bút pháp,...) trong hai câu thơ đầu của mỗi bài thơ.
2. Dựa vào hoàn cảnh sáng tác của mỗi tác phẩm, hãy chỉ ra tác động của thời điểm chiều tối và đêm trăng rằm tháng Giêng đến cảm xúc và tâm trạng nhà thơ trong mỗi bài.
3. Trong hai bài thơ *Mộ* và *Nguyên tiêu*, sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ được tác giả thể hiện như thế nào? Bạn có cảm nhận gì về cách nhìn của tác giả đối với chiều hướng phát triển của sự vật?
4. Cả hai bài thơ đều có bút pháp hội hoạ đặc sắc. Bạn có đồng ý với ý kiến nhận xét này không? Vì sao?
5. Đối chiếu các bản dịch thơ với nguyên văn của mỗi bài thơ (thông qua các bản dịch nghĩa), từ đó chỉ ra những chỗ các bản dịch thơ có thể chưa diễn đạt hết sắc thái và hàm nghĩa của nguyên văn.
6. Bức tranh về cuộc sống con người được miêu tả ở hai câu sau bài thơ *Mộ* gợi cho bạn cảm nhận gì về tâm trạng và đời sống tâm hồn của người tù – nhà thơ?
7. Hình ảnh ánh trăng đầy thuyền trong hai câu sau bài thơ *Nguyên tiêu* có thể đưa đến những suy nghĩ gì về mối tương quan giữa người chiến sĩ và người nghệ sĩ ở nhân vật trữ tình?
8. Chỉ ra dấu ấn của phong cách cổ điển trong mỗi tác phẩm.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích giá trị đặc sắc của hình ảnh lò than rực hồng (*Mộ*) hoặc hình ảnh trăng đầy thuyền (*Nguyên tiêu*).

[1] Số thứ tự của bài thơ do tác giả tự ghi trong nguyên văn.

VĂN BẢN 5

Những trò lố hay là Va-ren(*) và Phan Bội Châu

Nguyễn Ái Quốc

- *Bạn hiểu thế nào là trò lố? Trước một trò lố, người ta thường có những phản ứng như thế nào?*
- *Bạn đã biết gì về Phan Bội Châu và sự kính trọng mà nhân dân ta dành cho ông?*

Do sức ép của công luận ở Pháp và ở Đông Dương, ông Va-ren đã nửa chính thức hứa sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu[1]. Ông hứa thế; giả thử cứ cho rằng một vị Toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chăng nữa, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi liệu quan Toàn quyền Va-ren sẽ "chăm sóc" vụ ấy vào lúc nào và ra làm sao.

Đoạn mở đầu có gì đặc biệt? Chú ý những biểu hiện của sự trào lộng trong ngôn ngữ trần thuật.

Trước hết, ngài chỉ muốn chăm sóc đến khi nào yên vị thật xong xuôi ở bên ấy đã.

Nhưng ngài lại chỉ vừa mới xuống tàu, mà hành trình từ Mác-xây (Marseille) đến Sài Gòn kéo chừng bốn tuần lễ cơ. Như vậy có nghĩa là trong bốn tuần lễ đó, Phan Bội Châu vẫn bị giam trong tù.

*

Đến Sài Gòn thì ông Va-ren, có gì mà không lường trước được, sẽ bị quấn quýt lấy, lôi kéo đi, giằng co, ru vỗ, ấp ủ trong mớ bòng bong những buổi chiêu đãi, những cuộc tiếp với rước, những lời chúc với tụng. Tiếp đấy là một cuộc tuần du[2] linh đình qua khu phố bản xứ, giữa hàng nghìn người da vàng đã được nước Pháp

Hình dung cảnh tượng tân quan Toàn quyền đến Đông Dương.

(*) *Va-ren* (1870 – 1947): chính khách Pháp, tên đầy đủ là A-lếch-xăng-đrơ Cờ-lốt Va-ren (Alexandre Claude Varenne), đảm nhiệm chức Toàn quyền Đông Dương từ năm 1925 đến năm 1928.

(1) Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt cóc tại Thượng Hải (Trung Quốc) vào ngày 30/6/1925, sau đó bị giải về Việt Nam xử án. Sự kiện này làm dấy lên phong trào đòi thả Phan Bội Châu phát triển sôi nổi trong cả nước, gây sức ép lớn cho Chính phủ bảo hộ của thực dân Pháp ở Đông Dương.

(2) *Tuần du*: đi xem xét tình hình các nơi trong nước; đây vốn là hoạt động của nhà vua, được tác giả gắn với hoạt động của Va-ren để tỏ ý châm biếm, xem Va-ren chẳng khác gì một ông vua ở xứ thuộc địa.

hàng phục bằng sức mạnh của lưỡi lê, nay giao phó vận mệnh trong tay quan Toàn quyền. Và đó cũng là lần đầu tiên trong đời mình, hai con mắt của ông Va-ren được thấy hiển hiện cái huyền diệu của một thành phố Đông Dương, dưới lòng đường, trên vỉa hè, trong cửa tiệm. Những cu li[1] xe[2] kéo xe tay phóng cật lực, đôi bàn chân trần giẫm lạch bạch trên mặt đường nóng bỏng; những quả dưa hấu bổ phanh đỏ lòm lòm; những xâu lạp xưởng lủng lẳng dưới mái hiên các hiệu cơm; cái rốn một chú khách[3] trưng ra giữa trời; một viên quan uể oải bước qua, tay phe phẩy cái quạt, ngực đeo tấm Bắc Đẩu bội tinh[4] hình chữ thập. Thật là lộn xộn! Thật là nhốn nháo!

Chú ý giọng điệu của người kể chuyện.

Bỗng dưng tất cả dừng lại, dưới cây đũa thần, hay đúng hơn dưới ngọn roi gân bò[5] mà viên đội xếp Tây vừa vung lên vừa quát tháo: "Cái giống tởm nhà mày! Có cút đi không, cái giống tởm!". Thế là cái đám đông lúc nhúc đứng sắp hàng, vừa yên lại vừa lặng, hai bên lề đường. Gì thế nhỉ? Xe ô tô quan Toàn quyền sắp đi qua đấy... Xe kia rồi! Lại cả ông Toàn quyền đây rồi!

Có gì đặc biệt trong cách tác giả diễn tả thái độ của dân chúng?

– Quan có cái mũ hai sừng trên chóp sọ! Một chú bé con thầm thì.

– Ồ! Cái áo dài đẹp chửa! Một chị con gái thốt ra.

– Ngài sắp diễn thuyết đấy! Một anh sinh viên kêu lên.

– Đôi bắp chân ngài bọc ủng! Một bác cu li xe thở dài.

– *Rậm râu, sâu mắt*[6]! Một nhà Nho lẩm bẩm.

Thế là ô tô ông Va-ren chạy qua giữa hai hàng rào con người, lưng khom lại khi ngài đến gần. Cùng lúc, một tiếng rào rào nổi lên: "Lạy quan lớn! Bẩm lạy quan lớn ạ!"[7].

Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.

*

---

(1) *Cu li*: người lao động làm thuê những việc nặng nhọc như khuân vác, kéo xe,... dưới thời thực dân Pháp cai trị nước ta (*cu li* là phiên âm tiếng Việt của từ *coolie* trong tiếng Pháp).

(2) Từ *xe* được viết bằng tiếng Việt trong nguyên văn tiếng Pháp.

(3) *Khách* (khẩu ngữ): tên gọi chung người Hoa kiều ở Việt Nam, được dùng phổ biến thời trước Cách mạng tháng Tám.

(4) *Bắc Đẩu bội tinh*: loại huân chương cao quý nhất của Nhà nước Pháp, được Na-pô-lê-ông Bô-na-pác (Napoléon Bonaparte) đặt ra năm 1802 để tặng thưởng cho những cá nhân hoặc tổ chức (cả dân sự và quân sự) có đóng góp đặc biệt cho nước Pháp.

(5) *Roi gân bò*: roi làm bằng những sợi gân bò quấn chéo nhau.

(6) *Rậm râu, sâu mắt*: trong nguyên văn, cụm từ này được viết bằng tiếng Việt, có dịch ra tiếng Pháp và được chính tác giả giải thích là "ngạn ngữ nước Nam, chỉ đồ bất lương".

(7) Trong nguyên văn, hai câu này được viết bằng tiếng Việt, có dịch ra tiếng Pháp nhưng không kèm theo lời bình luận.

Từ Sài Gòn ra Hà Nội, ông Va-ren sẽ dừng lại Huế. Triều đình An Nam, do hoàng đế hay hình bóng hoàng đế dẫn đầu sẽ tất tưởi đi nghênh tiếp hiện thân tôn nghiêm của nước Pháp. Đức Kim thượng[1] Khải Định sẽ thỉnh ông Va-ren thăm hoàng cung, và ông Va-ren sẽ vào. Hoàng thượng Khải Định sẽ thỉnh ông Va-ren dự yến, và ông Va-ren sẽ ăn. Đến lúc tráng miệng, hoàng thượng đứng dậy, ngài uy nghi tiến đến gần quan Toàn quyền; đưa những ngón tay dài và mảnh, lấp lánh châu ngọc đỏ xanh, ngài cài lên ngực ông Va-ren loại tưởng lệ[2] phong tặng cao quý nhất của hoàng triều: Nam Long bội tinh[3], và thế là ông Va-ren được gắn mề đay[4].

Chú ý thủ pháp tương phản và trùng điệp.

Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.

*

Nhưng chúng ta hãy theo dõi, theo dõi bằng đôi cánh của trí tưởng tượng, những trò lố chính thức của ông Va-ren. Hãy theo ông đến tận Hà Nội, tận cổng nhà lao chính, tận xà lim[5], nơi người đồng bào tôn kính của chúng ta đang rên xiết.

Cách dẫn dắt sự theo dõi của độc giả ở đây có điểm gì đáng chú ý?

Ôi thật là một tấn kịch! Ôi thật là một cuộc chạm trán! Con người đã phản bội giai cấp vô sản Pháp, tên chính khách đã bị đồng bọn đuổi ra khỏi tập đoàn, kẻ đã ruồng bỏ quá khứ, ruồng bỏ lòng tin, ruồng bỏ giai cấp mình, lúc này mặt đối mặt với người kia, con người đã hi sinh cả gia đình và của cải để xa lánh khỏi thấy mặt bọn cướp nước mình, sống xa lìa quê hương, luôn luôn bị lũ này săn đuổi, bị chúng nhử vào muôn nghìn cạm bẫy, bị chúng kết án tử hình vắng mặt, và giờ đây đang bị, vẫn chúng, đeo gông lên vai, đày đoạ trong nhà giam, ngày đêm bị bóng dáng của máy chém như một bóng ma ám kề bên cổ.

Giữa kẻ phản bội nhục nhã và bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập, được hai mươi triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng, giữa hai con người đó xảy ra chuyện gì đây?

---

(1) *Đức Kim thượng*: vua đang trị vì.

(2) *Tưởng lệ*: khen thưởng để khuyến khích.

(3) *Nam Long bội tinh*: còn gọi là Đại Nam Long tinh hay Nam Việt Long bội tinh, là một cơ chế phong thưởng cho triều thần nhà Nguyễn và người Pháp tại Việt Nam dưới thời Pháp thuộc (cơ chế phong thưởng này được đề ra dưới triều vua Đồng Khánh, dựa trên thể thức phong thưởng Bắc Đẩu bội tinh của Pháp).

(4) *Mề đay*: huân chương hoặc huy chương do chính quyền thực dân hoặc triều đình phong kiến trao thưởng ở Việt Nam trong thời kì Pháp thuộc (*mề đay* là phiên âm tiếng Việt của từ *médaille* trong tiếng Pháp).

(5) *Xà lim*: buồng hẹp của nhà tù dùng để giam riêng từng người (*xà lim* là phiên âm tiếng Việt của từ *cellule* trong tiếng Pháp).

– Tôi đem tự do đến cho ông đây! Va-ren tuyên bố vậy, tay phải giơ ra bắt tay Phan Bội Châu, còn tay trái thì nâng cái gông to kệch đang xiết chặt Bội Châu trong nhà tù ẩm đạm.

"Nhưng, có đi phải có lại, tôi yêu cầu ông lấy danh dự hứa với tôi là sẽ trung thành với nước Pháp, hãy cộng tác, hãy hợp lực với nước Pháp để tiến hành ở Đông Dương một sự nghiệp khai hoá và công lí.

Theo dõi hành động và lời nói của Va-ren.

"Ông Phan Bội Châu, tôi biết rõ tâm hồn cao thượng và cuộc đời đầy hi sinh, nhiều nguy nan của ông, và chính tôi, tôi xin là người đầu tiên, với tư cách là Toàn quyền Đông Dương, được bày tỏ tấm lòng rất mực quý trọng ông. Song những ý tưởng hào hiệp nhất phải chăng bao giờ cũng hay nhất? Phải chăng bao giờ cũng thực hiện được? Than ôi, không đâu, ông ạ! Vả lại, trời ơi! Tại sao chúng ta lại cứ cố chấp cãi lộn nhau mãi thế này, trong lúc ông và tôi, tay nắm chặt tay, chúng ta có thể làm được biết bao công việc tốt đẹp cho xứ Đông Dương này? Chúng ta có thể cùng nhau làm cho nước ông trở thành một quốc gia tân tiến lớn, một xứ tự trị, một nước Pháp ở châu Á!

"Ô! Ông nghe tôi, ông Phan Bội Châu này! Ông hãy để mặc đấy những ý nghĩ phục thù của ông, hãy từ bỏ đi những mưu đồ xưa cũ, và, thôi, chớ tìm cách xúi giục đồng bào ông nổi lên chống lại chúng tôi nữa; trái lại, ông hãy bảo họ cộng tác với người Pháp, và, làm như vậy là ông sẽ được tất cả, được cho đất nước ông, được cho bản thân ông!

"Về chuyện này, tôi có thể kể ông nghe gương của một trong những trợ thủ cũ của ông, là ông Nguyễn Bá Trác[1]; ông biết đấy, ông này đã biết điều rồi và hiện nay thì đã đứng về phía chúng tôi. Nhưng nếu gương của người đồng bào ông, ông cho là chưa đủ, thì tôi xin kể gương đồng bào của chính tôi cho ông nghe, gương các bạn học của tôi từ hồi còn nhỏ, các chiến hữu của tôi, Guy-xta-vơ (Gustave), A-lếch-xăng-đrơ (Alexandre), A-ri-xtít (Aristide), An-be (Albert), Pôn (Paul) và Lê-ông (Léon)[2]. Những vị ấy, ngày nay lừng danh cả, đều đã lần lượt đốt cháy những cái mà mình đã tôn thờ và đang tôn thờ những cái mà mình đã đốt cháy. Như vậy các vị ấy có sao không? Chẳng sao cả. Nền dân chủ của chúng tôi, nhờ Chúa!

---

(1) *Nguyễn Bá Trác* (1881 – 1945): nhân vật lịch sử từng tham gia phong trào Đông du do Phan Bội Châu khởi xướng, sau về nước viết báo, làm biên khảo và đảm nhiệm một số chức vụ trong triều đình nhà Nguyễn.

(2) Trong nguyên văn, tác giả không nêu đầy đủ tên các nhân vật mà chỉ nêu họ để nhấn mạnh sự quen biết giữa tác giả và những người được nói tới. Nhưng ở phần cước chú, tác giả đã nêu cụ thể tên họ của từng người: Guy-xta-vơ Héc-vê (Gustave Hervé), A-lếch-xăng-đrơ Min-lơ-răng (Alexandre Millerand), A-ri-xtít Bri-ăng (Aristide Briand), An-be Tô-ma (Albert Thomas), Pôn Bông-cua (Paul Boncour), Lê-ông Giu-hô (Léon Jouhaux). Họ đều là đảng viên của Đảng Xã hội Pháp như Va-ren nhưng bị cho là đã phản bội quyền lợi của giai cấp công nhân để leo lên những chức vụ cao trong Chính phủ.

Rất là tốt! Thật thế, nền dân chủ hào hùng của nước Pháp, mà hôm nay tôi được vinh dự thay mặt giữa các ông, khoan dung với những người, như tôi, đã đoạn tuyệt với những lầm lạc của tuổi trẻ.

"Nhưng sao thế, ông hãy nhìn tôi này, ông Phan Bội Châu! Trước tôi là đảng viên Xã hội đấy, và giờ đây thì tôi làm Toàn quyền...!".

Ừ thì Phan Bội Châu nhìn Va-ren. Nhưng, lạ chưa! Những lời nói của Va-ren hình như lọt vào tai Bội Châu chẳng khác gì "nước đổ lá khoai"[1], và cái im lặng dửng dưng của Bội Châu suốt buổi gặp gỡ hình như làm cho Va-ren sửng sốt cả người.

Hình dung phản ứng của Phan Bội Châu.

Không phải vì một bên nói tiếng Nam, một bên nói tiếng Tây: đã có một viên quan ở đấy làm thông ngôn cơ mà. Nhưng cứ xét bình tĩnh, thì đó chỉ là vì Bội Châu không hiểu Va-ren cũng như Va-ren không hiểu Bội Châu.

*

Cuộc gặp gỡ chấm dứt ở đấy, hay ít ra là không ai biết được gì hơn nữa. Chỉ có anh lính dõng[2] An Nam bồng súng chào ở cửa ngục là cứ bảo rằng, nhìn qua chấn song, có thấy một sự thay đổi nhẹ trên nét mặt người tù lừng tiếng. Anh quả quyết – cái anh chàng ranh mãnh đó – rằng có thấy đôi ngọn râu mép người tù nhếch lên một chút rồi lại hạ xuống ngay, và cái đó chỉ diễn ra có một lần thôi.

Nếu quả thật thế, thì có thể là lúc ấy Bội Châu có mỉm cười, mỉm cười một cách kín đáo, vô hình và im lặng, như cánh ruồi lướt qua vậy[3].

T.B. – Một nhân chứng thứ hai của cuộc hội kiến Va-ren – Phan Bội Châu (xin chẳng dám nêu tên nhân chứng này) lại quả quyết rằng Bội Châu đã nhổ vào mặt Va-ren; cái đó thì cũng có thể[4].

Phạm Huy Thông dịch
(*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 2 (1924 – 1929),
NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 183 – 188)

---

(1) Một ngạn ngữ mà nông dân Bắc Kì ưa thích. Lá khoai trơn và không thấm nước, nước đổ lên chảy tuột đi ngay. Nông dân Pháp thì nói: "Không cắn câu!" (chú thích của tác giả trong nguyên văn).

(2) *Lính dõng*: lính địa phương ở nông thôn nước ta thời Pháp thuộc.

(3) *"Cười ruồi"*: lời ví von quen thuộc của người Nam, dùng để tả cái cười bí ẩn của người da vàng. Tiếng Pháp có nói: "cỡ cân ruồi", "chim ruồi", "tàu ruồi" (chú thích của tác giả trong nguyên văn).

(4) Trong văn bản, nhiều chỗ Phan Bội Châu chỉ được gọi là Bội Châu. Ở phần cuối văn bản, Va-ren cũng không được gọi kèm với đại từ "ông". Cách gọi trống không này thường được dùng trong quan hệ giao tiếp "thân mật", nhưng ở đây có sự phân biệt: thể hiện sự quý mến, gần gũi đối với Phan Bội Châu và sự coi thường đối với Va-ren.

Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu được tác giả viết bằng tiếng Pháp, đăng trên báo *Người cùng khổ* (*Le Paria*)[1] số 36 – 37, tháng 9, 10/1925 với bút danh Nguyễn Ái Quốc.

Truyện ngắn lấy cảm hứng từ việc kết nối hai sự kiện diễn ra trong cùng một khoảng thời gian: Va-ren – đảng viên Đảng Xã hội Pháp – chuẩn bị sang Đông Dương nhậm chức Toàn quyền và nhà cách mạng Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt, toan tử hình (sau rút xuống án khổ sai chung thân). Thông qua việc kết nối này, cùng lúc tác giả vừa dả kích sự phản bội của Va-ren đối với lí tưởng đấu tranh của Đảng Xã hội Pháp vừa ca ngợi một người con anh hùng của dân tộc Việt Nam. Câu chuyện mang tính chất hư cấu, được kể "bằng đôi cánh của trí tưởng tượng" nhưng phản ánh đúng bản chất của các sự kiện có thật và dự báo một tiền đồ không mấy sáng sủa hơn của xứ Đông Dương khi có "ngài" Toàn quyền mới. Viết *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* cũng là một cách Nguyễn Ái Quốc góp tiếng nói từ nước Pháp ủng hộ phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu đang dâng cao tại Việt Nam.

1. Truyện ngắn *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* ra đời trong hoàn cảnh đặc biệt như thế nào?
2. Tác phẩm được chia thành năm phần rõ rệt. Hãy khái quát nội dung của từng phần.
3. Cảm hứng trào lộng được thể hiện ở những phương diện nào của tác phẩm?
4. Tìm những chi tiết làm rõ sự tương phản giữa hai nhân vật Va-ren và Phan Bội Châu. Sự tương phản đó được thể hiện trên những bình diện nào?
5. Câu chuyện tưởng tượng về việc Va-ren sang Việt Nam nhậm chức và gặp Phan Bội Châu được kể từ những điểm nhìn nào?
6. Nêu cảm nhận của bạn về ngôn ngữ, giọng điệu của tác phẩm.
7. Phần kết thúc của tác phẩm có điểm gì đáng chú ý? Theo bạn, còn có những phương án kết thúc nào khác có thể nghĩ đến (xét theo góc nhìn của người sáng tác)?
8. Qua tác phẩm này, bạn có suy nghĩ gì về tài năng viết truyện ngắn của Nguyễn Ái Quốc?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận, suy nghĩ của bạn về một thủ pháp trào lộng đã được tác giả sử dụng hoặc về đoạn kết của tác phẩm *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*.

[1] *Báo "Người cùng khổ"*: cơ quan tuyên truyền của Hội liên hiệp thuộc địa, do Nguyễn Ái Quốc và một số nhà cách mạng của các nước thuộc địa sáng lập tại Pa-ri, hoạt động trong khoảng thời gian từ tháng 4/1922 đến tháng 4/1926.

Thực hành tiếng Việt

Một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận

1. Trong *Tuyên ngôn Độc lập*, sau khi trích dẫn hai bản tuyên ngôn nổi tiếng của nước Mỹ và nước Pháp, tác giả Hồ Chí Minh đã viết:

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Thế mà hơn tám mươi năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Phân tích cách tác giả làm tăng tính khẳng định của các luận điểm ở những câu trên.

2. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

Sự thực là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Cộng hoà Dân chủ.

Sự thực là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam tự tay Nhật, chứ không phải tự tay Pháp.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*)

a. Tác giả muốn phủ định, đồng thời khẳng định điều gì trong đoạn văn?

Nhận biết một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận

- **Biện pháp làm tăng tính khẳng định**

– Sử dụng các từ ngữ mang nghĩa khẳng định: *chắc chắn, tất nhiên, rõ ràng, chỉ có thể, không thể chối cãi,...*

– Sử dụng những từ ngữ thể hiện quy mô áp đảo, phạm vi bao quát (không trừ cá thể nào) hoặc trạng thái ổn định: *tất cả, mọi, toàn thể, luôn luôn, thường xuyên,...*

– Sử dụng phổ biến kiểu câu khiến, thể hiện ý khẳng định. Ví dụ: *Chúng ta phải đứng lên!*

Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc.

(Hồ Chí Minh, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*)

– Sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ nhấn mạnh ý được khẳng định. Ví dụ: *Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn tám mươi năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!*

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*)

- **Biện pháp làm tăng tính phủ định**

– Sử dụng các từ ngữ mang nghĩa phủ định: *chưa từng, không, không hề, chẳng, chẳng bao giờ,...*

– Sử dụng những từ ngữ biểu thị ý nghĩa hạn chế: *không mấy, chẳng bao nhiêu, ít khi,...*

b. Căn cứ vào nội dung thực hành tiếng Việt của bài học, hãy xác định từ khoá của đoạn văn và cho biết vì sao bạn lại xác định như vậy.

3. Liệt kê những danh từ, cụm danh từ, đại từ đã được Hồ Chí Minh sử dụng trong *Tuyên ngôn Độc lập* để chỉ thực dân Pháp. Từ ngữ nào được sử dụng nhiều nhất? Điều đó đã làm tăng tính phủ định của một số luận điểm trong văn bản như thế nào?

4. Lập bảng tổng hợp các từ ngữ thể hiện ý khẳng định và phủ định được dùng trong *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh. Nhận xét về hiệu quả biểu đạt của lớp (nhóm) từ ngữ này trong văn bản.

5. Đọc lại ba văn bản ở Bài 3: *Nhìn về vốn văn hoá dân tộc*, *Năng lực sáng tạo*, *Mấy ý nghĩ về thơ* và tìm dẫn chứng cho thấy các tác giả đã sử dụng một số biện pháp phù hợp nhằm làm tăng tính khẳng định, phủ định của văn bản.

– Sử dụng phổ biến kiểu câu hỏi thể hiện ý nghi ngờ, chất vấn. Ví dụ: *Huống nay trên dải đất văn hiến rộng lớn như thế này, há trong đó lại không có lấy một người tài danh nào ra phò giúp cho chính quyền buổi ban đầu của trẫm hay sao?*

(Ngô Thì Nhậm, *Cầu hiền chiếu*)

– Sử dụng các danh từ, đại từ thể hiện thái độ đánh giá tiêu cực (coi thường, khinh bỉ, căm ghét,...) để chỉ đối tượng bị đả kích. Ví dụ: *Dân ta bị **Tây nó** giết mòn, giết mỏi. Giết cách này không chết hết, thì **nó** giết cách khác. **Nó** lấy rượu và a phiến làm cho dân ta chết nhiều. **Nó** bắt đi đào sông, đào đường, bị nước độc mà chết. **Nó** bắt đi lính đi làm nô lệ bên các xứ đen mà chết. Nay **nó** lại nhận chìm cả xứ!*

(Nguyễn Ái Quốc, *Nhân đức của Pháp*)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VIẾT

Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án

Bài tập dự án là loại bài tập đòi hỏi bạn (hoặc nhóm học tập của bạn) phải dành thời gian thích đáng ngoài giờ lên lớp để nghiên cứu về một đề tài, chủ đề cụ thể. Sau khi thực hiện các yêu cầu của bài tập dự án, bạn cần viết báo cáo kết quả để trình bày, phục vụ cho việc nghiệm thu. Tuỳ từng bài tập dự án mà bạn chọn cho bản báo cáo một cách triển khai riêng, tuy nhiên, tất cả các báo cáo đều phải thể hiện được cảm quan nhạy bén, khả năng nghiên cứu độc lập, sự sáng tạo của người thực hiện.

Yêu cầu

- Xác định rõ nội dung của bài tập dự án và mục đích thực hiện bài tập dự án.
- Trình bày khái quát các yếu tố chính chi phối việc thực hiện thành công bài tập dự án.
- Miêu tả và tự đánh giá được những kết quả nổi bật của bài tập dự án, có sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp.
- Đề xuất được hướng sử dụng hợp lí kết quả của bài tập dự án.
- Nêu được ý nghĩa của việc thực hiện bài tập dự án đối với bản thân (cá nhân hoặc nhóm thực hiện) và đối với việc thúc đẩy sự tìm hiểu, giải quyết các vấn đề có liên quan.

Bài viết tham khảo

BÁO CÁO KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN

Sưu tầm tài liệu hỗ trợ cho việc học tập, tìm hiểu về tác gia Hồ Chí Minh

Tên bài tập dự án làm thành một phần của nhan đề bài viết.

Người thực hiện bài tập dự án: Nhóm A
Nhóm trưởng: Nguyễn Thanh T.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ BÀI TẬP DỰ ÁN

Nêu các thông tin chung về bài tập dự án.

1. Yêu cầu của bài tập dự án: Sưu tầm tài liệu hỗ trợ cho việc học tập, tìm hiểu về tác gia Hồ Chí Minh.

2. Thời gian thực hiện: 2 tuần (từ ... đến ...).

3. Xác định các công việc cụ thể

– Sưu tầm tranh, ảnh, video clip về cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

– Sưu tầm các tác phẩm văn học tiêu biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

– Sưu tầm các tài liệu tiêu biểu viết về con người, sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

– Thiết kế các bản đồ, bảng tổng hợp, infographic thể hiện khái quát những thông tin về Chủ tịch Hồ Chí Minh.

– Tổ chức các tài liệu đã sưu tầm và tự làm thành một sản phẩm hoàn chỉnh.

– Tổ chức triển lãm sản phẩm và thuyết minh về sản phẩm đã thực hiện.

4. Phân công công việc

Các thành viên trong nhóm đã đăng kí thực hiện những công việc hợp sở trường của bản thân và tham gia với những mức độ khác nhau vào các công việc khác.

5. Xác định các bước tiến hành

– Bước 1: Sưu tầm tài liệu.

– Bước 2: Phân loại tài liệu.

– Bước 3: Tổ chức tài liệu thành sản phẩm hoàn chỉnh.

– Bước 4: Giới thiệu sản phẩm của bài tập dự án.

II. KẾT QUẢ CHÍNH CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN

Trình bày kết quả chính của bài tập dự án – nội dung trọng tâm của báo cáo.

1. Đã sưu tầm được một khối lượng tranh, ảnh, video clip phong phú về các chặng đường hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1911 đến năm 1969, kèm theo tranh, ảnh về quê hương của Người và ngôi nhà sàn trong Phủ Chủ tịch.

– *Cách sưu tầm*: chụp; scan; tải tranh, ảnh trên sách, báo, internet.

– *Cách xử lí tài liệu*: ghi rõ nội dung và nguồn tranh, ảnh, video clip; sắp xếp theo trình tự thời gian, nhấn mạnh những hoạt động, sự kiện nổi bật; tạo album lớn để chứa tranh, ảnh; phóng to những bức tiêu biểu.

2. Đã sưu tầm được những ấn phẩm in các tác phẩm văn, thơ tiêu biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh (được viết dưới các bút danh khác nhau), trong đó có những tác phẩm được dạy học trong nhà trường phổ thông.

– *Cách sưu tầm*: khai thác từ tủ sách gia đình, mượn hoặc mua thêm những tác phẩm thuộc tủ sách dùng cho nhà trường.

– *Cách xử lí tài liệu*: xếp các tác phẩm vào từng nhóm: văn chính luận, truyện và kí, thơ (chữ Hán và tiếng Việt); lập danh mục (theo quy ước chung) các ấn phẩm đã sưu tầm được; tạo văn bản riêng liệt kê các bút danh đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng.

3. Đã sưu tầm được một số tác phẩm tiêu biểu viết về sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh (chủ yếu thuộc mảng sáng tác thơ văn và mảng nghiên cứu – phê bình về các tác phẩm được dạy học trong nhà trường phổ thông).

– *Cách sưu tầm*: tìm các tuyển tập, chuyên luận, tạp chí chuyên ngành để chọn bài.

– *Cách xử lí tài liệu*: scan hoặc đánh máy lại các bài viết đã chọn theo khổ giấy thống nhất để dễ dàng đóng thành tập; phân loại các bài viết theo nhóm và đặt đề mục phù hợp cho từng nhóm bài; lập danh mục những bài nghiên cứu, phê bình cần đọc.

4. Đã xây dựng được niên biểu về Chủ tịch Hồ Chí Minh dưới hình thức infographic và lập được bản đồ đánh dấu bước chân của Người trên hành trình cách mạng.

– *Cách lập niên biểu*: Tham khảo những niên biểu về Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các sách chuyên đề; chọn hình thức infographic phù hợp để thể hiện các thông tin, đảm bảo tính trực quan, tính hệ thống, tính thẩm mĩ.

– *Cách tạo các bản đồ*: Sử dụng bản đồ thế giới và bản đồ Việt Nam có sẵn, đánh dấu đỏ (chấm tròn hoặc ngôi sao) những nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng ở và hoạt động (có ghi rõ địa danh, thời gian hoạt động).

5. Đã lên các phương án trưng bày sản phẩm của bài tập dự án như một chỉnh thể, tuỳ vào những không gian và điều kiện trưng bày khác nhau, đảm bảo thống nhất, mạch lạc, hấp dẫn (Khi không trưng bày, sản phẩm có thể được xếp gọn để bảo quản).

6. Nhóm thực hiện bài tập dự án đã cử người thuyết minh về kết quả (2 – 3 người phối hợp với nhau). Việc thuyết minh sẽ được thực hiện tuỳ tình hình thực tế.

III. VẤN ĐỀ SỬ DỤNG, LƯU TRỮ KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN

– Kết quả của bài tập dự án có thể được sử dụng vào nhiều thời điểm khác nhau với những mục đích khác nhau, tuỳ theo kế hoạch hoạt động giáo dục và dạy học của nhà trường: thời điểm học Bài 6 trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12*, tập hai; thời điểm tổ chức lễ kỉ niệm ngày sinh nhật Bác; thời điểm phát động các phong trào thi đua; thời điểm hưởng ứng các hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu;...

Nêu hướng sử dụng kết quả bài tập dự án – điều đóng vai trò khẳng định ý nghĩa thiết thực của hoạt động.

– Người sử dụng có thể là cá nhân hoặc tập thể; việc sử dụng có thể diễn ra theo các hình thức: xem triển lãm, mượn tài liệu (với những cam kết cần thiết),...

– Kết quả của bài tập dự án có thể được lưu lại trong không gian riêng của lớp học hoặc trong thư viện của nhà trường.

IV. MỘT SỐ KINH NGHIỆM VỀ VIỆC THỰC HIỆN BÀI TẬP DỰ ÁN

– Nội dung bài tập dự án phải có ý nghĩa thiết thực, tạo được động lực làm việc cho người thực hiện và sự ủng hộ tích cực của các đối tượng liên quan.

Rút kinh nghiệm về việc thực hiện bài tập dự án – điều góp phần làm nên thành công của hoạt động kiểu này ở lần sau.

– Dự án được thực hiện trong thời gian ngắn, vì vậy, vấn đề phân công công việc một cách hợp lí cho từng thành viên tham gia (nếu bài tập dự án được thực hiện theo hình thức nhóm) cần được chú trọng, đảm bảo phát huy tích cực các sáng kiến cá nhân – điều có thể đưa lại cho bài tập dự án những kết quả thú vị, bất ngờ.

– Việc thực hiện bài tập dự án thường cần đến sự hỗ trợ của nhiều cá nhân, tập thể có liên quan. Vì vậy, việc gây dựng các quan hệ công việc thế nào cho hiệu quả là điều cần được đặc biệt quan tâm.

V. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN

Bài tập dự án đã được nhóm A thực hiện thành công trong thời gian tương đối ngắn, theo sát kế hoạch đã vạch ra. Tuy chưa thể hiện rõ tính độc đáo nhưng kết quả đạt được phù hợp với điều kiện và phạm vi tìm hiểu, tra cứu của người thực hiện. Sản phẩm của bài tập dự án có thể giúp cho việc học tập về tác gia Hồ Chí Minh theo sách giáo khoa Ngữ văn lớp 12 đạt được hiệu quả tích cực.

Tự đánh giá kết quả của bài tập dự án – điều cho thấy sự chủ động cao của người thực hiện khi nhìn nhận về sản phẩm hoạt động của mình.

Thay mặt nhóm thực hiện bài tập dự án

Nguyễn Thanh T.

(Nhóm biên soạn)

1. Nhận xét về cấu trúc của văn bản báo cáo được dùng làm bài viết tham khảo ở trên. Có nên xem kiểu cấu trúc này là một mô hình cần được áp dụng phổ biến hay không? Vì sao?
2. Trong văn bản, nội dung nào đã được ưu tiên trình bày? Sự ưu tiên đó đã hợp lí chưa?
3. Theo bạn, văn bản có điều gì cần điều chỉnh, bổ sung? Vì sao?
4. Nếu có yêu cầu văn bản báo cáo phải sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ, bạn sẽ gợi ý cho người viết báo cáo xử lí vấn đề này như thế nào?

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

– Cần hình dung đầy đủ về cả quá trình thực hiện bài tập dự án, từ việc nhận đề tài hay trao đổi về đề tài đến việc phân công nội dung hoạt động cho từng thành viên (nếu dự án được thực hiện theo nhóm) và việc điều chỉnh, sắp xếp, tổ chức các sản phẩm cụ thể đã làm được.

– Bài viết sẽ thực hiện nhất thiết phải dựa trên kết quả đạt được của một bài tập dự án mà bạn đã làm hoặc tham gia làm. Vì vậy, ở đây, cần quay lại với bước đầu tiên: xác định đề tài của bài tập dự án – một bước hoạt động có thể đã được triển khai trước thời điểm bạn viết báo cáo này ít nhất một tuần.

– Đề tài bài tập dự án có thể do giáo viên đưa ra hoặc do chính học sinh tự đề xuất. Khi đề xuất, bạn cần đọc lại phần lời dẫn đặt dưới tên kiểu bài để hình dung thế nào là một bài tập

dự án, ý nghĩa của nó và cách thực hiện. Đề tài nên gắn với các nội dung học tập trong sách giáo khoa và phù hợp với điều kiện học tập cụ thể của bạn. Một số gợi ý: Các thời kì phát triển của văn học viết Việt Nam từ nguồn gốc đến nay và những tác giả, tác phẩm tiêu biểu ở từng thời kì; Các nhà thơ thuộc phong trào Thơ mới 1932 – 1945 có tác phẩm được học trong chương trình Ngữ văn phổ thông; "Theo dấu chân những người lính Tây Tiến" (những tranh, ảnh, hiện vật về các hoạt động và địa bàn hoạt động của quân đoàn Tây Tiến, phục vụ cho việc học bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng); "Đêm hài kịch" (từ văn bản hài kịch đến buổi diễn hài kịch trên sân khấu); Lập thư viện ảnh về những cảnh quan, con người được đề cập trong các tác phẩm kí có mặt trong sách giáo khoa Ngữ văn; Xây dựng video clip về những vấn đề, sự việc được nói đến ở các văn bản thông tin trong sách giáo khoa Ngữ văn cấp Trung học phổ thông; "Đường Bác Hồ đi cứu nước" (xác lập bản đồ về hành trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh); Dựng hoạt cảnh Bác Hồ và trăng;...

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Tất cả các ý được dùng cho bài viết đều mang tính chất của những thông tin khách quan, hình thành dựa trên việc miêu tả khái quát những gì bạn hoặc nhóm của bạn đã thực hiện trên thực tế. Cần bám vào các yêu cầu của kiểu bài viết để xác định những ý nào cần được triển khai:

– *Nội dung bài tập dự án; mục đích, sự cần thiết của việc thực hiện bài tập dự án* (Bài tập đòi hỏi phải làm gì? Tại sao cần thực hiện bài tập dự án này? Bài tập dự án giúp ích gì cho việc học tập? Bài tập yêu cầu người thực hiện phải có được kĩ năng và phẩm chất nào?...).

– *Các bước triển khai bài tập dự án; sự phân công công việc cho các thành viên tham gia (nếu bài tập dự án do nhóm thực hiện); kế hoạch nghiệm thu kết quả ở từng bước* (Bài tập dự án được thực hiện trong khung thời gian nào? Tính hợp lí của sự phân công công việc nhằm khai thác thế mạnh của từng thành viên được thể hiện ra sao? Việc kết nối công việc và đánh giá kết quả ở từng bước đã được quan tâm đúng mức chưa?...).

– *Các kết quả đạt được nổi bật của bài tập dự án; tính sáng tạo, tính mới trong các kết quả; việc đảm bảo tính trung thực trong việc tạo ra sản phẩm cho bài tập dự án* (Kết quả đạt được đáng nói nhất của bài tập dự án là gì? Tính sáng tạo, tính mới của kết quả bài tập dự án được thể hiện như thế nào? Có hiện tượng "khai khống" kết quả và vi phạm bản quyền trong việc tạo ra sản phẩm hay không?...).

– *Hướng sử dụng kết quả của bài tập dự án* (Kết quả bài tập dự án có thể được sử dụng khi học bài nào hay khi thực hiện hoạt động gì trong nhà trường? Kết quả này có thể được chia sẻ như thế nào và được lưu trữ ở đâu?).

– *Những việc cần làm tiếp sau khi hoàn thành bài tập dự án* (Bài tập dự án đã hoàn thành có khả năng gợi mở những bài tập dự án mới không? Trong kết quả của bài tập dự án còn có vấn đề nào chưa được giải quyết trọn vẹn? Hướng giải quyết một số vấn đề nảy sinh sau quá trình thực hiện bài tập dự án là gì?).

– *Bài học kinh nghiệm của người (cá nhân hoặc nhóm) thực hiện bài tập dự án* (Nguyên nhân đạt được hay chưa đạt được kết quả mong muốn khi thực hiện bài tập dự án là gì? Cần chấn chỉnh hay phát huy điểm nào ở khâu tổ chức? Vấn đề tương thích giữa nội dung bài tập dự án và thời gian thực hiện cần được ý thức như thế nào?...).

Lập dàn ý

Nghiên cứu kĩ phần *Yêu cầu* của kiểu bài vì trình tự sắp xếp các yêu cầu cụ thể trong đó đã gợi ý về cách lập dàn ý cho bài viết.

Viết

– Cần bám theo dàn ý đã lập để viết. Các phần, đoạn cần được trình bày tách bạch, dễ theo dõi. Cuối bản báo cáo có thể ghi tên người viết báo cáo (với tư cách cá nhân hay tư cách người đại diện cho nhóm thực hiện bài tập dự án).

– Cần sử dụng ngôn ngữ khách quan cho báo cáo, hạn chế tối đa những câu văn mang tính biểu cảm. Các thông tin phải đảm bảo tính xác thực, có thể đưa kèm một số bảng, sơ đồ, hình minh hoạ,...

– Luôn quan tâm đến vấn đề bản quyền khi sử dụng các tài liệu của người khác đã công bố hay chưa công bố (ghi chú rõ ràng xuất xứ những tài liệu được sử dụng).

Chỉnh sửa, hoàn thiện

– Dựa theo yêu cầu của kiểu bài để bổ sung các thông tin còn thiếu; lược bỏ những đoạn miêu tả dài dòng, ít có giá trị thông tin hay những câu biểu cảm không cần thiết.

– Nếu bài tập dự án được một nhóm thực hiện, bản báo cáo cần được thông qua các thành viên trong nhóm để có những điều chỉnh phù hợp.

NÓI VÀ NGHE

Trình bày kết quả của bài tập dự án

Yêu cầu

- Nêu tên của bài tập dự án và người thực hiện (cá nhân hoặc nhóm).
- Trình bày được thông tin cơ bản về quá trình thực hiện bài tập dự án với các bước cụ thể.
- Làm nổi bật được các kết quả chính thể hiện đóng góp riêng của người thực hiện bài tập dự án, kèm theo các minh chứng chọn lọc được trình bày bằng các hình thức, phương tiện phù hợp.
- Gợi mở được hướng sử dụng kết quả bài tập dự án và nêu các công việc cần tiếp tục thực hiện có liên quan đến bài tập dự án.
- Rút ra được bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện bài tập dự án.

Chuẩn bị nói

Lựa chọn đề tài

Đề tài bài nói cũng là đề tài của báo cáo kết quả bài tập dự án đã hoàn thành theo yêu cầu ở phần *Viết*.

Tìm ý và sắp xếp ý

Việc tìm ý và sắp xếp ý cho bài nói cần bám sát những gì đã thể hiện trong bài viết đã có. Do thời gian thuyết trình hạn chế nên bạn chỉ chọn lọc từ bài viết những thông tin cơ bản nhất.

Việc sắp xếp ý cần bám theo trình tự đã thể hiện ở phần *Yêu cầu* của hoạt động nói và nghe.

Thực hành nói

Tương tự các bài nói khác, bài trình bày về kết quả của bài tập dự án có thể được chia thành ba phần lớn: *Mở đầu, Triển khai, Kết luận*. Khi nói, chú ý phân bố thời lượng hợp lí cho từng phần, trong đó, việc trình bày kết quả đạt được của bài tập dự án cần được ưu tiên. Tuy nhiên, cũng tuỳ vào việc thực hiện bài tập dự án trên thực tế mà chọn nhấn mạnh vào điểm nào có ý nghĩa nhất, bổ ích nhất đối với người nghe. Chẳng hạn, nếu phần lớn các thành viên trong lớp thiếu kinh nghiệm ở bước phân công công việc thì có thể nói kĩ hơn về vấn đề này. Hoặc nếu còn nhiều người gặp lúng túng trong việc sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ hay chọn hình thức báo cáo (một người hay một nhóm người phối hợp với nhau khi trình bày) thì khi nói, bạn có thể phân tích thêm về tính hợp lí của cách bạn đã chọn để mọi người tham khảo.

Trao đổi, đánh giá

Khi trao đổi, đánh giá, cần có sự phân biệt tương đối giữa kết quả thực tế đạt được của bài tập dự án với việc trình bày về kết quả đó, mặc dù giữa hai vấn đề này có mối quan hệ chặt chẽ.

Người nghe	Người nói
– Nêu nhận xét về nội dung bài nói, cách thể hiện bài nói, có đối chiếu với kết quả thực tế của việc thực hiện bài tập dự án. – Đặt các câu hỏi cần thiết về việc thực hiện bài tập dự án. – Đề xuất các hướng thực hiện khác, mang tính khả thi đối với bài tập dự án, giúp cho người thực hiện rút kinh nghiệm về sau. – Gợi ý hướng sử dụng kết quả của bài tập dự án vào hoạt động học tập (tiếp nối ý có thể đã được người nói đề cập).	– Tiếp nhận một cách tích cực các ý kiến phản hồi, góp ý. – Làm rõ một số vấn đề còn khiến người nghe băn khoăn, thắc mắc. – Mở rộng thêm ý nói về vấn đề rút kinh nghiệm sau khi thực hiện một bài tập dự án.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Bài học giúp bạn hiểu thêm điều gì về sự thống nhất cao độ giữa sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với toàn bộ tác phẩm Người đã viết (trong đó có sáng tác văn học)?
2. Sự đa dạng của phong cách văn chương Hồ Chí Minh đã được thể hiện như thế nào qua các văn bản được học trong bài?
3. Tìm đọc trọn vẹn tập *Ngục trung nhật kí* và các tuyển tập thơ chữ Hán, thơ tiếng Việt của Hồ Chí Minh. Học thuộc lòng một số bài thơ bạn thấy tâm đắc và sưu tầm những tài liệu viết về các bài thơ đó.
4. Tìm đọc các cuốn sách sưu tầm mảng sáng tác truyện, kí của Hồ Chí Minh và phân loại sơ bộ những tác phẩm truyện, kí đó theo các tiêu chí: thể loại, đề tài, bút pháp (cách viết).
5. Chọn đọc các tác phẩm chính luận tiêu biểu của Hồ Chí Minh, ghi chép về hoàn cảnh ra đời của từng tác phẩm và trích ra những câu, những đoạn văn mà bạn thấy đáng chú ý nhất.
6. Tìm hiểu cách tổ chức hệ thống tư liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các phòng trưng bày chuyên đề hoặc trong các viện bảo tàng mà bạn có dịp ghé thăm. Phác thảo ý tưởng về cách tổ chức những tư liệu mà bạn hoặc các bạn trong lớp có được về Người trong không gian học tập phù hợp (ở nhà hoặc ở lớp).
7. Thảo luận với các bạn trong nhóm học tập hoặc trong lớp về một số dự án cần thực hiện để phục vụ cho hoạt động học tập theo nội dung sách giáo khoa Ngữ văn lớp 12.

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Tìm hiểu hoàn cảnh sáng tác của từng bài thơ và sự chi phối của hoàn cảnh đó đến cấu tứ và nội dung trữ tình ở mỗi bài.
- Phát hiện được các đặc điểm nổi bật trong phong cách thơ trữ tình của Hồ Chí Minh thể hiện qua hai bài thơ.
- Nhận ra được vẻ đẹp tư tưởng, tâm hồn và tài năng văn chương của người viết thể hiện qua các bài thơ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Vọng nguyệt[*]

(*Ngắm trăng*)

Hồ Chí Minh

Phiên âm

Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,
Đối thử lương tiêu nại nhược hà?
Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,
Nguyệt tòng song khích khán thi gia.

Dịch nghĩa

Trong tù không có rượu, cũng không có hoa,
Trước đêm trăng đẹp này, biết phải làm thế nào?
Người hướng ra ngoài song cửa ngắm trăng sáng,
Trăng theo tới khe cửa ngắm nhà thơ.

Dịch thơ

Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ;
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

Nam Trân dịch

(Viện Văn học, *Suy nghĩ mới về "Nhật kí trong tù" – Nhật kí trong tù (Bản dịch trọn vẹn)*, Sdd, tr. 341 – 342)

Cảnh khuya

Hồ Chí Minh

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

1947

(*Thơ Hồ Chủ tịch*, Sdd, tr. 40)

[*] Trong nguyên văn tập *Ngục trung nhật kí*, bài thơ này được tác giả đánh số thứ tự 20.

Bài 7 SỰ THẬT TRONG TÁC PHẨM KÍ

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của phóng sự và hồi kí như: tính phi hư cấu, một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp của các chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết;...
- Phân tích, đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm kí đối với người đọc và tiến bộ xã hội.
- Hiểu được đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật để vận dụng một cách hiệu quả trong giao tiếp.
- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
- Biết trình bày ý kiến về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
- Có cái nhìn tỉnh táo về hiện thực; biết trân trọng những quyết định, hành động hướng về lí tưởng cao đẹp.

ĐỌC

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TRI THỨC NGỮ VĂN

Phóng sự

Phóng sự xuất hiện trên cơ sở sự phát triển của báo chí hiện đại, thường được xem là một thể loại thuộc loại hình kí. Phóng sự cung cấp cho người đọc cái nhìn chân thực về một sự việc, hiện tượng, thường là đặc biệt, có ý nghĩa thời sự, diễn ra trong đời sống xã hội đương thời. Phóng sự thể hiện tính chiến đấu cao khi dùng sự thật để phản bác những nhận thức còn sai lệch và khẳng định điều tốt đẹp trong đời sống, tác động tích cực đến nhận thức của người đọc. Tính chân thực về thời gian, địa điểm, sự kiện, con người và chi tiết là những đặc điểm cốt lõi của một bài phóng sự.

Để đảm bảo sự xác thực và độ tin cậy của thông tin, người viết phóng sự thường dùng những biện pháp nghiệp vụ báo chí như điều tra, phỏng vấn, ghi chép tại chỗ,... Với phóng sự, ngoài các tư liệu thực tế xác thực, tác giả còn có thể sử dụng các thủ pháp hư cấu ở một mức độ nhất định nhằm làm cho câu chuyện và các sự kiện được kể

trở nên hấp dẫn hơn. Do vậy, bên cạnh việc đáp ứng những yêu cầu về mặt thông tin, nhiều phóng sự còn thể hiện tính thẩm mĩ, mang dấu ấn phong cách cá nhân người viết trong việc mô tả sự việc, hiện tượng; sử dụng nghệ thuật trần thuật, biện pháp tu từ, ngôn ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc,...

Hồi kí

Hồi kí là thể loại thuộc loại hình kí, có giá trị tư liệu cao, kể lại từ điểm nhìn chủ quan về những sự kiện, biến cố đã xảy ra trong quá khứ mà tác giả là nhân vật trung tâm hoặc là người tham dự, chứng kiến. Hồi kí luôn đề cao tính xác thực của những gì được kể. Câu chuyện về con người và sự việc trong hồi kí giúp độc giả vừa thấy rõ trải nghiệm phong phú và thế giới tinh thần riêng của người viết, vừa hình dung được diện mạo chân thực của đời sống lịch sử – xã hội và văn hoá một thời đã qua. Người viết hồi kí thường tập trung ghi chép, soi tỏ phần hiện thực mà mình hiểu rõ với tư cách là chứng nhân.

Trong hồi kí, tác giả là người kể chuyện ngôi thứ nhất, trực tiếp trình bày, mô tả về con người và sự việc. Cùng với điều đó, quy luật vận động riêng của trí nhớ đã làm cho hồi kí mang đậm tính chủ quan – một đặc điểm quan trọng tạo nên sức hút riêng của thể loại này.

Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

Ngôn ngữ trang trọng là phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong ngữ cảnh giao tiếp có tính nghi thức, tồn tại ở cả dạng viết và nói. Trong phong cách ngôn ngữ này, chủ thể phát ngôn thường dùng những từ ngữ, câu thể hiện các ý tưởng, thông tin khách quan và thái độ lịch sự, tôn trọng đối với người tiếp nhận. Câu trong ngôn ngữ trang trọng thường đầy đủ thành phần và có thể được tổ chức theo cấu trúc tầng bậc phức tạp.

Ngôn ngữ thân mật là phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong giao tiếp thường ngày, tồn tại ở cả dạng viết và nói. Trong ngôn ngữ thân mật, chủ thể phát ngôn thường dùng những từ ngữ, câu thể hiện thái độ thân thiện, gần gũi với người tiếp nhận; ở một số trường hợp đặc biệt, có thể dùng tiếng lóng, biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương,... Câu trong ngôn ngữ thân mật thường ngắn và có thể rút gọn thành phần.

VĂN BẢN 1

Nghệ thuật băm thịt gà

(Trích *Việc làng*)

Ngô Tất Tố

- *Theo bạn, ngoài lĩnh vực nghệ thuật chuyên nghiệp, người ta thường dùng từ "nghệ thuật" và "nghệ sĩ" để chỉ hoạt động hoặc con người như thế nào?*
- *Bạn hãy phân biệt tập tục (phong tục, tập quán) lành mạnh và hủ tục. Nêu ví dụ để làm rõ ý kiến của mình.*

Chú ý cách tác giả dẫn dắt vào không gian của câu chuyện.

Từ khi thôi học, tính ra đã gần mười năm, bây giờ tôi mới lại gặp Lăng Vân. Những chuyện tích lại trong một thời gian khá dài, lúc ấy được dịp xuất hiện, nó đã làm cho chúng tôi đều phải quên ngủ, tuy đêm đã khuya.

Ngoài sân trời tối như mực và mưa sùi sụt, nước mưa rả rích giội xuống đầu thềm, như thêm vẻ chứa chan cho mối tình cửu biệt[1].

Gà bắt đầu gáy. Dưới bếp bỗng có tiếng người khậm khoặc[2]. Rồi thấy bóng đèn lập loè. Một lát sau, nghe có tiếng gà đập cánh phành phạch và kêu quang quác. Tôi ngạc nhiên hỏi:

– Người nhà đã sắp làm cơm đấy sao?

Lăng Vân lắc đầu:

– Không! Sáng mai nhà tôi phải chứa hàng xóm[3].

Chứa xóm cố nhiên không phải là một đầu đề để nói chuyện. Chúng tôi lảng ra chuyện khác. Đồng hồ điểm hai tiếng, mới cùng trùm chăn nằm ngủ.

---

(1) *Cửu biệt*: cách xa lâu ngày.

(2) *Khậm khoặc*: tiếng ho khan (thường của người ho lâu ngày chưa khỏi), khi ho, âm thanh bị cản ở cổ họng.

(3) *Chứa hàng xóm*: mời dân làng đến nhà mình theo lệ của làng.

Giấc ngủ của tôi đương ngon, thình lình bị tan bởi mấy tiếng lộc cộc của guốc, và gậy nện xuống thềm gạch. Tôi bừng mắt ra, trời đã sáng rõ, trong nhà lố nhố mấy ông cụ già khăn áo tề chỉnh, Lăng Vân đang xoăn xoe chào mời các cụ một cách cung kính. Giữ lễ xã giao với người lạ, tôi vội tung chăn ngồi dậy và đương lúng túng chưa biết nên ở đó hay lánh đi đâu, Lăng Vân đã bưng đến chỗ tôi ngồi một bộ bàn chè, một siêu nước sôi, bảo tôi cứ việc pha nước và uống tự nhiên.

Người đến mỗi lúc một đông. Già có, trẻ có, đứng bóng có. Toàn là đàn ông tất cả. Trong nhà giường phản chật hết, người nhà phải quét cái thềm mưa ướt rờm rợp, rồi trải chiếu lên, để làm chỗ ngồi cho mấy ông tí nhau[1].

Hàng xóm vẫn lục tục kéo đến với những bàn chân đất lấm bê bê. Ai cũng như nấy, sau khi đã đến bể nước giội qua, người ta đi nhón lên thềm, chùi chân vào cái chổi rơm làm phép, rồi bước xàm xạp lên chiếu.

– Sao không lấy gì mà che, lại đi đội trời thế kia! Nước mưa ướt cả đồ lễ!

Tiếng thét dõng dạc của một ông già ở phản bên kia vừa dứt, thì ở dưới sân, một người vừa lù lù bưng mâm xôi gà lên thềm và đặt vào chiếc phản giữa. Rồi một người khác để luôn lên đó hai chai rượu lớn. Con gà cũng không nhỏ lắm, ước chừng một người ăn cố mới hết. Cỗ xôi vừa kín cái lòng mâm đồng, nó phải độ bốn đấu gạo! Còn hai chai rượu thì đầy ắm ắp, hạng chai ba phần tư lít.

Việc đan xen giữa yếu tố miêu tả, tự sự và ngôn ngữ đối thoại có hiệu quả như thế nào?

Mọi người ngồi yên, một ông đàn anh ra lệnh:

– Hàng xóm đã đến đông đủ! Thằng Mới đem làm cỗ đi!

Thì ra cái người đội mâm xôi gà lúc nãy chính là mõ[2] làng. Hắn dạ một tiếng thật dài rồi khép nép đứng tựa bên cột:

– Thưa các cụ làm bao nhiêu cỗ?

Ông đàn anh ấy lại lên giọng:

– Mày trông xem có bao nhiêu người *kiến tại*[3].

Thằng Mới liếc mắt một lượt từ trong nhà ra đến ngoài thềm, rồi thưa:

– Bẩm ba mươi người tất cả.

---

(1) *Tí nhau*: trẻ con (hàm ý vui đùa, thân mật).

(2) *Mõ*: người chuyên đánh mõ rao việc làng thời trước, thường phải hứng chịu thái độ coi thường, định kiến của cộng đồng.

(3) *Kiến tại*: trông thấy tại chỗ.

Ở đầu dãy phản tay phải, thấy có tiếng hỏi:

– Hàng xóm ta mươi mấy suất, cụ còn nhớ không?

Rồi có tiếng đáp:

– Năm ngoái bảy mươi tám suất, năm nay mới thêm năm suất thế là tám mươi ba suất cả thảy.

Ông đàn anh vừa rồi nhìn vào thằng Mới:

– Vậy thì phải làm hai mươi ba cỗ, tám cỗ kiến tại, một cỗ chứa[1], một cỗ cho mày, còn mười ba cỗ làm phần[2].

Câu nói của ông ấy khiến tôi hết sức ngạc nhiên. Một con gà và bấy nhiêu xôi mà làm đến mấy chục cỗ, thì làm ra sao? Chắc là còn có món gì khác nữa. Tôi nghĩ như thế.

Nhưng mà không. Chẳng có chi hết. Người nhà chỉ bưng lên thêm hai thúng đĩa bát, một con dao, một cái thớt, một liễn nước mắm và hai chồng mâm.

Thằng Mới lẽ mẽ bưng mâm xôi gà ra thềm. Hắn nhấc con gà sang chiếc mâm khác, rồi chữa cỗ xôi hình tròn ra hình vuông.

Ồ lạ! Con gà làm được hơn hai chục cỗ, thật là một kì công! Tôi phải giả vờ đứng dậy ra sân để đến tận nơi mà coi cho rõ.

Thằng Mới đặt thử con dao lên mặt cỗ xôi, hắn tính lẩm bẩm giây lát, rồi xắn một chiều làm sáu, một chiều làm bốn. Sau khi lấy một miếng xôi véo ra từng tí để phụ vào các miếng kia, hắn nhấc mâm xôi sang một bên cạnh và kéo cái thớt vào chỗ trước mặt. Cái thớt khí trũng, hắn gọi thằng nhỏ đổi cho cái khác và hắn lẩm bẩm một mình:

– Băm thịt gà cần phải dao sắc, thớt phẳng. Nếu mà dao cùn thớt trũng thì thịt sẽ bong hết da!

Vừa nói, hắn vừa với sang thúng đĩa lấy đủ chục chiếc, bày la liệt trên mặt thềm. Thằng nhỏ đã xách lên đó chiếc thớt mới nguyên, sắc gỗ nghiến còn đỏ đòng đọc.

Nhanh nhảu, hắn sờ ngón tay vào lưỡi con dao, xem có bén không. Và hắn lật cái trôn bát liếc luôn ba lượt thật mạnh. Bấy giờ mới giở đến bộ lòng gà. Mề, gan, tim, phổi, các thứ đều được thái riêng và được bày riêng vào một góc đĩa. Tuy nó chỉ một dúm con con, nhưng trong mười đĩa không đĩa nào thiếu một thứ nào.

---

(1) *Cỗ chứa*: cỗ dành phần cho chủ nhà.

(2) *Cỗ làm phần*: cỗ chia phần mang về cho người vắng mặt.

Rồi hắn nhấc cả con gà ra thớt. Bắt đầu chặt lấy cái sỏ[1], sau mới chặt đến miếng phao câu. Thình lình thấy hắn đứng lên ngoảnh mặt vào phía mấy ông đàn anh:

– Thưa trình các cụ, hôm nay sỏ gà pha mấy? Phao gà pha mấy?

Một ông trong bọn nhìn qua vào đám nhiều tuổi, hình như để đếm đầu người, rồi đáp:

– Ở đây chỉ có năm cụ và bốn ông đàn anh. Vậy thì sỏ gà pha năm, phao gà pha bốn.

Chú ý cách kể, miêu tả chi tiết cùng thủ pháp "gây tò mò" về quá trình băm thịt gà.

Hắn lại ngồi xuống chỗ cũ. Trước hết ghè dao vào giữa hai miếng mỏ gà, để cắt cái sỏ ra làm hai mảnh. Rồi hắn úp cả đôi mảnh xuống thớt, chặt mảnh mỏ dưới làm đôi và mảnh mỏ trên làm ba.

Tôi không biết những miếng thịt này có đều nhau không, chỉ thấy tất cả năm miếng, miếng nào cũng có dính một tí mỏ.

Tiếp đến cuộc pha phao câu. Công việc tuy không lấy gì làm khó, nhưng hắn làm cũng vẫn có vẻ khác người. Bốn miếng phao gà, miếng nào cũng có đầu bầu, đầu nhọn, chẳng khác một cái chũm cau chẻ tư.

Sỏ gà bày vào một đĩa, phao gà bày vào một đĩa. Hắn lại cắt lấy hai chiếc cánh gà, chặt luôn làm hơn mười miếng và bày với đôi chân gà làm một đĩa nữa.

Bây giờ thì đến mình gà. Hắn lách lưỡi dao vào sườn con gà, cắt riêng hai cái tỏi gà[2] bỏ ra góc mâm. Rồi, lật ngửa con gà lên thớt, hắn ướm dao vào giữa xương sống và giơ dao chém luôn hai nhát theo chiều dài cái xương ấy. Con gà bị tách ra làm hai mảnh. Mỗi mảnh đều có một nửa xương sống. Một tay giữ thỏi thịt gà, một tay cầm con dao phay, hắn băm lia lịa như không chú ý gì hết. Nhưng mà hình như tay hắn đã có cỡ sẵn, cho nên con dao của hắn giơ lên, không nhát nào cao, không nhát nào thấp. Mười nhát như một, nó chỉ lên khỏi mặt thớt độ một gang, và cách cái ngón tay hắn độ vài ba phân. Tiếng dao công cốc đụng vào mặt thớt, nhịp nhàng như tiếng mõ của phường chèo[3], không lúc nào mau, cũng không có lúc nào thưa. Mỗi tiếng cốc là một miếng thịt gà băng ra. Miếng nào như miếng ấy, đứt suốt từ xương đến da, không còn dính nhau mảy may.

Các chi tiết miêu tả động tác, âm thanh khi băm thịt gà có tác dụng gì?

---

(1) *Sỏ*: thủ, đầu.

(2) *Tỏi gà*: đùi gà chặt ra (giống hình củ tỏi).

(3) *Phường chèo*: tổ chức phần nhiều mang tính tự phát, gồm một nhóm người chuyên biểu diễn chèo lưu động trong không gian văn hoá Việt Nam ngày trước, chủ yếu hoạt động ở nông thôn.

Trông những miếng thịt gà của hắn bốc ra góc mâm, mới đẹp làm sao! Không giập, không nát, không bong da, nó giống như tập cánh con bươm bướm. Nếu để trước môi mà thổi, có thể bay được mười thước.

Băm xong con gà, hắn móc túi lấy một nắm tăm. Mỗi miếng thịt gà, hắn xâu cho một cái tăm vào giữa. Rồi hắn cắm vào mâm xôi. Cứ mỗi tầng xôi là bốn xâu thịt. Thịt vừa hết, xôi cũng vừa khắp. Té ra cái mình con gà, hắn đã băm được chín mươi hai miếng.

Lăng Vân cười và hỏi tôi:

– Anh đã chịu nghề băm thịt gà của ông Mới làng tôi chưa? Nhà hắn ba đời làm cái nghề ấy, thì mới thạo được như thế. Người khác dễ ai làm nổi!

Đoạn kết tạo ấn tượng thế nào cho người đọc?

Tôi chịu lắm. Và tôi muốn dâng cho ông Mới ấy cái chức nghệ sĩ.

(Ngô Tất Tố, *Việc làng*, NXB Hội Nhà văn – Công ti cổ phần Văn hoá và Truyền thông Nhã Nam, Hà Nội, 2014, tr. 37 – 44)

Ngô Tất Tố (1893 – 1954) quê ở làng Lộc Hà, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc thành phố Hà Nội. Ông là một nhà Nho tinh thông cổ học, dịch giả và nhà nghiên cứu về tư tưởng triết học, văn học cổ; đồng thời là nhà báo, nhà văn có lối viết mới mẻ và sức viết dồi dào. Ngô Tất Tố được đánh giá là một trong những nhà văn hàng đầu của dòng văn học hiện thực trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, với những tác phẩm viết về đề tài nông thôn và người nông dân. Các tác phẩm chính: tiểu thuyết *Tắt đèn* (đăng báo năm 1936, in sách năm 1939), *Lều chõng* (đăng báo năm 1939, in sách năm 1941) và phóng sự *Việc làng* (đăng báo năm 1940, in sách năm 1941),... Ngô Tất Tố được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật năm 1996.



Ngô Tất Tố
Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam

Việc làng là thiên phóng sự tái hiện toàn diện và rõ nét về đời sống nông thôn Việt Nam đầu thế kỉ XX, trong bối cảnh chính quyền thực dân phong kiến lợi dụng những tập tục lạc hậu ở thôn quê để thực hiện chính sách ngu dân, bóc lột. Tác phẩm gồm 17 chương, xâu chuỗi theo một chủ đề chung, nhằm ghi lại, phân tích và phơi bày những hủ tục nhiêu khê, quái gở đang duy trì ở nông thôn và những hậu quả nghiêm trọng của nó. Những hủ tục ấy đã đẩy người dân quê vào cảnh cùng quẫn và tạo cơ hội để bọn cường hào, địa chủ những nhiễu dân lành.

Nghệ thuật băm thịt gà thuộc chương IV của phóng sự *Việc làng*. Trong đoạn trích, nhà văn đã dùng lối ghi chép tại chỗ để tái hiện một cách khách quan và sinh động cảnh "chứa hàng xóm" ở thôn quê, trong đó nổi bật là việc nhân vật mõ làng băm thịt gà.

1. Nhan đề của văn bản có thể gợi lên những suy luận, phán đoán gì về nội dung được đề cập trong bài phóng sự?
2. Trong văn bản, các sự việc chính đã được tác giả thuật lại theo trình tự nào? Nhận xét về cách quan sát, ghi chép hiện thực của tác giả.
3. Cảnh anh mõ làng băm thịt gà trong cuộc chia cỗ phản ánh hiện thực gì ở nông thôn Việt Nam xưa?
4. Nhận xét về tác dụng của việc sử dụng ngôi kể thứ nhất trong bài phóng sự.
5. Chỉ ra và phân tích những yếu tố tạo nên giọng điệu của bài phóng sự.
6. Theo bạn, những nội dung được đề cập trong văn bản còn có ý nghĩa đối với thực tiễn hiện nay không? Lí giải ý kiến của bạn.
7. Hãy khái quát đặc điểm cơ bản của thể loại phóng sự qua văn bản *Nghệ thuật băm thịt gà*.

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một khía cạnh nội dung hoặc nghệ thuật của văn bản *Nghệ thuật băm thịt gà* mà bạn tâm đắc.

VĂN BẢN 2

Bước vào đời

(Trích *Nhớ nghĩ chiều hôm*)

Đào Duy Anh

Theo bạn, trong giai đoạn "bước vào đời", việc định hướng tương lai của mỗi cá nhân thường chịu tác động của những yếu tố nào?

Đến buổi xế chiều của cuộc đời, những đêm khó ngủ, tôi thường nhớ lại những ngày mình mới vào đời, không thể không nhớ đến cái sự kiện có thể nói là đã định hướng cho cả cuộc đời của tôi từ trước đến sau, tức là cuộc đón tiếp cụ Phan Bội Châu ở Đồng Hới một buổi trưa cuối năm 1925.

Chú ý cách giới thiệu sự kiện của tác giả.

Tôi dạy ở trường tiểu học tỉnh lị Quảng Bình[1], từ năm 1923 chỉ biết chăm chỉ dạy học và đọc sách mà học thêm để mở mang tri thức, mong một ngày kia có thể kiếm được công việc gì khác ở một nơi trung tâm văn hoá chính trị có cuộc sinh hoạt rộng rãi hơn tỉnh hẻo lánh này. Ở đây thành phần trí thức chỉ vẻn vẹn mấy chục người công chức của bốn năm cơ quan lệ thuộc chính phủ thực dân và chưa đến mười người quan lại của hai dinh Bố chính, Án sát lệ thuộc vào triều đình Việt Nam. Ngoài thì giờ làm việc ở công sở, ngày nghỉ và ban tối, người ta thường rủ nhau tụm năm tụm bảy mà đánh bạc, chỉ lác đác có mấy người qua lại trụ sở Hội Quảng tri[2] để uể oải giở xem vài tờ báo hằng ngày cho đỡ buồn, hay ngày nghỉ và buổi chiều tụ tập ở quanh sân quần vợt do Hội Quảng tri mới xây được để trao đổi chuyện phiếm hằng ngày mà chờ phiên mình chơi. Ngoài ra còn có một nhóm văn nghệ nhỏ thỉnh thoảng họp nhau ngâm thơ và dạy nhau đánh đàn, nhóm ấy có cả thành phần công chức và thành phần quan lại tham dự.

Ở cái bầu không khí êm đềm uể oải ấy, mãi đến năm 1925 mới thỉnh thoảng được các báo xuất bản ở Hà Nội và Sài Gòn đem đến một vài tin tức có tính chất chính trị gây nên một ít chấn động nhẹ nhàng, ví như tin Nguyễn An Ninh du học ở Pháp về cho ra tờ báo *Tiếng chuông rạn* (*La cloche fêlée*) để đả kích chế độ thực dân, tin Phan Châu Trinh bị an trí[3] ở Pa-ri trong mười lăm năm trở về Sài Gòn được đồng bào hoan nghênh nhiệt liệt, tin Phan Bội Châu bôn tẩu cách mạng ở nước ngoài hai chục năm bỗng bị bọn mật thám bắt ở Thượng Hải đem về Hà Nội giam ở nhà lao Hoả Lò. Sau những sự kiện ấy báo chí ở Hà Nội và Sài Gòn bỗng đổi hướng mà chú trọng bình luận về chính trị. Hội Quảng tri Đồng Hới quyết định mua thêm báo chí, chỉnh đốn tủ sách và phòng đọc cho nên trụ sở của Hội cũng được người ta lui tới đông hơn trước, và có thể nói là có sức hấp dẫn mạnh hơn những đám đánh bạc, chỉ còn họp được những tay cờ bạc bất trị chẳng biết đến trời đất ở ngoài thế giới của thần đỏ đen. Đến mùa đông năm 1925, những tin tức của báo Hà Nội đăng hằng ngày về cuộc xử án Phan Bội Châu ở trước Hội đồng Đề hình không thể không lôi cuốn sự chú ý hăm hở của giới trí thức Đồng Hới, đã bắt đầu nhận thấy ngoài những người công chức và quan lại ngoan ngoãn làm việc hằng ngày để bảo vệ nồi gạo, còn có những người không sợ cái sống nguy hiểm của đời hoạt động cách mạng. Những bài biện hộ của hai trạng sư Bô-na (Bona) và La-rơ (Larre) cùng những lời tự biện của Phan Bội Châu

Tác giả đã gợi lại bối cảnh chính trị – xã hội Việt Nam giữa thập niên hai mươi của thế kỉ XX như thế nào?

(1) *Tỉnh lị Quảng Bình*: thuộc tỉnh Quảng Trị ngày nay.

(2) *Hội Quảng tri*: một tổ chức ra đời trong phong trào Duy tân đầu thế kỉ XX nhằm quảng bá tri thức, khơi dậy lòng yêu nước và tinh thần dân tộc; tập hợp các nhà trí thức ở miền Trung Việt Nam.

(3) *An trí*: biện pháp cưỡng chế hành chính của thực dân Pháp trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, áp dụng cho một số đối tượng hoạt động cách mạng, buộc họ phải cư trú ở nơi mà chính quyền chỉ định và có thể kiểm soát chặt chẽ.

vạch lại trước mắt mọi người những bước đường cách mạng của cụ ở trong nước, ở Nhật Bản và ở Trung Quốc trong suốt phần tư đầu thế kỉ XX.

Cuộc xử án Phan Bội Châu biến thành cuộc xử án chế độ thực dân có tác dụng nhắc cho quốc dân biết rằng trong khi thực dân Pháp và bọn quan lại tay sai hoành hành áp bức bóc lột nhân dân ta, thì có những nhà ái quốc mà Phan Bội Châu là người tiêu biểu nhất, hi sinh tất cả để đi tìm đường cách mạng cứu nước cứu dân. Cái tin Phan Bội Châu bị kết án tử hình khiến quốc dân sôi lòng căm phẫn và trong cả nước nổi lên phong trào đòi "ân xá"[1] Phan Bội Châu, buộc Chính phủ Pháp phải dùng chính sách mị dân cử một đảng viên Đảng Xã hội làm Toàn quyền để thực hiện việc "ân xá". Để hạn chế ảnh hưởng của nhà ái quốc vĩ đại, chính phủ thực dân muốn đem an trí cụ ở Huế, nơi mà tình hình chính trị trầm trầm và sự tồn tại của triều đình bù nhìn khiến chúng tưởng có thể dễ hạn chế tầm ảnh hưởng của cụ hơn. Chúng có biết đâu rằng sự có mặt của cụ Phan ở đây là đủ nhắc nhở cho quốc dân, nhất là giới thanh niên, nhận thức nhiệm vụ của mình phải làm thế nào để tiếp tục được sự nghiệp cách mạng mà ông cha mình còn bỏ dở.

Phan Bội Châu được "ân xá", chính phủ thực dân định đưa ngay cụ từ nhà lao Hoả Lò thẳng về Huế, không dám để cho cụ tự do ở Hà Nội tiếp xúc nhân dân. Nhưng trước sự đấu tranh của nhân dân Hà Nội, chúng phải để cho cụ Phan được tự do ngay ở Hà Nội và dùng xe riêng do nhân dân Hà Nội chuẩn bị mà về Huế. Trên đường đi thế nào xe cũng phải nghỉ trưa ở Đồng Hới, được tin ấy chúng tôi, một số những người tích cực ở Đồng Hới, bàn nhau lấy danh nghĩa Hội Quảng tri để đón tiếp cụ và mời cụ dùng cơm trưa. Thế là lòng khao khát được thấy cụ Phan của chúng tôi đã được thoả mãn.

Sau khi dùng cơm trưa xong với một số ít đại biểu, cụ Phan đến dự cuộc đón tiếp thân mật ở hội quán Hội Quảng tri. Mặc dầu có một số hội viên dè dặt sợ bọn cầm quyền người Pháp chú ý không dám tham dự, số người đến dự cuộc đón tiếp, cả công chức và nhân dân, ngồi chật cả phòng hội quán. Cụ Phan mặc áo dài Trung Quốc, bộ áo cụ vẫn mặc trong thời hoạt động ở nước ngoài. Người cụ cao lớn vượt lên trên cử toạ, cái trán cao, cái đầu hói, cái mặt chữ điền với lông mày rậm và chòm râu đen, khiến thấy rõ phong thái của một bậc vừa hiền giả vừa chí sĩ, mà hai mắt sáng quắc ở sau cặp kính trắng gọng đen có vẻ rất dịu hiền nhìn mọi người một cách rất trìu mến, cho thấy được cả tấm lòng thương nhớ của nhà ái quốc đã xa cách đồng bào mấy chục năm nay.

Hình dung về nhân vật được tái hiện trong kí ức của tác giả.

---

(1) *Ân xá*: miễn giảm trách nhiệm hình sự hoặc hình phạt đối với người phạm tội theo đặc ân của nhà nước.

Giọng nói của cụ sang sảng như chuông nổi lên giữa bầu không khí lặng phắc khiến mọi người như nín thở mà hớp lấy từng lời. Ngoài cái ấn tượng, cái cảm xúc mà từ nhỏ đến bây giờ tôi chưa từng có, tôi không nhớ rõ cụ đã nói những gì, duy còn mường tượng cụ có nhắc đến tập sách cụ viết ở hải ngoại, đề là *Dư cửu niên lai sở trì chi chủ nghĩa*[1] có chương "Súc chủng đãi thời"[2], để khuyên chúng tôi là hội viên Hội Quảng tri nên học cho nhiều để hấp thụ nhiều kiến thức mới mà nước nhà sẽ phải cần đến để bước lên cõi văn minh.

Đêm hôm ấy tôi thao thức không ngủ được. Tôi vốn không có ý ở mãi Đồng Hới mà chôn vùi tuổi thanh niên của mình trong cái nghề gọi là "gõ đầu trẻ" ở một nơi hẻo lánh như thế, nhưng còn chờ thi bằng Tú tài để có thể cầm tay được cái lợi khí tương đối khá mà kiếm ăn, rồi mới đi tìm việc làm ở Hà Nội hay Sài Gòn. Đến bây giờ thì cảm thấy mình không chờ được nữa mà phải thoát ngay chốn ao tù để tìm nơi trời cao biển rộng hơn. Tôi quyết định đi Sài Gòn để viết báo. Ngoài những báo *La cloche fêlée* bấy giờ đã bị đóng cửa, nhờ các báo chữ Pháp tiến bộ ở Sài Gòn như báo *L'Echo Annamite*[3] của Nguyễn Phan Long, tôi được biết qua tình hình ngôn luận ở Sài Gòn mà nhận thấy nó có phần hấp dẫn hơn tình hình ngôn luận ở Hà Nội còn bị đè nén dưới ách kiểm duyệt. Thi thoảng tôi được một người bạn đang dạy học tư ở Sài Gòn gửi cho một số báo *Việt Nam hồn* xuất bản ở Pa-ri. Tiếp đó, cuộc vận động bầu cử Viện Nhân dân đại biểu ở Trung Kì dẫn đến cuộc thắng lợi của các phần tử tiến bộ lại làm vững thêm quyết tâm của tôi. Trong số những vị dân biểu tiến bộ ấy có những nhà Nho ái quốc mới từ Côn Lôn về. Đứng đầu là cụ Huỳnh Thúc Kháng và mấy người công chức và quan lại từ chức để ra hoạt động kinh tế và chính trị, trong số những người này có ông Nguyễn Đơn Quý [Nguyễn Đan Quế] người Thanh Hoá tôi được quen từ hồi trước, ông này vốn làm huấn đạo[4], đã không nhận đổi sang làm công chức sau khi chính phủ thực dân bỏ nền giáo dục chữ Hán, tự nguyện từ chức về nông thôn ở Sóc Sơn huyện Vĩnh Lộc[5], tự tay cày bừa vỡ đất hoang để làm ăn như một người nông dân thường, chứ không phải vỡ đồn điền mà bóc lột nông dân đâu. Sau ông tham gia Việt Nam Cách mạng đồng chí hội, trở thành Đảng Tân Việt từ năm 1928.

Tác giả đã cảm nhận thế nào về sức ảnh hưởng của những nhân vật lịch sử đối với cá nhân mình?

---

(1) *Dư cửu niên lai sở trì chi chủ nghĩa* (*Chủ nghĩa tôi ôm ấp trong chín năm nay*): tên một cuốn sách được Phan Bội Châu viết bằng chữ Hán vào năm 1921.

(2) *Súc chủng đãi thời*: cất chứa hạt giống để đợi kì gieo hạt (ngầm ý nói trau dồi tài đức để chờ dịp dùng tới).

(3) *L'Echo Annamite*: *Tiếng vọng An Nam*.

(4) *Huấn đạo*: chức quan thời phong kiến hay Pháp thuộc, trông coi việc học trong một huyện.

(5) *Sóc Sơn, Vĩnh Lộc*: hai đơn vị hành chính cấp tổng (Sóc Sơn) và huyện (Vĩnh Lộc) trước đây của tỉnh Thanh Hoá.

Tiếp sau nữa lại đến lễ tang Phan Châu Trinh được cử hành long trọng và rầm rộ ở Sài Gòn cùng lễ truy điệu cử hành ở Hà Nội, Huế, Đà Nẵng và nhiều tỉnh khác kể cả Đồng Hới nhỏ bé của chúng tôi. Được đọc bài văn tế của cụ Phan Bội Châu viết trong dịp truy điệu cùng bao nhiêu câu đối ca tụng nhà chí sĩ ái quốc ấy, ở Đồng Hới chúng tôi cũng nhân cơ hội ấy mà có những trao đổi ý kiến về tình hình chính trị hiện thời. Những câu của bài văn tế như:

Cá chậu chim lồng vơ vẩn thế, áng công danh thôi vất lối tầm thường.
Rồng mây cọp gió lạ lùng chi, miền thanh khí thử hô người trùng ngoại.

và

Ba tấc lưỡi mà gươm mà súng, nhà cường quyền trông gió cũng oai ghê.
Một ngòi lông mà trống mà chiêng, cửa dân chủ khêu đèn thêm sáng chói.

lại thúc giục lòng tôi muốn đi xa.

(Đào Duy Anh, *Nhớ nghĩ chiều hôm*, NXB Hà Nội, 2020, tr. 9 – 12)

Đào Duy Anh (1904 – 1988) quê ở huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (nay thuộc thành phố Hà Nội), là học giả có những đóng góp quan trọng trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu. Ông tham gia phong trào yêu nước, cách mạng và các hoạt động dịch thuật, nghiên cứu từ rất sớm (trước năm 1930). Đào Duy Anh được xem là một trong những người đặt nền móng cho nhiều ngành Khoa học xã hội ở Việt Nam (từ điển học, văn hoá học,...). Ở lĩnh vực sử học, ông cũng có đóng góp nổi bật với nhiều công trình có giá trị về lịch sử Việt Nam.



Đào Duy Anh
Ảnh do gia đình cung cấp

Các tác phẩm tiêu biểu: *Hán Việt từ điển giản yếu* (1932), *Việt Nam văn hoá sử cương* (1938), *Khảo luận về Kim Vân Kiều* (1943), *Nguồn gốc dân tộc Việt Nam* (1950), *Đất nước Việt Nam qua các đời* (1964), *Từ điển Truyện Kiều* (1974), *Chữ Nôm – nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến* (1975),...

Đào Duy Anh được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2000; được ghi tên vào bộ từ điển *La-rút-xơ – Larousse* (Pháp) với tư cách là một nhà bách khoa toàn thư của thời hiện đại.

Hồi kí ***Nhớ nghĩ chiều hôm*** của Đào Duy Anh được viết xong năm 1972, hoàn chỉnh vào cuối năm 1974; thuật lại những chặng đường chính trong cuộc đời hoạt động chính trị, văn hoá và khoa học của ông. Tác phẩm cũng chứa đựng nhiều suy tư về mối quan hệ giữa trí thức Việt Nam với dân tộc, về sứ mệnh của thanh niên đối với tương lai đất nước. Đoạn trích thuộc phần đầu của cuốn hồi kí, kể về sự kiện đánh dấu giai đoạn "bước vào đời" của tác giả.

1. Đoạn trích kể về sự kiện gì? Tác giả đã kể câu chuyện từ điểm nhìn nào? Nêu ý nghĩa của việc lựa chọn điểm nhìn đó.
2. Tính phi hư cấu của hồi kí đã được thể hiện thế nào trong văn bản?
3. Trong đoạn trích, nhân vật "tôi" đã thể hiện hoài bão "bước vào đời" như thế nào? Điều gì đã thôi thúc tác giả hành động vì hoài bão đó?
4. Đoạn trích cho thấy những gì đang diễn ra trong đời sống chính trị – xã hội Việt Nam và cách sống của tầng lớp trí thức lúc bấy giờ?
5. Những nhân vật lịch sử nào được nhắc đến trong đoạn trích? Sức ảnh hưởng của các nhân vật ấy đối với những thanh niên giàu tinh thần dân tộc thời đó được thể hiện như thế nào?
6. Chỉ ra một số yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản và phân tích vai trò của chúng trong việc giúp tác giả tái hiện kí ức về một giai đoạn đã qua của cuộc đời.
7. Qua đoạn trích, bạn rút ra bài học gì về sự lựa chọn hướng đi khi đứng trước ngưỡng cửa cuộc đời?

Kết nối đọc – viết

Từ nội dung văn bản *Bước vào đời* và những trải nghiệm cá nhân, bạn hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về chủ đề: *Khát vọng của tuổi trẻ hôm nay.*

Thực hành tiếng Việt

Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

1. Nêu những dấu hiệu giúp nhận biết ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong hai lời chào sau:

a. *Xin trân trọng chào quý ông bà! Tôi tên là Nguyễn Văn A, Tổng Giám đốc công ti ABC. Tôi rất hân hạnh được đón tiếp quý ông bà tại văn phòng công ti và trao đổi về cơ hội hợp tác của chúng ta.*

b. *Chào bạn, mình là Hương. Thật tình cờ là chúng mình lại gặp nhau nhỉ. Duyên thật!*

2. Làm rõ những điểm giống nhau và khác nhau về mục đích, ngữ cảnh sử dụng và đặc điểm ngôn ngữ (trang trọng hay thân mật) giữa các câu trong mỗi trường hợp sau:

a. Trường hợp 1

– Các bạn đều biết quy định về việc sử dụng điện thoại trong cuộc họp đúng không?

Nhận biết ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

Ngôn ngữ trang trọng được sử dụng trong ngữ cảnh giao tiếp có tính nghi thức, chẳng hạn, trong bài phát biểu chào mừng phái đoàn quốc tế, lời chúc Tết đồng bào của lãnh đạo nhà nước, thư trao đổi với đối tác thương mại, thư mời tham dự hội thảo khoa học, đơn xin việc,...

Ngôn ngữ thân mật được sử dụng trong ngữ cảnh giao tiếp đời thường, mang tính cá nhân hoá cao, chẳng hạn, trong thư hoặc tin nhắn gửi cho

– Để cuộc họp được bắt đầu, xin đề nghị quý vị cài đặt chế độ im lặng cho điện thoại và có thể ra ngoài khi cần sử dụng.

b. Trường hợp 2

– Xin hân hạnh giới thiệu với quý vị sự có mặt của diễn giả Phạm Văn B tại buổi hội thảo hôm nay.

– Chúng ta cùng chào đón nhân vật quan trọng nhất của buổi hội thảo hôm nay, diễn giả Phạm Văn B!

c. Trường hợp 3

– Sự kiện mà quý vị đang chờ đợi sẽ được bật mí ngay sau đây.

– Trân trọng thông báo tới toàn thể quý vị về sự kiện quan trọng sẽ diễn ra ngay sau đây.

3. Bảng dưới đây nêu một số tình huống sử dụng ngôn ngữ trang trọng, ngôn ngữ thân mật ở hai dạng nói và viết. Kẻ bảng vào vở theo gợi ý và bổ sung một số ví dụ phù hợp.

	Ngôn ngữ trang trọng	**Ngôn ngữ thân mật**
Ngôn ngữ viết	– Thư công ti xin lỗi khách hàng vì sản phẩm lỗi – ...	– Thư điện tử gửi cho người thân – ...
Ngôn ngữ nói	– Lời phát biểu tại lễ tốt nghiệp cấp Trung học phổ thông – ...	– Cuộc chuyện trò với bạn bè – ...

4. Trên thực tế, xuất hiện nhiều tình huống giao tiếp có sự chuyển đổi từ ngôn ngữ trang trọng sang ngôn ngữ thân mật hoặc ngược lại nhằm:

a. Thể hiện sự thay đổi trong quan hệ giao tiếp giữa người nói (viết) với người nghe (đọc).

b. Thể hiện thái độ mỉa mai, châm biếm hoặc để gây cười.

Tìm và phân tích một số ví dụ có thể minh hoạ cho các mục đích chuyển đổi phong cách ngôn ngữ nói trên.

người thân hoặc bạn bè, lời trò chuyện trong quán cà phê, thảo luận nhóm bàn kế hoạch đi tham quan,...

Lưu ý:

– Trong một số tình huống giao tiếp (cuộc họp, hội thảo,...), cùng một nội dung thông tin (thông báo, giới thiệu,...) có thể sử dụng ngôn ngữ trang trọng hoặc ngôn ngữ thân mật tuỳ vào mục đích và đối tượng giao tiếp.

– Có những ngữ cảnh đòi hỏi ngôn ngữ phải trung tính, tức không mang tính trang trọng và cũng không có tính thân mật, chẳng hạn, trong tài liệu nghiên cứu khoa học, giáo trình, sách giáo khoa, bản tin trên báo chí,...

Sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

Trong giao tiếp, cần căn cứ vào ngữ cảnh để lựa chọn ngôn ngữ trang trọng hay ngôn ngữ thân mật cho phù hợp. Bên cạnh đó, mức độ thân mật hay trang trọng cũng cần phải được điều tiết để không vượt quá ngưỡng mà ngữ cảnh quy định. Ngôn ngữ thân mật thường diễn đạt ý nghĩa một cách trực tiếp và thẳng thắn, do vậy, dễ dẫn đến sự suồng sã và thiếu lịch sự. Ngược lại, ngôn ngữ trang trọng cũng có thể tạo ra khoảng cách không cần thiết trong cuộc trò chuyện hoặc khiến cho cuộc đối thoại trở nên mất tự nhiên.

Trong một số tình huống giao tiếp, có thể có sự chuyển đổi linh hoạt giữa ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật, tuỳ thuộc vào mối quan hệ được thiết lập giữa các đối tượng giao tiếp. Sự chuyển đổi này thể hiện sự vận động phức tạp và tinh tế của các mối quan hệ xã hội, từ sơ giao đến thâm giao hoặc ngược lại, từ gắn bó đến lạnh nhạt, khách sáo. Đôi khi sự chuyển đổi này, cũng như sự cố tình nhầm lẫn "phong cách ngôn ngữ", chỉ nhằm thể hiện thái độ mỉa mai, châm biếm hoặc để gây cười.

VIẾT

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ
(Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)

Ở thời đại nào, cuộc sống của mỗi cá nhân cũng đều không thể tách rời các mối quan hệ gia đình và xã hội. Hình thành cách ứng xử đúng đắn, tốt đẹp trong các mối quan hệ ấy có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển, hoàn thiện con người cá nhân, nhất là với tuổi trẻ. Hãy vận dụng các thao tác, kĩ năng cơ bản đã được hình thành, rèn luyện ở Bài 3 – Lập luận trong văn bản nghị luận để bàn luận về quan niệm và cách ứng xử trong mối quan hệ mà bạn quan tâm.

Yêu cầu

- Giới thiệu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến cách ứng xử của tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình và xã hội.
- Thể hiện được quan điểm cá nhân và đưa ra được các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục về cách ứng xử trong mối quan hệ được bàn luận.
- Nêu được ý kiến trái chiều và phản bác bằng lập luận chặt chẽ, sắc bén.
- Khẳng định được tầm quan trọng của cách ứng xử đối với việc phát triển, hoàn thiện con người cá nhân và xây dựng cộng đồng.

Bài viết tham khảo

Yêu là biết sống đẹp hơn

Tình yêu là câu chuyện của mọi người và của muôn đời. Từ ngàn xưa đến mai sau, trái tim con người đã và sẽ cứ bồi hồi, xao xuyến, khắc khoải, thao thức,... trước tiếng gọi của tình yêu. Dẫu biết tình yêu không thuộc quyền sở hữu của riêng lứa tuổi nào, nhưng mỗi khi nói về nó, người ta trước hết nghĩ đến những chàng trai, cô gái đương độ thanh xuân – đối tượng có lẽ đã được thần Kiu-pít (Cupid)[1] ưu ái hết mực. Không ai nghi ngờ rằng tình yêu có vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống tinh thần của giới trẻ. Vì vậy, trong bối cảnh cuộc sống hiện đại, vấn đề cách ứng xử của tuổi trẻ với tình yêu càng cần được bàn luận, suy nghĩ một cách thấu đáo.

Nêu vấn đề cần bàn luận.

[1] *Kiu-pít*: thần Tình yêu trong thần thoại La Mã.

Có thể nói, so với các thế hệ trước, con người bây giờ đã có được sự bình đẳng, tự do trong tình yêu. Hầu hết mọi người được tự do lựa chọn và có thể chủ động trong việc tìm kiếm hạnh phúc. Các bạn trẻ không còn phải chịu cảnh "cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy"; cũng không bị các hủ tục khắt khe trói buộc. Người phụ nữ cũng đã thoát khỏi thân phận bị lệ thuộc và không phải gánh chịu "búa rìu dư luận" nghiệt ngã như thời xưa.

Tuổi trẻ và tình yêu trong bối cảnh xã hội hiện đại – những thuận lợi và hạn chế.

Nhưng cũng chính cuộc sống hiện đại đã làm nảy sinh không ít quan niệm về tình yêu và cách ứng xử lệch lạc, thậm chí "xấu xí" trong tình yêu. Chẳng hạn, có người cho rằng tình yêu thời hiện đại phải khác tình yêu theo quan điểm truyền thống, dẫn tới thực trạng "đến" và "đi" trong tình yêu có chiều hướng ngày càng dễ dãi và không hiếm bạn trẻ yêu theo "trào lưu", cho khỏi "tụt hậu". Có người coi việc chinh phục được đối tượng là một chiến tích, càng nhiều "chiến công" càng tự hào về tài "chinh chiến" của mình! Không ít đôi dễ dàng "sống thử" một cách ngẫu hứng, tuỳ tiện, không cần biết tới ngày mai. Kết quả là nhiều thứ tình cảm "giống như tình yêu" ấy nhanh chóng tan vỡ, để lại nỗi thất vọng, chán chường và có khi là sự căm ghét, hận thù. Đáng buồn nhất là cách ứng xử của một số bạn trẻ khi tình yêu không được đáp lại hoặc đổ vỡ, chia li: nhẹ thì lăng mạ, bôi xấu; nặng thì "cho một trận dằn mặt"; thậm chí có kẻ nhẫn tâm huỷ hoại hình hài hoặc cướp đi sinh mạng của người yêu. Tôi hoàn toàn không tin những kẻ đó chỉ vì "quá yêu" mà không thể kiểm soát bản thân, mà hoá thành mù quáng. Bởi vì, tình yêu thực sự không bao giờ song hành với thói vị kỉ, sự tàn nhẫn, độc ác. Trái lại, tình yêu sâu sắc, mãnh liệt luôn gắn liền với lòng bao dung, vị tha, cao thượng. Tình yêu phải trở thành nguồn sức mạnh kì diệu giúp mỗi người vượt qua khó khăn, thử thách trên đường đời và vượt lên chính mình.

Phản bác ý kiến trái chiều và những cách ứng xử tiêu cực trong tình yêu.

Yêu không chỉ là nhớ nhung da diết, đắm say, nồng nàn mà trước hết phải biết sống có trách nhiệm với mình, với người yêu. Người "biết yêu" thực sự sẽ luôn đặt cuộc sống và hạnh phúc của người yêu lên vị trí hàng đầu. Ở trường tôi, có một đôi thường được nhiều lứa "đàn em" kể lại với lòng ngưỡng mộ, mơ ước. Anh và chị đều là học sinh sống trong khu nội trú. Khi anh học lớp Mười hai thì chị vào lớp Mười. Mọi người xung quanh chỉ thấy anh quan tâm, săn sóc chị như cô em gái cùng quê mà không có chuyện hò hẹn,

Khẳng định những cách ứng xử đúng đắn trong tình yêu.

cặp kè như nhiều đôi khác. Ra trường rồi, anh vẫn thường xuyên trở về thăm các em, giúp đỡ từ chuyện học hành đến việc đóng lại cái mắc áo, treo lại cái giá sách cho cả phòng. Ngày chị vào trường đại học, anh mới trao cho chị cuốn nhật kí – được viết từ những ngày đầu trái tim anh bồi hồi, xao xuyến trước gương mặt ngơ ngác của cô bé lớp Mười vừa nhập trường; ghi lại biết bao lần anh gắng kìm giữ lòng mình, không thổ lộ tình yêu, để giữ cho cô bé ấy những ngày tháng hồn nhiên, êm đềm của tuổi học trò. Tôi cũng từng biết câu chuyện có thật về một chàng trai miền biển, đến bệnh viện chăm sóc người thân, tình cờ gặp cô gái đang mang bệnh hiểm nghèo và đem lòng yêu thương cô. Anh đã vượt qua sự phản đối của gia đình, sự mặc cảm của cô gái để họ được thành đôi và hạnh phúc bất chấp những nhọc nhằn, gian khó của cuộc sống đời thường.

Yêu còn là phải biết sống sao cho xứng đáng với tình yêu. Tình cảm vốn rất riêng tư, cá nhân này không hề tách biệt mà hoà quyện với những tình cảm khác: tình yêu gia đình, yêu quê hương xứ sở, trách nhiệm với cộng đồng. Trong những cuộc kháng chiến giữ nước, đã có biết bao chàng trai, cô gái mang theo hình ảnh người yêu ra trận. Những người lính trên con đường chiến đấu vẫn "bồn chồn nhớ mắt người yêu", "Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm", nhớ thương "người vợ chờ/ bé bỏng chiều quê",... Trên những trang nhật kí tuổi hai mươi của Nguyễn Văn Thạc, Đặng Thuỳ Trâm,... cũng đầy ắp những nhớ nhung da diết, trăn trở, khắc khoải, thao thức. Chính tình yêu ấy đã thôi thúc họ lên đường chiến đấu, bất chấp chia li, xa cách, mất mát, hi sinh: "Em ơi rất có thể/ Anh chết giữa chiến trường/ Đôi môi tươi đạn xé/ Chưa bao giờ được hôn!/ Nhưng dù chết em ơi/ Yêu em anh không thể/ Hôn em bằng đôi môi/ Của một người nô lệ" (Phùng Quán, *Hôn*).

Nhấn mạnh cách ứng xử đúng đắn khi tình yêu không thành.

Đặc biệt, khi tình yêu không được đền đáp hoặc tan vỡ vì lí do nào đó, con người càng phải có trách nhiệm cao hơn để xứng đáng với tình cảm đẹp đẽ, thiêng liêng này. Tôi nhớ chàng trai với tâm hồn bị giằng xé bởi bao nhiêu cảm xúc trái ngược của mối tình đơn phương vô vọng trong bài thơ tình *Tôi yêu em* nổi tiếng thế giới của A. Pu-skin (A. Pushkin). Biết không được đáp lại mà vẫn cứ yêu chân thành đằm thắm, khi âm thầm, lặng lẽ, lúc hậm hực ghen tuông. Vậy mà chàng trai ấy đã bày tỏ ý định giã từ vì không muốn người con gái mình yêu "phải bận lòng thêm nữa". Anh từ biệt cô với lời chúc phúc ẩn chứa niềm kiêu hãnh và tràn đầy tình yêu: "Cầu em được người tình như tôi đã yêu em".

Hay như chàng trai trong bài ca dao *Mình nói dối ta*, đã vượt qua những giận hờn, thất vọng, đau đớn khi "Ta đi qua ngõ, thấy con mình bò", để ứng xử thật nhân hậu, bao dung: "Con mình những trấu cùng tro,/ Ta đi xách nước rửa cho con mình". Trong cuộc sống, cũng có bao cặp đôi dẫu không nên duyên chồng vợ vẫn có thể là bạn hoặc vẫn nhớ về nhau với những kỉ niệm tốt lành. Họ đã vượt lên nỗi đau khổ, thất vọng của riêng mình mà không làm tổn thương người khác, không xúc phạm tình yêu.

Khẳng định ý nghĩa của việc ứng xử đúng đắn trong tình yêu.

Mỗi một thời đại có thể thêm và bớt đi những "tiêu chí" định giá con người và cuộc sống nhưng riêng với tình yêu, có lẽ những giá trị đã nêu ở trên là một hằng số. Con đường đến với tình yêu muôn màu vẻ và tình yêu có thể mang đến niềm vui, hạnh phúc; cũng có thể khiến ta thất vọng, đau khổ, xót xa, tiếc nuối song tình cảm ấy mãi mãi là món quà vô giá của cuộc sống. Tất nhiên, tuỳ vào cách mỗi chúng ta trao và nhận tình yêu. Với tôi, yêu là phải biết sống đẹp hơn!

(Bài làm của học sinh, có chỉnh sửa)

1. Vấn đề được bàn luận trong bài viết là gì?
2. Những luận điểm nào được đưa ra trong bài viết?
3. Người viết đã sử dụng những loại lí lẽ, bằng chứng nào?
4. Ý kiến trái chiều nào đã được phản bác? Lí lẽ và bằng chứng được người viết dùng để phản biện có sức thuyết phục không?

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

– Chọn đề tài: Nhan đề chung của phần *Viết* đã định hướng phạm vi đề tài mà bạn có thể chọn lựa. Nếu Bài 3 bàn luận về vấn đề khát vọng, hoài bão, ý chí của tuổi trẻ thì Bài 7 sẽ tập trung vào vấn đề tuổi trẻ với các mối quan hệ gia đình, xã hội. Bạn căn cứ vào trải nghiệm cá nhân và tình hình thực tế để lựa chọn đề tài hấp dẫn, có ý nghĩa với lứa tuổi của mình.

– Có thể chọn một số đề tài như: Cách giải quyết vấn đề khác biệt thế hệ trong gia đình; Cách ứng xử khi nảy sinh mâu thuẫn, xung đột với bạn bè; Hình thành, gìn giữ một tình bạn đẹp; Có cần tạo thiện cảm với mọi người xung quanh?;...

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Sau khi xác định được đề tài, có thể trả lời một số câu hỏi sau để tìm ý:

– *Bạn muốn bàn luận về quan điểm và cách ứng xử trong mối quan hệ nào?* Cần nêu được tầm quan trọng của vấn đề được bàn luận với tuổi trẻ. Ví dụ, ở bài viết tham khảo, người viết đã chỉ ra vị trí của tình yêu trong đời sống tình cảm của con người nói chung và giới trẻ nói riêng; từ đó nhấn mạnh ý nghĩa thiết thực của việc bàn luận về nhận thức, cách ứng xử đúng đắn trong tình yêu.

– *Quan điểm cá nhân của bạn về vấn đề như thế nào?* Cần đưa ra những quan điểm riêng, nêu lên những cách ứng xử đúng đắn, tốt đẹp khi giải quyết các vấn đề nảy sinh từ mối quan hệ gia đình, xã hội. Ví dụ, bài viết tham khảo nêu quan điểm về tình yêu và cách ứng xử khi yêu, khi tình yêu không thành.

– *Bạn sẽ đối thoại với những ý kiến trái chiều nào?* Cần giả định một số ý kiến trái chiều liên quan trực tiếp đến vấn đề bàn luận. Có thể đối chiếu, so sánh những cách ứng xử khác nhau; từ đó khái quát, nhấn mạnh quan điểm của bản thân. Chẳng hạn, bài viết tham khảo đã nêu ra và phản bác nhận thức lệch lạc, cách ứng xử sai lầm trong tình yêu (dễ dãi, ích kỉ, tàn nhẫn,...).

– *Bạn sẽ đưa ra những lí lẽ gì và huy động những bằng chứng nào?* Chú ý sử dụng các lí lẽ thuyết phục và huy động nhiều loại bằng chứng phù hợp. Ví dụ, bài viết tham khảo đưa ra các bằng chứng từ sách vở, thực tế đời sống, trải nghiệm cá nhân.

Lập dàn ý

Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần bàn luận.

Thân bài:

– Nêu ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề được bàn luận.

– Trình bày quan điểm và đề xuất cách ứng xử đúng đắn, tốt đẹp trước vấn đề được đề cập.

– Sử dụng lí lẽ và bằng chứng để chứng minh cho quan điểm của mình.

– Phản biện một số quan điểm trái chiều.

Kết bài: Khẳng định được tầm quan trọng của vấn đề.

Viết

– Mở bài không chỉ giới thiệu được vấn đề mà cần tạo được sức cuốn hút.

– Thân bài cần có các luận điểm rõ ràng, hợp lí, triển khai được nội dung cơ bản của vấn đề. Mỗi luận điểm phải thể hiện được một khía cạnh nào đó trong quan điểm của người viết. Bằng chứng cần đa dạng, phong phú, huy động từ nhiều nguồn khác nhau. Chú ý nêu ý kiến trái chiều và phản biện để thể hiện cách nhìn nhận vấn đề toàn diện và đa chiều của người viết. Tuy vậy, người viết cũng cần đặt mình vào vị trí của người trong cuộc để bàn luận về vấn đề. Điểm nhìn đó giúp cho bài viết tăng thêm sức thuyết phục với người đọc.

– Kết bài khẳng định được ý nghĩa của vấn đề và khơi gợi được những điều cần tiếp tục bàn luận.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đối chiếu bài viết với yêu cầu của kiểu bài để bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện (Tham khảo hướng dẫn trong các bài viết trước).

NÓI VÀ NGHE

Trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

(Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)

Yêu cầu

- Chọn được vấn đề hấp dẫn và có ý nghĩa với tuổi trẻ.
- Bày tỏ được quan điểm cá nhân và đưa ra được cách ứng xử đúng đắn, tốt đẹp; kết hợp được các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng phù hợp.
- Thể hiện được sự đồng cảm, thái độ tôn trọng đối với người khác.
- Biết tận dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để trình bày bài nói hiệu quả.

Chuẩn bị nói

Lựa chọn đề tài

Khi lựa chọn đề tài, bạn có thể tham khảo các vấn đề được gợi ý ở phần *Viết* hoặc chọn đề tài mới theo quan điểm cá nhân.

Tìm ý và sắp xếp ý

– Nếu chọn đề tài theo phần *Viết*, cần xem lại dàn ý đã lập, đối chiếu với yêu cầu của bài nói để tìm và sắp xếp hệ thống ý cho phù hợp.

– Nếu chọn đề tài mới, có thể tìm ý và sắp xếp ý cho bài nói theo các câu hỏi gợi ý sau:

+ Về cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội hiện nay, bạn thấy vấn đề nào đáng quan tâm và có thể gợi ra được những trao đổi thú vị?

+ Ý kiến cá nhân của bạn về vấn đề đó là gì? Bạn dự kiến dùng những lí lẽ và bằng chứng nào để thuyết phục người nghe đồng tình với ý kiến đó?

+ Liệu có thể có ý kiến nào trái ngược với ý kiến của bạn? Vì sao ý kiến đó là không phù hợp hoặc sai trái?

+ Vấn đề bàn luận có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của tuổi trẻ hiện nay?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Thực hành nói

Bám sát các ý đã hình thành, trình bày bài nói rõ ràng, mạch lạc; đảm bảo sự tương tác tích cực với người nghe và có sự điều chỉnh nội dung hoặc cách trình bày khi cần thiết.

– *Mở đầu*: Nêu vấn đề thuộc về cách ứng xử trong mối quan hệ gia đình, xã hội và giải thích vì sao bạn lựa chọn vấn đề đó.

– *Triển khai*:

+ Trình bày ý kiến cá nhân của bạn về vấn đề bàn luận với các lí lẽ chặt chẽ, bằng chứng xác đáng. Các lí lẽ, bằng chứng có thể triển khai theo trình tự tăng dần: từ lí lẽ, bằng chứng ít quan trọng đến lí lẽ, bằng chứng quan trọng hơn và kết thúc bằng lí lẽ, bằng chứng quan trọng nhất, có sức thuyết phục cao nhất; hoặc theo trình tự ngược lại.

+ Nêu ý kiến trái chiều có thể có và phản biện lại ý kiến đó.

– *Kết luận*: Khẳng định ý nghĩa của vấn đề bàn luận đối với đời sống của tuổi trẻ hiện nay.

Trao đổi, đánh giá

Người nghe	Người nói
– Nêu các câu hỏi cần giải đáp; trao đổi về những điểm đồng tình hoặc chưa đồng tình với người nói. – Thể hiện thái độ lịch sự, tôn trọng đối với người nói.	– Tiếp thu ý kiến, giải đáp câu hỏi của người nghe hoặc khẳng định quan điểm của bản thân. – Thể hiện tinh thần cầu thị.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. So sánh đặc điểm "ghi chép sự thật" của phóng sự và hồi kí qua hai văn bản *Nghệ thuật băm thịt gà* và *Bước vào đời*.

2. Tìm đọc một số phóng sự và hồi kí tiêu biểu của Việt Nam trong những năm gần đây.

3. Cho các đề bài sau:

Đề 1: Từ điểm nhìn của thế hệ thanh niên hôm nay, bạn hãy suy nghĩ và phác hoạ chân dung một người thành đạt trẻ tuổi.

Đề 2: Biết trân trọng cái đẹp của người khác cũng là một cách làm đẹp chính mình. Trình bày suy nghĩ của bạn về ý kiến này.

– Lập dàn ý cho một trong hai đề bài trên.

– Chọn một ý mà bạn tâm đắc để viết thành một đoạn văn.

4. Cho đề tài: *Sống phải là toả sáng*.

– Chuẩn bị nội dung thuyết trình về ý kiến trên.

– Tổ chức thuyết trình theo nhóm từ nội dung đã chuẩn bị.

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Các yếu tố thời gian, không gian; mối liên hệ giữa người ghi chép và sự việc được kể lại.
- Sự việc, con người để lại ấn tượng sâu sắc với tác giả.
- Hiện thực đời sống lịch sử – xã hội được phản ánh qua văn bản.
- Cảm xúc cá nhân và văn phong của tác giả.

Vĩ tuyến 17

(Trích *Gánh gánh... gồng gồng...*[*])

Xuân Phượng[1]

Giô-rít (Joris)[2] *đặt tay lên vai tôi: "Các bạn hiểu tại sao tôi yêu suốt đời cái nghề làm phim chiến trường không? Giữa cái Chết và cái Sống, chúng ta có hạnh phúc, có may mắn ghi được sự sống ngay cả trong lòng đất, ngay cả khi cái chết cận kề".*

Một ngày tháng Năm năm 1967.

Anh Phạm Ngọc Thuần, chủ nhiệm Uỷ ban Liên lạc văn hoá với nước ngoài, thủ trưởng của tôi, gặp tôi. Giọng Nam Bộ nhỏ nhẹ: "Em ngưng mọi công việc, lên ngay Dinh Chủ tịch, nhận lệnh của Bác Hồ".

Xe vừa đến trước sân trải sỏi của Chủ tịch Phủ, tôi đã thấy bốn anh giám đốc các Xưởng phim Thời sự Tài liệu Trung ương, Xưởng phim truyện Việt Nam, Xưởng phim Quân đội Việt Nam, Xưởng phim Giao thông vận tải đang đứng dưới bóng cây hoàng lan. Khoảng năm phút sau, anh Vũ Kỳ, thư kí riêng của Hồ Chủ tịch, xuất hiện trên thềm Phòng khách lớn: "Mời các anh chị vào".

(*) Hồi kí viết về cuộc đời của tác giả Xuân Phượng, từ khi bà còn là học sinh Trường Quốc học Huế cho đến thời điểm cuốn sách được xuất bản (năm 2020).

(1) Tên khai sinh là Nguyễn Thị Xuân Phượng, sinh năm 1929, quê ở thành phố Huế, là đạo diễn, nhà văn. Năm mười sáu tuổi, bà thoát li gia đình, tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp tại mặt trận Huế, sau đó lên chiến khu Việt Bắc. Trong cuộc đời mình, bà đã tham gia hoạt động ở rất nhiều lĩnh vực: làm công tác tuyên huấn, vào ngành y, làm quân giới, phiên dịch tiếng Pháp, làm báo, phóng viên chiến trường, đạo diễn phim tài liệu,...

(2) *Giô-rít*: tên đầy đủ là Giô-rít I-ven (Joris Ivens), đạo diễn phim tài liệu người Pháp, gốc Hà Lan.

Bác Hồ đang ngồi nói chuyện với hai khách nước ngoài. Vị khách nam tóc bạc bồng bềnh, ngồi cạnh một phụ nữ, dáng người nhỏ nhắn, rất đặc biệt với mái tóc màu hung đỏ và đôi mắt xanh xám rất đẹp. Cả ba đang cười nói.

Thấy chúng tôi vào, Bác quay lại: "Bác giới thiệu với các cháu, đây là hai người bạn thân thiết của Bác, là những nhà điện ảnh cách mạng nổi tiếng trên thế giới. Ông Giô-rít I-ven đã làm hàng chục phim tài liệu nói về các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới. Người bạn đời của ông, bà Mác-xơ-lin Lô-ri-đan (Marceline Loridan), là một phụ nữ Do Thái đã bị tập trung vào lò thiêu người Ao-sờ-uýp (Auschwitz) của phát xít Đức. Chỉ còn năm ngày nữa là đến lượt bà bị vào lò thiêu, rất may mắn là quân Đồng minh đã kịp đến giải phóng".

Ông bà I-ven tươi cười quay lại bắt tay chúng tôi...

Buổi gặp gỡ đầu tiên ấy đã mở đầu cho hành trình làm bộ phim *Vĩ tuyến 17 – Chiến tranh nhân dân*[1].

Chuyến đi trong vùng chiến tranh ác liệt nhất miền Bắc năm 1967 đã thực sự thay đổi đời tôi. Mong rằng với vài câu chuyện ghi lại trong hồi kí này sau hai tháng làm phim ở Vĩnh Linh sẽ thay tôi tâm sự với các bạn vì sao tôi chuyển ngành, vì sao từ một bác sĩ có công việc rất ổn định tôi lại dấn thân mày mò học tập, chịu đựng hiểm nguy để trở thành một phóng viên chiến trường.

Một ngày tháng Năm năm 1967.

Sau hai ngày đêm vượt phà, vượt những con đường lổn nhổn hố bom cày nát, mò mẫm đi trong đêm với ánh sáng leo lắt của một ngọn đèn nhỏ gắn ở gầm xe, chúng tôi từ Hà Nội đã đến địa phận tỉnh Thanh Hoá.

Cả ba chiếc xe Jeep, lá nguỵ trang phủ đầy, được cất giấu trong một con hào nửa chìm nửa nổi. Mười một anh em trong đoàn chia nhau mấy tấm phên tre đặt dưới hào, sát bên cạnh là những chiếc hầm sâu hơn để tránh bom. Đang mệt nhoài và ngủ mê mệt, bỗng những tiếng nổ chát chúa bên tai, những tia chớp xanh lét làm tôi bừng tỉnh dậy. Quay phim Đào Lê Bình hét lên: "Bom bi, bom bi!". Chỉ kịp với tay giật chiếc túi cấp cứu, tôi nhảy vội xuống hầm. Ông bà I-ven đã ngồi nép vào một góc hầm, ba anh bảo vệ ngồi xung quanh. Mỗi phút trôi qua, bom bi càng nổ chát chúa, những tia chớp xanh lạnh, chói loà cả căn hầm. Bình hét lên: "Tôi bị thương rồi".

---

[1] *Vĩ tuyến 17 – Chiến tranh nhân dân*: bộ phim tài liệu được hoàn thành năm 1968 do Giô-rít I-ven đạo diễn. Bộ phim lấy bối cảnh là hiện thực cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ gian khổ, khốc liệt của nhân dân Việt Nam ở khu vực vĩ tuyến 17, tỉnh Quảng Trị, nơi phân chia hai miền Nam và Bắc trong chiến tranh; đã gây được tiếng vang lớn trên thế giới.

Tôi đưa tay chạm vào cổ anh. Một dòng nước ấm nhơn nhớt chảy nhầy nhụa. Tôi cầm vội con dao mổ nhỏ, sờ soạng vào cổ Bình và cảm nhận được một vật tròn tròn dưới làn da cổ. Một tia chớp, một bom bi lại nổ. Ông I-ven hét lên: "Phượng, hãy bình tĩnh! Săn sóc gấp cho Bình".

Tôi cầm con dao mổ, một tay bóp mạnh để gắng cố định viên bi đang nằm dưới làn da, tay kia khía mạnh. Viên bi tròn còn nóng máu người đã rơi thỏm xuống lòng bàn tay tôi. Máu ngừng chảy, vết thương được dán kín.

Cuộc thả bom chớp nhoáng đột ngột dừng. Không gian trở lại yên tĩnh một cách khác thường.

Trời mờ sáng. Ba chiếc xe Jeep bị bom phá tan hoang, két nước thủng lỗ chỗ, nệm ngồi văng tứ tung. Phi Hùng, người phụ trách an toàn của đoàn, gọi điện về Hà Nội xin chỉ thị. Như đoán biết trước, ông I-ven đi men theo vách hầm đến đưa cho tôi một mảnh giấy: "Chưa đi được một phần mười của hành trình. Chúng tôi quyết định vẫn đi tiếp vào Vĩnh Linh. Chúng tôi không trở về đâu. Kí tên Giô-rít và Mác-xơ-lin". Chiều hôm ấy, lệnh hoả tốc từ Hà Nội vào: "Bổ sung cho ba xe khác. Đoàn tiếp tục lên đường. Gắng bảo vệ tính mạng cho khách".

Và cứ thế, khi mặt trời lên, cả đoàn tìm vào các hầm trú ẩn của địa phương, hoặc chui vào các hốc đá, các hang đá nghỉ ngơi. Đôi khi vất vưởng ngồi dưới những hàng cây chạy dài ven suối. Chờ lúc chạng vạng tối lại lên xe, vượt bom, vượt pháo sáng, qua cầu phao, qua các đèo nham nhở đất đá tung toé. Khó chịu đựng nhất, gây căng thẳng nhất và đáng sợ nhất là những đợt ánh sáng xanh ma quái khét lẹt kết hợp với tiếng gầm rú điên cuồng của đủ loại máy bay Mỹ chằng chịt xuyên qua bầu trời.

Đêm ấy, sau khi vượt an toàn qua hai phà, chiếc xe của Ngọc với ông bà I-ven, Phi Hùng, Bình và tôi, đang nghiêng ngả chạy như say rượu trên con đường chằng chịt hố bom, dưới ánh sáng xanh ma quái của pháo sáng. Tôi lim dim ngủ. Một tiếng động chát tai. Xe Ngọc chạm phải phía sau một xe vận tải. Chiếc xe Jeep nhảy chồm lên, những mảnh kính vỡ vụn bắn vào mặt tôi, máu chảy ròng ròng. Tôi nhảy vụt ra khỏi xe. Tiếng Mác-xơ-lin thét lên: "Ôi cái chân tôi!". Trong bóng tối, hàng chục cánh tay của các em thanh niên xung phong đang lấp hố bom gần đấy dìu chúng tôi vào một hố to khoét sâu bên thành vách đất. Những mảnh kính vỡ vụn được từ từ rút ra khỏi mặt tôi. Tôi mở mắt và thấy Mác-xơ-lin đang nép vào Giô-rít, chân phải đã được băng lại, cứng đờ. Đến một trạm quân y nằm khá xa tuyến lửa ở Hà Tĩnh, bác sĩ khám cho hai chúng tôi. Tôi được rửa sạch những vết thương trên mặt. Kì diệu thay tuổi trẻ, máu đã ngừng chảy. Vẫn còn bỏng rát, nhưng tôi đã có thể sẵn sàng lên đường. Riêng Mác-xơ-lin thì nghiêm trọng hơn,

vết thương đầu gối khá nặng, phải nhập viện. Trạm quân y dã chiến này nằm cách đường khoảng hai mươi cây số, lẩn khuất trong những lùm tre. Ông I-ven quyết định ngay: "Để Mác-xơ-lin nằm điều trị tại đây. Tất cả đoàn chúng ta tối nay lên đường". Lúc ấy, nhà quay phim Thái Dũng đang bị thương và cũng đang nằm điều trị tại trạm quân y này. Tôi nhờ Thái Dũng trông nom giúp bà Mác-xơ-lin, rồi cả đoàn vội vã lên đường.

Xe ì ạch vượt đèo Đá Đẽo. Lại tiếng bom nổ, lại những ánh chớp xanh khét lẹt của pháo sáng, lại những lúc xe đang vượt cầu phao, bỗng máy bay ào đến, cầu phao nghiêng ngả, ba chiếc xe mấy lần suýt rơi xuống sông,... Hết bom, lại mò mẫm trong đêm hướng về Vĩnh Linh. I-ven có lẽ lo lắng cho Mác-xơ-lin nên ít chuyện trò hơn, đầu nghiêng nghiêng qua cánh cửa xe, đăm đăm quan sát bầu trời chằng chịt pháo sáng.

Hết địa phận Quảng Bình[1], ba xe dừng lại. Bốn, năm người trong Uỷ ban Vĩnh Linh từ trong hầm bước lên chào đón.

Tính theo thời bình và xe chạy đàng hoàng dưới ánh mặt trời, đoạn đường Hà Nội – Vĩnh Linh là gần sáu trăm cây số.

Sau này, Phi Hùng thuộc Xưởng phim Giao thông vận tải, đã tổng kết:

"– Ba xe Jeep ngày nghỉ đêm đi trên một ngàn cây số, hành trình mất hai mươi tám ngày.

– Ba xe Jeep bị phá nát, được cấp ba xe Jeep khác, một xe để lại ở trạm quân y Hà Tĩnh cho bà Mác-xơ-lin đi sau.

– Năm ngày nằm ở hang động Quảng Bình vì bị tắc đường, hai mươi hai lần tránh bom, hai lần suýt chết. Còn nhảy ra xe, nhảy vào xe rồi lại nhảy ra xe, rồi lại nhảy vào xe,... thì có đến hàng chục lần đếm không hết.

– Nhai lương khô mất ba thùng trong mười lăm ngày, được hai bữa ăn thịt gà, ba bữa ăn tươi ở Thanh Hoá, ngoài ra, khoai, sắn, bắp luộc thay bữa ăn không kể.

– Ngoài Bình, Phượng và Mác-xơ-lin bị thương nặng nhẹ khác nhau, còn tất cả thì: "Sợ thì có sợ, biết chạy tránh bom như chớp, biết bảo vệ ông I-ven an toàn, và bản thân mỗi người bình yên vượt qua cái chết. Rất đáng khen.".

Mỗi người một bát nước chè xanh, một viên kẹo đường đen, một điếu thuốc lá, ai nấy đều hỉ hả".

(Xuân Phượng, *Gánh gánh... gồng gồng...*,
NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2022, tr. 141 – 146)

[1] *Địa phận Quảng Bình*: tức địa phận của tỉnh Quảng Bình cũ, nay thuộc tỉnh Quảng Trị.

Bài 8

DỮ LIỆU TRONG VĂN BẢN THÔNG TIN

Yêu cầu cần đạt

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản; đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết và nội dung của văn bản dựa trên trải nghiệm, quan điểm của người đọc.
- Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề; đề xuất được các nhan đề khác.
- Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin; đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp thông tin; phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.
- So sánh được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ.
- Hiểu được các quy định liên quan đến việc sử dụng ý tưởng, thông tin hay câu chữ của người khác trong bài viết của mình để tránh vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.
- Viết được thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm.
- Biết tranh biện về một vấn đề đời sống (có những ý kiến trái ngược nhau); thể hiện được thái độ cầu thị khi tranh biện.
- Có cái nhìn cởi mở, thái độ tôn trọng đối với những gì khác biệt.

ĐỌC

TRI THỨC NGỮ VĂN

Vai trò của dữ liệu trong văn bản thông tin

Dữ liệu là các thông tin dưới dạng chữ viết, kí hiệu, số liệu, hình ảnh, âm thanh,... nhằm mô tả hoặc đo lường sự vật.

Có thể nói, dữ liệu là yếu tố quan trọng bậc nhất trong văn bản thông tin. Văn bản thông tin chỉ thực sự có giá trị khi cung cấp được cho người đọc những thông tin mới, đáng tin cậy, dựa trên những dữ liệu phong phú, chính xác, khách quan. Lập trường, thái độ, quan điểm của tác giả cũng được bộc lộ một cách gián tiếp qua cách chọn lọc, sắp xếp, trình bày, phân tích, đánh giá dữ liệu.

Dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp

Dữ liệu sơ cấp là dữ liệu được người viết thu thập một cách trực tiếp qua hoạt động quan sát, phỏng vấn, điều tra, thí nghiệm,... Dữ liệu sơ cấp có thể tồn tại dưới dạng các bản ghi chép, nhật kí, số liệu điều tra, kết quả khảo sát, thực nghiệm, bản vẽ, ảnh chụp tại hiện trường,... Dữ liệu sơ cấp có giá trị thực tiễn, giúp người đọc hình dung ra hiện trạng của vấn đề, sự việc, tuy nhiên có thể hàm chứa thiên kiến của người thu thập.

Dữ liệu thứ cấp là dữ liệu được khai thác bằng con đường gián tiếp, sử dụng lại những nguồn thông tin đã có từ trước. Dữ liệu thứ cấp mang lại cái nhìn đa dạng, nhiều chiều hơn về vấn đề, song độ tin cậy của dữ liệu thứ cấp lại phụ thuộc vào nguồn thông tin gốc.

Đánh giá tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu

Để đánh giá tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản thông tin, người đọc có thể thực hiện một số thao tác sau:

– Thẩm định nguồn dữ liệu: Ai là người cung cấp dữ liệu? Người cung cấp dữ liệu có đủ thẩm quyền và uy tín hay không? Dữ liệu được công bố ở đâu, khi nào, qua kênh nào?

– Đánh giá tính logic trong cách trình bày: Dữ liệu được đưa ra theo trình tự nào? Mức độ tương hợp giữa các dữ liệu được thể hiện ra sao?...

– Phân biệt sự thật và ý kiến: Sự thật là những số liệu, ví dụ, trích dẫn, câu chuyện thực tế mang tính khách quan, có thể đo lường, kiểm chứng; ý kiến là đánh giá, nhận định dựa trên quan điểm chủ quan của một cá nhân, khó xác minh.

– Suy luận để nhận ra thiên kiến của tác giả: Tìm các từ ngữ cho thấy sự thái quá của cảm xúc, những chi tiết thể hiện sự giản lược hoá hoặc cường điệu trong việc huy động dữ liệu,...

– So sánh các dữ liệu trong văn bản đọc với dữ liệu tương tự ở một số văn bản khác: Tìm điểm tương đồng, khác biệt trong cách nêu, phân tích dữ liệu giữa các văn bản và lí giải nguyên nhân dẫn đến điều đó.

Thư từ

Thư từ (thư nói chung) là hình thức văn bản đặc biệt, có đối tượng tiếp nhận cụ thể theo các mức độ khác nhau, được dùng với nhiều mục đích giao tiếp khác nhau: bày tỏ tình cảm, chia sẻ một trải nghiệm, cung cấp thông tin, thuyết phục hay thể hiện sự đồng tình với người đọc về một vấn đề,... Tuỳ vào mục đích chủ yếu được nhắm đến mà một bức thư có thể là văn bản biểu cảm, văn bản tự sự, văn bản thông tin hay văn bản nghị luận. Sự pha trộn các yếu tố của nhiều kiểu văn bản khác nhau là hiện tượng thường thấy trong một bức thư.

Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

Tôn trọng kết quả lao động sáng tạo của người khác và biết cách tiếp thu, kế thừa kết quả đó trong sản phẩm trí tuệ của mình theo đúng quy định và thông lệ quốc tế là yêu cầu bắt buộc trong học tập và nghiên cứu. Điều đó không chỉ góp phần tạo nên những sản phẩm sáng tạo mà còn bồi dưỡng cho người học, người nghiên cứu tính trung thực, niềm say mê tìm tòi, khám phá cái mới.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

VĂN BẢN 1

Pa-ra-na (Parana)(*)

(Trích *Nhiệt đới buồn*)

Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt (Claude Lévi-Strauss)

Bạn biết gì về lịch sử, văn hoá của các dân tộc bản địa ở Nam Mỹ? Chia sẻ với các bạn trong lớp những hiểu biết của bạn.

Trên những dải đất nhìn xuống hai bờ sông Ri-ô Ti-ba-gi (Rio Tibagy) ấy, ở độ cao 1 000 mét so với mặt biển, lần đầu tiên tôi đã tiếp xúc với những người hoang dã, trong khi đi theo một trưởng chi nhánh của cơ quan bảo vệ người Anh điêng trong chuyến đi kiểm tra của ông ta.

Tóm tắt ý chính của đoạn văn.

Vào thời kì phát hiện ra xứ sở này, toàn bộ khu vực nam Bra-xin (Brasil) là nơi trú ngụ của những nhóm người có mối quan hệ gần gũi về ngôn ngữ và văn hoá và người ta xếp chung dưới tên gọi là Giê (Gé)(1). Có thể họ đã bị dồn về khu vực này bởi những kẻ xâm lược nói tiếng Tu-pi (Tupi)(2), mới đây đã chiếm giữ toàn bộ dải bờ biển và họ đang chiến đấu chống lại những người này. Được bảo vệ do đã lui vào những vùng khó thâm nhập, người Giê ở nam Bra-xin đã tồn tại trong vài thế kỉ thoát khỏi người Tu-pi, còn người Tu-pi thì nhanh chóng bị đám thực dân xoá sổ. Trong những khu rừng của các bang phía nam: Pa-ra-na và Xan-ta Ca-ta-ri-na (Santa Catarina), những nhóm nhỏ người hoang dã đã tồn tại cho tới thế kỉ XX; có thể còn tồn tại vài nhóm cho tới năm 1935, bị truy đuổi tàn bạo đến mức trong khoảng một trăm năm gần đây nhất họ phải trốn biệt; nhưng phần lớn họ đã bị hao mòn và được chính phủ Bra-xin cho định cư ở nhiều trung tâm vào khoảng năm 1914. Lúc đầu, người ta cố gắng đưa họ vào đời sống hiện đại. Làng Xao Phe-rô-ni-mô (Sao Feronymo) là nơi đặt cơ sở của tôi, có một xưởng làm khoá, một xưởng cưa,

(*) *Pa-ra-na*: một bang nằm ở phía nam của Bra-xin, được bao phủ bởi rừng bách tán, một trong những rừng cận nhiệt đới quan trọng nhất trên thế giới.

(1) *Giê*: một nhóm người bản địa ở Bra-xin.

(2) *Tu-pi*: một trong những cộng đồng người bản xứ lớn nhất ở Bra-xin trước thời kì thuộc địa, từng định cư ở vùng rừng mưa A-ma-dôn (Amazon) từ khoảng 2 900 năm trước.

một trường học, một hiệu thuốc. Trạm bưu điện đều đặn nhận được các dụng cụ: rìu, dao, đinh; người ta phân phát quần áo và chăn. Hai mươi năm sau, những ý đồ đó bị từ bỏ. Bằng việc bỏ mặc những thổ dân tự kiếm sống, cơ quan bảo vệ biểu lộ sự thờ ơ mà chính họ trở thành đối tượng từ phía các cơ quan công quyền (sau đó, họ có lấy lại được ít nhiều quyền lực); do vậy, dù không muốn, họ bị bắt buộc phải thử nghiệm một phương pháp khác, là khuyến khích thổ dân ít nhiều lấy lại thế chủ động, buộc họ tiếp tục đi theo lối vốn có của mình.

Người thổ dân chỉ giữ lại của trải nghiệm văn minh ngắn ngủi những bộ quần áo Bra-xin, cái rìu, con dao và chiếc kim khâu. Toàn bộ phần còn lại, là thất bại. Người ta đã xây nhà cho họ và họ vẫn sống ở ngoài trời. Người ta cố sức định cư họ trong các ngôi làng, và họ vẫn sống du cư. Giường nằm, họ đã phá ra làm củi đun và nằm ngủ ngay dưới đất. Những đàn bò do chính phủ gửi tới lang thang đâu đó, thổ dân ghê sợ từ chối thịt và sữa bò. Những chiếc chày gỗ chuyển động một cách cơ học bằng cách đổ đầy và trút ra một thùng nước gắn ở đầu một cánh tay đòn bẩy (dụng cụ thường thấy ở Bra-xin gọi là môn-giô-lô (monjolo), và có thể là do người Bồ Đào Nha nhập từ phương Đông vào) mục ruỗng vì chẳng ai dùng đến, giã gạo bằng tay vẫn là cách phổ biến.

Thất vọng lớn cho tôi, như vậy người Anh điêng ở Ti-ba-gi vừa không hoàn toàn là "người Anh điêng thực thụ", vừa, nhất là, không phải là "người hoang dã". Nhưng lột sạch đi khỏi cái chất thơ của họ hình ảnh khờ khạo mà nhà dân tộc học mới vào nghề tạo nên từ những kinh nghiệm sau này của mình, họ đã cho tôi một bài học về sự thận trọng và tính khách quan. Tìm thấy họ kém nguyên vẹn như tôi vẫn hi vọng, tôi sẽ khám phá ra rằng họ bí ẩn hơn là cái vẻ bề ngoài của họ có thể làm cho ta tưởng. Họ minh hoạ đầy đủ cái tình thế xã hội học có xu hướng trở thành độc quyền cho nhà quan sát nửa sau thế kỉ XX, từ "những người nguyên thuỷ" bị áp đặt nền văn minh một cách thô bạo và, một khi vượt qua được mối hiểm hoạ mà họ bị coi là đại diện, thì người ta không còn quan tâm đến nữa. Nền văn hoá của họ, một mặt được tạo thành bởi những truyền thống lâu đời đã kháng cự lại ảnh hưởng của người da trắng (như tục nhuộm răng và cà răng, vẫn khá phổ biến trong số họ), mặt khác là những vay mượn từ nền văn minh hiện đại, là một tổng thể độc đáo mà việc nghiên cứu, dù có thể thiếu đi sự ý nhị, lại không hề đặt tôi vào một trường học kém giá trị so với việc nghiên cứu những người Anh điêng thuần chủng mà tôi phải tiếp cận về sau.

*Tìm các **chi tiết, cách diễn đạt thể hiện thái độ, quan điểm của tác giả.***

Nhưng đặc biệt là, từ khi những người Anh điêng ấy bị phó mặc tự kiếm sống, thì ta chứng kiến một cuộc đảo lộn kì lạ thế cân bằng phù phiếm giữa văn hoá hiện đại và văn hoá nguyên thuỷ. Những lối sống cổ xưa, những kĩ thuật truyền thống tái xuất hiện, nảy sinh từ một quá khứ mà ta sẽ sai lầm khi quên mất sự gần gũi sống động. Ở đâu ra vậy những chiếc chày đá được mài nhẵn tuyệt đẹp tôi đã tìm thấy, trong nhà của người Anh điêng, lẫn lộn giữa những đĩa sắt tráng men, những cùi dìa[1] của cửa hàng bách hoá, và thậm chí – đôi khi – những bộ xương khung của một chiếc máy khâu? Những cuộc trao đổi buôn bán, trong im lặng của rừng già, với những cư dân cùng chủng tộc, nhưng vẫn sống hoang dã, và hoạt động hiếu chiến của họ vẫn còn chặn đường những người khai khẩn thâm nhập một số vùng của Pa-ra-na chăng? Để trả lời, cần phải hiểu chính xác cuộc phiêu lưu đầy sóng gió của ông già Anh điêng Bra-vô (Bravo), bấy giờ đã về hưu ở khu di dân của chính phủ.

Bạn hiểu thế nào là cuộc đổi ngôi kì lạ phá vỡ thế cân bằng phù phiếm giữa văn hoá hiện đại và văn hoá nguyên thuỷ?

Những đồ vật khiến ta trầm tư ấy vẫn còn trong các bộ lạc như là nhân chứng của một thời kì khi người Anh điêng không biết đến nhà ở, quần áo, cũng như vật dụng bằng kim loại. Và trong những kí ức nửa ý thức của con người, những kĩ thuật xưa cũng còn được lưu giữ. Thay vì những que diêm, đã được biết đến rộng rãi nhưng đắt và khó kiếm, người Anh điêng vẫn cứ ưa thích việc quay hay xát mạnh vào nhau hai mẩu gỗ mềm của cái khoan lửa. Và những khẩu súng trường, súng lục cũ kĩ xưa kia do chính phủ phân phát, thường thấy chúng treo trong những ngôi nhà bỏ hoang, trong khi người đàn ông đi săn trong rừng với cây cung và những mũi tên của một kĩ thuật cũng chắc chắn như kĩ thuật của các dân tộc chưa hề biết đến vũ khí nóng. Như vậy những lối sống cổ xưa, bị che phủ sơ sài bởi những nỗ lực của nhà cầm quyền, lại mở đường đi của chúng, cũng chậm rãi, và vững tin như những đoàn người Anh điêng mà tôi gặp, đi trên những con đường mòn trong rừng, trong khi các mái nhà đổ rụi ở những ngôi làng bỏ hoang.

Chú ý thái độ, hành xử của người Anh điêng với những thứ được coi là sản phẩm của văn minh, tiến bộ.

(Cờ-lốt Lê-vi–Xtơ-rốt, *Nhiệt đới buồn*, Ngô Bình Lâm dịch, NXB Tri thức, Hà Nội, 2009, tr. 156 – 158)

[1] *Cùi dìa*: thìa.

Cờ-lốt Lê-vi–Xtơ-rốt (1908 – 2009) là nhà nhân học, dân tộc học, triết học nổi tiếng người Pháp. Các nghiên cứu của Cờ-lốt Lê-vi–Xtơ-rốt bao trùm nhiều lĩnh vực, có ảnh hưởng sâu rộng trên thế giới, luôn thể hiện một tầm nhìn toàn cầu về nhân loại, chống lại việc độc tôn văn minh phương Tây, bảo vệ sự đa dạng văn hoá và cảnh báo nguy cơ thiên nhiên bị huỷ diệt. Các công trình tiêu biểu của ông: *Những cấu trúc sơ đẳng về thân tộc* (1949), *Chủng tộc và lịch sử* (1952), *Nhiệt đới buồn* (1955), *Nhân loại học cấu trúc* (1958), *Tư tưởng hoang dã* (1962),...



Cờ-lốt Lê-vi–Xtơ-rốt
Nguồn: Michel Ravassard/ UNESCO

Nhiệt đới buồn là tác phẩm tự truyện, du kí, đồng thời cũng là một ghi chép dân tộc học, du khảo triết học độc đáo. Tác phẩm được Cờ-lốt Lê-vi–Xtơ-rốt viết sau hai mươi năm khảo sát thực địa ở Bra-xin, nơi ông có cơ hội được tiếp xúc với nền văn hoá Anh diêng đang đứng trước nguy cơ bị huỷ hoại. Bằng những quan sát và ghi chép tỉ mỉ, khách quan của một nhà nhân học, sự sâu sắc của một nhà triết học, Cờ-lốt Lê-vi–Xtơ-rốt đã đặt ra nhiều vấn đề đáng suy ngẫm về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên và về chính bản chất, lịch sử của nhân loại.

1. Văn bản cho bạn biết những thông tin gì về số phận của người bản địa trong lịch sử? Nêu nhận xét về những thông tin đó.
2. Thông tin về cuộc sống của người Giê dưới chế độ thực dân được triển khai qua những dữ liệu nào? Từ những dữ liệu đó, bạn có nhận xét gì về mối quan hệ giữa chính quyền thực dân và những người da đỏ bản xứ?
3. Phân tích vai trò của người trần thuật xưng "tôi" trong văn bản.
4. Các dữ liệu được cung cấp trong văn bản là dữ liệu sơ cấp hay thứ cấp? Giá trị của các dữ liệu đó là gì?
5. Hãy cho biết lập trường, quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản. Bằng cách nào bạn nhận ra điều đó?
6. Thông điệp bạn nhận được từ văn bản là gì? Đặt trong bối cảnh ra đời của văn bản, theo bạn, thông điệp đó có ý nghĩa gì?

Kết nối đọc – viết

Văn bản gợi cho bạn suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa văn minh và hoang dã? Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn.

VĂN BẢN 2

Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục

Nguyễn Nam

Chia sẻ những hiểu biết của bạn về giáo dục khai phóng.

***Thành lập** năm 1907 ở Hà Nội, Đông Kinh Nghĩa Thục **là sự tích hợp** những thành tựu cải cách giáo dục Đông – Tây vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.*

Đọc lướt phần nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ in nghiêng, in đậm để nắm bắt được chủ đề, cấu trúc, các nội dung chính của văn bản.

Mặc dù giáo dục khai phóng có thể được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau nhưng tất cả đều có chung một điểm là cung cấp một nền tảng tri thức rộng mở, giúp người học phát triển tư duy phản biện, kĩ năng lập luận, phân tích và biểu đạt các ý tưởng, thông tin một cách rõ ràng. Những nền tảng tri thức và kĩ năng này sẽ chuẩn bị cho người học năng lực xử lí các vấn đề phức tạp của thế giới và ứng phó với những thay đổi không thể lường trước trong tương lai.



Từ phải qua trái: Căn nhà số 4 (nhà riêng của cụ Lương Văn Can) và căn nhà số 10 (màu trắng, có ba cửa vòm) ở phố Hàng Đào, Hà Nội, từng là cơ sở dạy học của Đông Kinh Nghĩa Thục
Nguồn: Henri Gourdon, *L'Indochine*, Paris: Larousse, 1931, tr. 131

Quan sát hình ảnh và đọc kĩ phần chú thích.

Nền tảng thực hành của một truyền thống giáo dục như thế có lịch sử lâu đời không chỉ ở các nước phương Tây mà còn ở các nước phương Đông như Ấn Độ, Trung Hoa, hay Ai Cập.

Năm 1907, Đông Kinh Nghĩa Thục (thường được dịch sang tiếng Anh là "The Tonkin Free School") ra đời trong bối cảnh thuộc địa đánh dấu một bước phát triển mới trong truyền thống giáo dục khai phóng Việt Nam. Đông Kinh Nghĩa Thục là sự tích hợp những thành tựu cải cách giáo dục Đông – Tây vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX nhằm đáp ứng những yêu cầu cấp thiết của thời đại, đặc biệt là vấn đề canh tân đất nước về mọi mặt để mưu cầu tiến bộ, bình đẳng, hợp tác và độc lập dân tộc.

Tìm các từ ngữ, chi tiết thể hiện nhận xét, đánh giá của tác giả về Đông Kinh Nghĩa Thục.

Thời gian tồn tại ngắn ngủi của Đông Kinh Nghĩa Thục trong vòng khoảng mười tháng tỉ lệ nghịch cực đại với ảnh hưởng sâu rộng của ngôi trường này đối với truyền thống giáo dục Việt Nam nói riêng, và đối với sự phát triển theo định hướng mới của xã hội Việt Nam nói chung.

Bối cảnh lịch sử

Những biến động chính trị, kinh tế, xã hội và quân sự ở khu vực Đông Á cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX đã có tác động mạnh mẽ đến một nước Việt Nam bị phân cắt thành ba kì (Bắc, Trung, Nam), nằm trong vòng kiểm soát của những hệ thống chính trị bảo hộ – thuộc địa của Pháp. Thất bại của Mậu Tuất Duy tân[1] ở Trung Hoa năm 1898 đã dẫn đến sự lưu vong của Khang Hữu Vi (Kang Youwei, 1858 – 1927) và Lương Khải Siêu (Liang Qichao, 1873 – 1929) ở Nhật, và đó cũng chính là một trong những khởi điểm quan trọng cho việc tiếp xúc và truyền bá tư tưởng chính trị, triết học phương Tây (đã được dịch khá nhiều ở Nhật) vào thế giới Đông Á (bao gồm Việt Nam) qua hình thức "tân thư"[2].

Tìm các từ khoá và câu chủ đề trong mục này.

Chiến thắng của Nhật Bản trong chiến tranh Nhật – Nga (1905) cùng với những thành tựu cải cách chính trị, kinh tế, giáo dục, xã hội của nước này trong giai đoạn Minh Trị Duy tân (1868 – 1889) đã khiến các nước Đông Á

Tóm tắt những điều kiện chính dẫn đến sự ra đời của Đông Kinh Nghĩa Thục.

(1) *Mậu Tuất Duy tân*: tức Duy tân Mậu Tuất, còn gọi là biến pháp Mậu Tuất, là phong trào yêu nước và cải cách xã hội xuất hiện ở Trung Quốc thời kì cận đại, được Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu khởi xướng, lấy cảm hứng từ phong trào Minh Trị Duy tân ở Nhật Bản.

(2) *Tân thư*: sách báo chứa đựng những kiến thức, lí giải mới mẻ về con người và xã hội do các học giả mang tư tưởng canh tân của Nhật Bản, Trung Quốc viết ra hoặc biên dịch từ một số ngôn ngữ châu Âu; được truyền bá vào Việt Nam từ nửa cuối thế kỉ XIX đến nửa đầu thế kỉ XX; tạo cơ sở cho việc hình thành các phong trào Đông du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy tân.

phải nhận thức lại tiềm lực cách mạng, cải cách của chính mình để đối đầu với hiểm hoạ thôn tính từ phương Tây.

Dân trí, dân khí và dân sinh nổi lên như những yếu tố cốt tuỷ, then chốt mở lối cho dân tộc tự cường và hiện đại, cần được đặc biệt quan tâm và triển khai từ nền tảng giáo dục. Mô hình giáo dục Nhật Bản, đặc biệt là Khánh Ứng Nghĩa Thục[1] (Keio Gijuku) được Phan Bội Châu (1867 – 1940) và Phan Châu Trinh (1872 – 1926) cùng thăm thú, quan sát năm 1906, đã trở thành nguồn cảm hứng cho việc thành lập Đông Kinh Nghĩa Thục do cụ cử Lương Văn Can (1854 – 1927) làm hiệu trưởng ở phố Hàng Đào (Hà Nội) năm 1907.

Điểm nhấn then chốt trong lịch sử giáo dục Việt Nam

Chú ý nhận định của tác giả về Đông Kinh Nghĩa Thục.

Dù chỉ tồn tại trong thời gian ngắn khoảng mười tháng, từ tháng Ba dương lịch năm 1907 cho đến khi bị chính quyền thuộc địa đóng cửa vào đầu năm 1908 (tháng Chạp năm Đinh Mùi âm lịch), Đông Kinh Nghĩa Thục là một trong những cải cách quan trọng nhất trong lịch sử giáo dục Việt Nam, được tiến hành không phải từ trên xuống, mà từ dưới lên, bắt nguồn trong dân chúng, do nhân sĩ đề xướng, theo định hướng độc lập dân tộc, khát vọng yêu nước, mong cầu tiến bộ về tri thức, tư duy và dân chủ nhằm phá bỏ những kìm hãm, trì trệ của xã hội thuộc địa và quân chủ Việt Nam đầu thế kỉ XX.

Tìm các bằng chứng được tác giả sử dụng để làm nổi bật nhận định của mình.

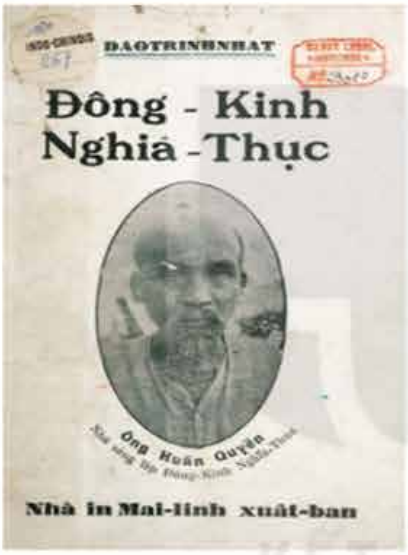
Hẳn là nguyên nhân chính khiến chính quyền thực dân Pháp quyết định đóng cửa Đông Kinh Nghĩa Thục không phải chỉ vì những nội dung giáo dục tiến bộ về khoa học phổ thông của nhà trường, mà quan trọng hơn là vì nguy cơ nối kết giữa việc đào tạo con người có tư duy khoa học, cởi mở – phản biện, nặng lòng ái quốc, có ý thức học hỏi – tiếp nhận từ năm châu, bốn bể nhưng luôn hướng đến độc lập quốc gia với những cuộc khởi nghĩa vũ trang vẫn đang tồn tại, luôn chờ dịp bùng phát trong cả nước.

Có một khoảng cách đáng kể giữa thời gian hiện hữu của Đông Kinh Nghĩa Thục và thời gian ra đời của những khảo cứu về ngôi trường lịch sử này. Phải đến gần ba mươi năm sau khi bị đình chỉ, những tập chuyên luận đầu tiên về nhà trường mới được biên soạn, nhưng số phận của chúng cũng thật truân chuyên.

---

[1] *Khánh Ứng Nghĩa Thục*: trường đại học tư thục đầu tiên của Nhật Bản, được học giả Phư-cư-da-oa Y-ư-ki-chi (Fukuzawa Yukichi) sáng lập vào năm 1868, đề cao tinh tự cường, ý chí độc lập, sự tháo vát và tinh thần cống hiến của người Nhật. Trường có đóng góp rất quan trọng cho công cuộc Duy tân thời Minh Trị.

Sách *Đông Kinh Nghĩa Thục* của Đào Trinh Nhất (1900 – 1951) do nhà in Mai Lĩnh xuất bản số lượng lớn (10 000 bản vào tháng 12 năm 1937 ở Hà Nội), vừa đến với người đọc vài tháng đã bị cấm cùng với một khảo cứu khác của ông có tên *Đời cách mệnh Phan Bội Châu*, không ai được "giới thiệu, lưu hành, bày bán, phân phối" trên toàn cõi An Nam từ ngày 17 tháng 3 năm 1938. Cũng từ năm 1936, Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm (1902 – 1977) đã có ý thức thu thập thông tin và trình bày rải rác về Đông Kinh Nghĩa Thục trên các tuần báo *Thế giới* (Sài Gòn) và *Tân Việt Nam* (Hà Nội). Đến năm 1945, khi tài liệu đã khá dày dặn, ông soạn thành sách *Đông Kinh Nghĩa Thục*, kí bút danh Mai Lâm, nhưng do chiến tranh tao loạn, bản thảo bị lạc mất khỏi tay người soạn.



Bìa sách *Đông Kinh Nghĩa Thục* của Đào Trinh Nhất do nhà Mai Lĩnh xuất bản năm 1937 với ảnh chân dung của Giám học Nguyễn Quyền


— 541 —

Art. 8. Le Thu-Lang du Ministère de l'Economie rurale, de l'Artisanat et de l'Assistance sociale et les Mandarins Chefs de province en Annam sont chargés, chacun en ce qui le concerne, de l'exécution du présent arrêté.

Huê le 17 Mars 1938
Signé : NGUYEN-KHOA-KY

Approuvé :
Huê, le 25 Mars 1938
Le Résident Supérieur en Annam

17 Mars 1938

Sont interdites sur le territoire de l'Annam l'introduction, la circulation, la mise en vente, la distribution et la détention des deux brochures en quôc-ngu intitulées : « Dông Kinh Nghia Thuc » et « Doi Cach Ménh Phan-Bôi-Châu » par Dao-trinh-Nhât.

Province de Quang Nam

20 mars 1938

Le Service de la Conservation de la Propriété Foncière institué par l'arrêté du 26 avril 1930 est déclaré ouvert pour les villages ci-dessous énumérés à partir du 20 mars 1938 (19e jour du 2e mois de la 13e année de Bao-Dai).

Quyết định cấm hai tác phẩm *Đông Kinh Nghĩa Thục* và *Đời cách mệnh Phan Bội Châu* được ban hành ngày 17 tháng 3 năm 1938 in trong *Bulletin administratif de l'Annam*, 15/02/1938 – 09/8/1938

Nguồn: Gallica, Thư viện Quốc gia Pháp

Sau đó hơn chục năm, Hoa Bằng mới có thể hoàn thành một bản thảo khác về ngôi trường lịch sử này, nhưng rất tiếc cho đến nay vẫn chưa được chính thức ấn hành. Trong một thời gian dài, tên gọi "Đông Kinh Nghĩa Thục" đã là một từ cấm kị, trở thành nỗi ám ảnh của chính quyền thực dân bắt đầu từ năm 1908 khi nó bị chính quyền thuộc địa dán cho cái nhãn "hội kín" (société sécrète) và gắn nó với những hoạt động cách mạng bạo động như vụ đầu độc lính Pháp ở Hà thành năm ấy.

Theo tác giả, đâu là điểm nhấn then chốt của Đông Kinh Nghĩa Thục trong lịch sử giáo dục Việt Nam?

Giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục

Chỉ ra các bằng chứng được tác giả sử dụng.

Nếu những điều sâu sắc nhất là những gì đọng lại trong kí ức sau một hành trình dài của thời gian, thì những điều Giám học Nguyễn Quyền còn nhớ được về Đông Kinh Nghĩa Thục sau gần ba mươi năm nhà trường bị rút giấy phép, những người sáng lập bị bắt bớ, tù đày tất yếu phải là những thành tựu đáng tự hào nhất của nhà trường. Ông tóm tắt mục đích – tôn chỉ giáo hoá của Đông Kinh Nghĩa Thục trong sáu điểm như sau:

Giảng dạy bằng ba thứ chữ Pháp, Hán, Việt: Với cấp phổ thông thì chú trọng giảng dạy quốc văn, thay thế hoàn toàn giáo dục Hán văn bằng quốc ngữ "để diễn dịch những thường thức và tư tưởng mới".

Trường chia làm ba cấp: Tiểu, Trung và Đại học. Chữ Pháp và chữ Hán được giảng dạy các bậc Trung và Đại học. Trường thu nhận cả nam sinh và nữ sinh ở bậc Tiểu học; có cả giáo viên nữ giảng dạy. Tất cả các lớp đều chỉ cốt "học để làm người dân, chớ không học lối từ chương khoa cử".

Nhà trường dạy miễn phí, cấp cả sách vở, giấy bút, "muốn cho ai cũng có thể tới và học được".

Trường dạy "những khoa học thường thức, công nghệ thường thức cho người ta lấy đó mà mưu sanh, tự tồn".

Được phép của nhà cầm quyền, Đông Kinh Nghĩa Thục mỗi tuần được tổ chức diễn thuyết công khai một lần về các vấn đề giáo dục, khoa học; các buổi diễn thuyết ban đầu chỉ ở Hà Nội nhưng sau còn phái cả người đi diễn thuyết ở các nơi khác.

Đông Kinh Nghĩa Thục được tổ chức với mục đích thực nghiệm để sẵn sàng mở rộng ra khắp ba kì.

Khái quát những đặc điểm chính của Đông Kinh Nghĩa Thục.

Tác phẩm khuyết danh *Văn minh tân học sách* (1904) có thể xem là cương lĩnh giáo dục của nhà trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Theo đó, có thể thấy trường khuyến khích tinh thần sáng tạo khoa học của người học, khuyến cáo xã hội nên học theo mẫu hình châu Âu mà "hạ lệnh cho khắp nước hễ ai học được kiểu mới, chế được đồ mới thì cũng theo lối Âu châu cấp cho bằng khen làm lưu chiểu, thưởng cho phẩm hàm để ngợi khen họ, cấp lương bổng để khen thưởng họ, cho giữ quyền sáng tạo để hậu đãi họ.". Quan trọng nhất

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

là tinh thần tự do học thuật dựa trên thực học, "cho phép học trò bàn bạc tha hồ, đối đáp tự do, không phải nề hà. Không cần thể cách gì hết [...] để cho cái mà học sinh học và thi không trái với công việc thực tế họ phải làm".

Tất nhiên, những nội dung dạy và học ở Đông Kinh Nghĩa Thục trong khoảng gần mười tháng ngắn ngủi thời đó tuy vẫn còn rất sơ khai nhưng cái dũng khí dám từ bỏ lối học từ chương, giáo điều hàng nghìn năm áp đặt, kìm hãm tâm trí người dân cần được ghi nhận như một mốc lịch sử giáo dục quan trọng.

Chú ý các từ ngữ, cách diễn đạt thể hiện thái độ, quan điểm của tác giả.

Tinh thần khai phóng đó cho phép người học trải nghiệm tự do học thuật, hướng họ vào đường thực học, cho phép họ kiểm nghiệm những điều đã học được trong thực tế, tập cách suy nghĩ cởi mở, với tinh thần phản biện mà không phải kiêng dè chi cả.

Cùng với quốc văn, Hán văn và Pháp văn là những ngôn ngữ – văn tự cho phép người học mở rộng và hoà nhập hiệu quả với thế giới hiện đại mà không bị cắt đứt khỏi căn rễ văn hoá của mình, Đông Kinh Nghĩa Thục đã tiếp nối và phát huy tinh thần khai phóng của giáo dục Việt Nam trong khung cảnh thuộc địa của đất nước và trong bối cảnh biến động phức tạp của thế giới đầu thế kỉ XX như thế đó.

(Theo Nguyễn Nam, báo *Vietnamnet*, ngày 09/11/2022)

Nguyễn Nam sinh năm 1961, quê ở tỉnh Hà Tây (nay thuộc thành phố Hà Nội), là người nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực: lịch sử tư tưởng, văn chương và điện ảnh Đông Á.

1. Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời trong bối cảnh lịch sử nào?
2. Theo tác giả, điểm nhấn then chốt của Đông Kinh Nghĩa Thục là gì? Tác giả đã sử dụng những dữ liệu nào để làm rõ điều này?
3. Giáo dục khai phóng có những đặc điểm gì? Vì sao tác giả lại cho rằng Đông Kinh Nghĩa Thục là một mô hình giáo dục khai phóng?
4. Các thông tin trong văn bản được chọn lọc, sắp xếp theo trình tự nào? Cách sắp xếp đó có thuyết phục không? Vì sao?
5. Phân tích tác dụng của việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản.

6. Tác giả nhận xét, đánh giá thế nào về Đông Kinh Nghĩa Thục? Có gì thiên kiến trong cách nhận xét, đánh giá đó không? Hãy lí giải về điều này.
7. Từ những thông tin được cung cấp trong văn bản, bạn suy nghĩ như thế nào về giá trị của giáo dục nói chung và giáo dục khai phóng nói riêng?

Kết nối đọc – viết

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về một dữ liệu gây ấn tượng mạnh mẽ với bạn trong văn bản *Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục*.

VĂN BẢN 3

Đời muối

(Trích *Đời muối: Lịch sử thế giới*)

Mác Kơ-len-xki (Mark Kurlansky)

Ngoài cách tiếp cận lịch sử thông thường qua các cuộc chiến tranh, qua sự biến đổi và tiếp nối của các triều đại, các cuộc cách mạng,... người ta còn có thể tiếp cận lịch sử bằng những cách nào khác?

Khoảng năm 11 000 trước Công nguyên, sau khi Kỉ Băng Hà kết thúc, những tảng băng khổng lồ bao phủ phần lớn thế giới, bao gồm cả Niu Óóc (New York) và Pa-ri ngày nay, bắt đầu thu hẹp lại và dần dần tan biến. Trong khoảng thời gian này, sói A-xi-a-tích (Asiatic), một loài thú săn mồi hung dữ tuy kích thước nhỏ bé nhưng sẵn sàng ăn thịt cả con người nếu có cơ hội, dần dần bị con người kiểm soát do được cho ăn và huấn luyện từ khi còn là con non. Và thế là, một kẻ thù nguy hiểm đã hoá thành một phụ tá đầy trung thành và tận tâm – loài chó.

Chú ý các mốc thời gian và các sự kiện chính.

Khi các dòng sông băng tan chảy, những cánh đồng ngũ cốc hoang dã rộng lớn dần xuất hiện. Con người, và cả cừu, dê hoang dã, đều kiếm ăn trên những cánh đồng này. Phản ứng ban đầu của con người có lẽ là giết chết lũ động vật đang đe doạ đến nguồn thức ăn quý giá. Nhưng chẳng bao lâu sau, các bộ lạc sinh sống gần những cánh đồng này nhận ra rằng nếu kiểm soát được cừu

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

và dê, chúng có thể trở thành một nguồn thức ăn mới. Lũ chó cũng góp công sức trong việc này. Đến khoảng năm 8 900 trước Công nguyên, cừu đã được thuần hoá ở I-rắc (Iraq), thậm chí có thể là từ sớm hơn nữa ở những nơi khác trên thế giới.

Vào khoảng năm 8 000 trước Công nguyên, phụ nữ vùng Cận Đông bắt đầu gieo trồng hạt giống ngũ cốc hoang trên những cánh đồng đã được khai khẩn. Dấu mốc này thường được cho là khởi đầu của nông nghiệp. Tuy nhiên, vào năm 1970, một đoàn thám hiểm của Đại học Ha-oai (Hawaii) đã đến Bơ-ma (Burma), nay là Mi-an-ma (Myanmar), báo cáo rằng đã tìm thấy những dấu tích để lại của rau trồng, bao gồm đậu, củ mã thầy và dưa chuột, có niên đại từ năm 9 750 trước Công nguyên tại một nơi được gọi là "Hang Thần".

Tìm ra mối liên hệ giữa các sự kiện, dấu mốc lịch sử với số phận của muối.

Lợn xuất hiện muộn hơn, vào khoảng năm 7 000 trước Công nguyên, do việc chăn nuôi lợn không đơn giản chỉ là chăn thả trên các bãi cỏ, hơn nữa, phải mất kha khá thời gian để con người nhận ra lợi ích của việc tốn thêm một phần thức ăn để chăn nuôi động vật. Mãi cho đến khoảng năm 6 000 trước Công nguyên, ở Thổ Nhĩ Kỳ hoặc vùng bán đảo Ban-căng (Balkan), con người cuối cùng cũng thành công trong việc thuần hoá những con bò rừng châu Âu vừa to lớn, vừa nhanh nhẹn lại vừa khoẻ mạnh. Bằng việc kiểm soát chế độ ăn uống, thiến những con đực và nuôi nhốt con vật trong không gian chật hẹp, người ta đã biến những con bò rừng hoang dã trở thành gia súc. Gia súc trở thành nguồn thức ăn chính, tiêu thụ một lượng lớn ngũ cốc và muối. Bò rừng châu Âu, nhanh nhẹn và hung dữ, đã bị săn bắn đến mức tuyệt chủng vào giữa thế kỉ XVII.

Khi chế độ ăn của con người chủ yếu bao gồm ngũ cốc và rau quả, được bổ sung thêm thịt động vật từ những trang trại chăn nuôi gia súc, việc buôn bán muối trở thành một nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống, mang lại ý nghĩa tượng trưng vô cùng trọng đại và giá trị kinh tế to lớn. Muối trở thành một trong những mặt hàng thương mại quốc tế đầu tiên, sản xuất muối trở thành một trong những ngành công nghiệp đầu tiên, và dĩ nhiên ngành độc quyền nhà nước đầu tiên.

Tìm câu chủ đề của đoạn văn.

Công cuộc tìm kiếm muối đã tạo ra đề bài hóc búa thách thức các kĩ sư trong nhiều thiên niên kỉ, để rồi chế tạo ra những cỗ máy kì quặc nhất, cũng như những cỗ máy tinh xảo và khéo léo nhất. Nhiều công trình công cộng vĩ đại từng được tạo ra do nhu cầu về vận tải muối thúc đẩy. Muối đã đi đầu trong sự phát triển về cả hoá học lẫn địa chất học. Những tuyến đường trọng yếu được lập nên luôn dành cho mục đích thương mại trao đổi hàng hoá, từ đó hình thành nên các liên minh, nhu cầu bảo vệ đế chế, đồng thời dẫn đến những cuộc khởi nghĩa nổi dậy – tất cả

đều chỉ vì một thứ vật chất tồn tại đầy trong các đại dương, nổi bong bóng trong các con suối, lắng cặn dưới lòng hồ, hoặc là một thành phần lớn trong tầng khoáng vật gần với bề mặt vỏ Trái Đất.

Chú ý giọng điệu, thái độ của tác giả.

Hầu như không có nơi nào trên Trái Đất là không có muối. Nhưng trước khi được địa chất học hiện đại tiết lộ, trong suốt chiều dài lịch sử loài người cho đến thế kỉ XX, muối được săn lùng, mua bán và tranh giành gắt gao. Trong hàng thiên niên kỉ, muối là biểu tượng của sự giàu có. Những lái buôn muối vùng Ca-ri-bê (Caribe) dự trữ muối dưới tầng hầm trong nhà. Người Trung Quốc, người La Mã, người Pháp, Vê-nê-xi-a (Venezia), Háp-xbớt (Habsburg), và vô vàn hệ thống chính quyền khác đã đánh thuế muối để lấy tiền phục vụ cho chiến tranh. Đôi khi, binh lính và dân lao động được trả lương bằng muối. Thậm chí, muối còn thường được dùng như một đơn vị tiền tệ.

Tìm các từ khoá và câu chủ đề của đoạn văn.

Trong chuyên luận năm 1776 về chủ nghĩa tư bản có tên *The Wealth of Nations* (đã xuất bản ở Việt Nam với tên *Của cải của các dân tộc*), A-đam Xmít (Adam Smith) đã chỉ ra rằng hầu hết tất cả những gì có giá trị đều có thể sử dụng làm tiền tệ, ví dụ thuốc lá, đường, cá tuyết khô, gia súc. Ông viết: "Muối được cho là một công cụ thương mại và giao dịch phổ biến ở A-bi-xi-ni-a (Abyssinia)". Nhưng ông đưa ra ý kiến rằng loại tiền tệ tốt nhất nên được chế tạo bằng kim loại do đặc tính bền vững về mặt vật lí, dù giá trị chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn giống như nhiều loại hàng hoá khác.

Ngày nay, sự thèm khát, tranh giành, tích trữ, đánh thuế và tìm kiếm muối của con người suốt hàng ngàn năm qua đã trở thành một điều xa vời và có phần ngớ ngẩn. Các nhà lãnh đạo Anh của thế kỉ XVII quan ngại về sự phụ thuộc đáng lo ngại của quốc gia vào muối biển Pháp có vẻ nực cười hơn các vị lãnh đạo ngày nay lo lắng về sự phụ thuộc vào dầu từ nước ngoài. Ở bất cứ thời đại nào, con người đều tin rằng chỉ có những thứ họ cho là có giá trị mới có giá trị thực sự.

Chú ý những chi tiết thể hiện lập trường, quan điểm của tác giả.

Khao khát tình yêu và khao khát làm giàu luôn là hai đề tài hấp dẫn nhất đối với con người. Tuy nhiên, trong khi đề tài tình yêu vẫn bền vững theo năm tháng, thì những câu chuyện về truy cầu tiền tài vật chất, đến một lúc nào đó, đều trở thành nỗi ám ảnh theo đuổi một ảo ảnh không có thực.

(Mác Kơ-len-xki, *Đời muối: Lịch sử thế giới*, Hoàng Ly dịch, NXB Dân trí – Công ti cổ phần văn hoá Huy Hoàng, Hà Nội, 2022, tr. 21 – 24)

Mác Kơ-len-xki sinh năm 1948, là nhà báo và nhà văn người Mỹ. Ông là tác giả của nhiều cuốn sách bán chạy như: *Khi loài cá biến mất* (1997), *Đời muối: Lịch sử thế giới* (2002), *Giấy: Lật giở từng trang sử* (2016), *Cá hồi và trái đất: Lịch sử của một số phận bình thường* (2020),... Thông qua việc khảo sát lịch sử những vật dụng thường nhật hay các mặt hàng quan trọng, phổ biến, các cuốn sách của ông mang lại một góc nhìn thú vị và mới mẻ về lịch sử loài người.

Văn bản trên được trích trong cuốn ***Đời muối: Lịch sử thế giới***, cuốn sách khám phá hành trình của muối trong lịch sử nhân loại.

1. Tiến trình lịch sử nhân loại đã được tác giả tóm lược như thế nào? Trong tiến trình lịch sử đó, theo tác giả, muối đóng vai trò gì?
2. Dữ liệu được tác giả sử dụng là dữ liệu sơ cấp hay thứ cấp? Bạn cảm nhận như thế nào về mức độ chính xác, đáng tin cậy của dữ liệu?
3. Phân tích và đánh giá cách trình bày dữ liệu của tác giả trong văn bản.
4. Góc nhìn và quan điểm của tác giả về lịch sử có gì độc đáo?
5. Theo bạn, tác giả muốn gửi thông điệp gì qua văn bản?
6. Nếu cần một nhan đề khác cho văn bản, bạn sẽ đặt nhan đề gì?

Kết nối đọc – viết

Thời nay, nhân loại không còn xung đột với nhau vì tranh giành muối, nhưng vẫn còn rất nhiều cuộc chiến tranh và xung đột xảy ra nhằm tranh giành kim cương, dầu mỏ, đất hiếm, nguồn nước,... Bạn nghĩ gì về vấn đề này? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn.

Thực hành tiếng Việt

Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

1. Tìm trong văn học Việt Nam thời trung đại một số trường hợp mượn ý tưởng hoặc mượn nguyên câu chữ từ một tác phẩm khác.

2. Đọc đoạn văn dưới đây và xác định các dấu hiệu cho thấy người viết có ý thức tuân thủ quy định về trích dẫn:

Đánh giá về nhà văn Nguyễn Tuân, nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Mạnh viết: "Ông không hoàn toàn thoát li thực tại, nhưng nhìn thực tại ông chỉ thấy vẻ đẹp,

Một số quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

- Có sự khác biệt đáng kể trong cách nhìn nhận về vấn đề sử dụng ý tưởng, câu chữ của người đi trước ở những bối cảnh lịch sử và văn hoá khác nhau. Trên thế giới, trước khi văn học hiện đại được hình thành, việc người viết đưa một ý văn, ý thơ, cách diễn đạt nào đó của một tác phẩm văn học khác vào sáng tác của

chất thơ thuộc về những cái của ngày xưa còn vương sót lại. [...] *Hồi ấy, đối với những cái hiện tại ông thường chỉ dành cho những lời khinh bạc. Nhưng đối với những cái của ngày xưa, giọng văn của ông bao giờ cũng đôn hậu.*".

(Bài làm của học sinh)

3. Hãy viết lại các đoạn văn dùng cách dẫn trực tiếp dưới đây thành đoạn văn dùng cách dẫn gián tiếp, mang tính chất tóm lược.

a. *Trong "Yêu và đồng cảm" của Phong Tử Khải có đoạn viết: "Nói cách khác, con người ta vốn là nghệ thuật, vốn giàu lòng đồng cảm. Chỉ vì lớn lên bị cách nghĩ của người đời dồn ép, nên tấm lòng ấy mới bị cản trở hoặc hao mòn. Chỉ có kẻ thông minh mới không khuất phục, dù bên ngoài chịu đủ thứ áp bức thì bên trong vẫn giữ được lòng đồng cảm đáng quý nọ. Những người ấy chính là nghệ sĩ.*". (Phong Tử Khải, *Yêu và đồng cảm*, in trong *Ngữ văn 10*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2022, tr. 80)

b. *A. Anh-xtanh (A. Einstein) quan niệm: "Chỉ cá thể đơn lẻ mới có thể tư duy và qua đó, tạo ra những giá trị mới cho xã hội, vâng, thậm chí đề ra những quy phạm đạo đức mới để đời sống cộng đồng hướng theo. Nếu không có những cá thể sáng tạo, suy nghĩ và phán xét độc lập, thì sự phát triển lên cao của xã hội là khó tưởng tượng; cũng như vậy, một cá thể đơn lẻ sẽ không thể phát triển nếu thiếu mảnh đất dinh dưỡng của cộng đồng.*". (A. Anh-xtanh, *Cộng đồng và cá thể*, in trong *Ngữ văn 11*, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2023, tr. 108)

4. Nêu quan điểm của bạn về vấn đề đạo văn. Tự nhận xét về việc bản thân sử dụng ý tưởng của người khác khi thực hiện các bài viết trong quá trình học tập.

mình được chấp nhận rộng rãi. Điều này nhiều khi được coi là dấu hiệu của sự học rộng, biết nhiều.

Ngày nay, tất cả những gì được kế thừa của người khác, từ ý tưởng, thông tin đến những cách diễn đạt đặc thù, có tính cá biệt, đều phải được dẫn nguồn, nếu không sẽ bị coi là đạo văn. Như vậy, "đạo văn" là một khái niệm có nội hàm biến động theo thời gian.

Tuy nhiên, có những tri thức phổ quát, được mặc định là tài sản chung của cộng đồng hay nhân loại thì khi dùng không cần chú nguồn, ví dụ: *Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời; Văn học là nghệ thuật của ngôn từ; Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người;...*

- Khi trích dẫn trực tiếp, cần dẫn đúng nguyên văn kể cả khi có những ý tưởng, thông tin, cách diễn đạt trong văn bản gốc bị coi là sai. Người viết có thể dùng cước chú để thuyết minh về ý tưởng, thông tin, cách diễn đạt bị coi là sai đó hoặc dùng kí hiệu [sic], một từ trong tiếng La-tinh có nghĩa là "nguyên văn như vậy". Nếu có phần nào bị cắt thì cần đánh dấu phần đó bằng kí hiệu [...].
- Ngoài trích dẫn trong phần chính của văn bản, việc sử dụng kết quả lao động sáng tạo của người khác có thể được thể hiện qua cước chú. Với một số kiểu văn bản như báo cáo nghiên cứu, bài đăng ở tạp chí chuyên ngành, luận văn, luận án, sách chuyên khảo,... còn có phần *Tài liệu tham khảo*, thường được đặt sau văn bản, liệt kê các công trình mà người viết tham khảo với đầy đủ thông tin về tác giả, tên công trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản.

VIẾT

Viết thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm

Trong cuộc sống hằng ngày, có nhiều lí do khiến chúng ta phải viết thư. Việc viết thư thường xuất phát từ những lí do riêng tư như để bày tỏ tình cảm, cảm xúc với người thân, bạn bè,... Khi đó, thư được coi thuộc về đời sống cá nhân. Nhưng cũng có nhiều trường hợp, chúng ta viết thư để giải quyết công việc hoặc trao đổi suy nghĩ về một vấn đề được nhiều người quan tâm. Thư hướng tới mục đích đó có thể được chia sẻ rộng rãi. Trong bài học này, bạn sẽ thực hành viết một bức thư ở dạng cần được công bố.

Yêu cầu

- Xác định rõ đối tượng nhận thư (cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức).
- Thể hiện rõ mục đích viết thư và vấn đề chính được trình bày, trao đổi, bàn luận trong thư.
- Trình bày tường minh, mạch lạc các thông tin (nếu mục đích chủ yếu là cung cấp thông tin) hoặc triển khai các nội dung phù hợp để khẳng định một quan niệm hay sự cần thiết phải tiến hành công việc hay hoạt động (nếu mục đích chủ yếu là thuyết phục).
- Sử dụng ngôn ngữ (gồm cả từ ngữ xưng hô) phù hợp với mục đích viết thư và người nhận.
- Sử dụng yếu tố bổ trợ để đạt được mục đích viết một cách hiệu quả.

Bài viết tham khảo

Phri-đéc–Mi-xtếch (Frýdek–Místek),
ngày 22 tháng 02 năm 2009

Địa điểm và thời gian viết thư.

Ma-két-ta (Markéta) yêu quý!

Người nhận thư.

Em có khoẻ không? Việc học hành năm nay ra sao rồi? Kể cho chị nghe về Luân Đôn đi chứ. Lâu lắm rồi em không về Phri-đéc thăm nhà. Cả nhà luôn mong gặp lại em đấy. Chị biết em đang dở kì thi (chắc là thế)

Mở đầu thư bằng cách thăm hỏi sức khoẻ, công việc.

nhưng vẫn hi vọng khi thi xong em sẽ về thăm nhà dù chỉ trong ít ngày và rồi sẽ phải quay trở lại bằng máy bay (chị không thể nào quen được với việc em đang sống ở một nơi rất xa xôi). Đã lâu lắm rồi chị không viết thư cho em nhưng hôm nay, với tư cách là người chị, chị quyết định "sửa chữa khuyết điểm". Chị đã đúc kết được một kinh nghiệm vô cùng thú vị đó là "trông người mà nghĩ đến ta". Và ngay bây giờ chị sẽ giải thích cho em hiểu nhé.

Dẫn dắt vào vấn đề cần trao đổi.

Sự việc diễn ra vào thứ Ba tuần trước. Hôm ấy đang lên cơn ghiền sô cô la thì tình cờ tìm thấy thanh kẹo em cho chị cách đó ít lâu. Thanh sô cô la đó cũng chẳng có gì đặc biệt ngoại trừ nó không được sản xuất tại Cộng hoà Séc. Chính em cũng đã có lần quả quyết rằng, thanh kẹo này chẳng có gì đặc biệt đâu và thậm chí, em còn kể cho chị nghe đôi điều về nó nữa. Và rồi theo thói quen, chị vẫn lắng nghe em diễn thuyết say sưa nhưng rất tiếc, hôm đó vì cho rằng, điều em kể chẳng có gì thú vị cả nên chị không hề chú ý. Vì thế lần ấy chị có nhập tâm được chút gì đâu cơ chứ. Đến khi nhìn vào lớp giấy bọc chị mới nhận ra trên đó chứa đầy đủ thông tin. Chị ngạc nhiên khi đọc được dòng chữ bằng tiếng Anh: "Mua sản phẩm thương mại tự do – một nghĩa cử cao đẹp!". Chị đoán có chút gì đó kì bí ẩn sau khẩu hiệu quảng cáo trên thanh sô cô la này. Nhưng chị chẳng phát hiện ra điều gì ngoài những thông tin về sản phẩm như thành phần và nguồn gốc xuất xứ là Dăm-bi-a (Zambia). Sau đó vì sốt sắng tìm hiểu thông tin đến nỗi quên cả cơn ghiền sô cô la nên chị đặt thanh kẹo sang một bên rồi vào internet tra cứu để giải toả cơn hiếu kì.

Kể câu chuyện có liên quan đến vấn đề trao đổi.

Điều ngạc nhiên nhất đó là chị đã tìm thấy chủ đề cần tra cứu ngay trên một trang web bằng tiếng Séc được dịch từ tiếng Anh cho nên nó giúp chị dễ hiểu hơn. Chị bắt đầu đọc và ngay lập tức biết được bao điều vô cùng bổ ích. Thanh sô cô la chị vừa định ăn kia hoá ra lại là một thanh kẹo không hề bình thường. Người làm ra thanh kẹo sô cô la ở Dăm-bi-a đã nhận được khoản tiền lương đủ để giúp chính anh ta và gia đình có được cuộc sống khấm khá. Điều đó cũng chẳng có gì lạ nhưng sau đó chị còn đọc được rằng, có rất nhiều người trên toàn châu Phi, gồm cả trẻ em, phải làm việc trong những điều kiện vô cùng tồi tệ và tiền lương rất thấp. Hầu như không một ai kiếm được đồng lương kha khá cả. Thực tế này càng cuốn hút trí tò mò của chị và rồi chị cũng vui lên khi được biết đã có những tổ chức quan tâm tới những người như vậy. Họ mua toàn bộ số sản phẩm những người này làm ra rồi đem bán sang châu Âu với giá thành cao hơn để đảm bảo cho người lao động có được

Tìm hiểu vấn đề được gợi ra từ câu chuyện: tình trạng bất công đối với nhiều người lao động ở châu Phi.

thu nhập thích đáng so với công sức lao động cực nhọc mà họ đã bỏ ra. Chị đã cố hình dung ra cuộc sống của những người lao động khổ cực đó. Họ phải lao động vất vả suốt cả ngày nhưng tiền lương nhận được quá ít ỏi khiến họ luôn bị đói. Chị không thể tưởng tượng được những con người đó phải chịu cơ cực đến nhường nào. Rồi sau đó, chị cứ nghĩ mãi về chuyện này và nhủ thầm rằng, phần lớn những người sống trong đất nước chúng ta đều không quý trọng điều kiện làm việc thuận lợi mà họ đang có được.

Nêu bằng chứng cho vấn đề.

Chị còn đọc thêm được câu chuyện khác trên internet kể về một gia đình ở Kê-ni-a (Kenya) sống trong một căn nhà gỗ đã long rời từng mảnh. Người cha và sáu trong số bảy người con phải thường xuyên làm việc. Đứa con út mới lên bảy tuổi. Họ lao động từ sáng cho đến tận đêm và phải vất vả lắm mới kiếm đủ tiền để nuôi ăn cho gia đình. Bọn trẻ đều trong tình trạng suy dinh dưỡng. Gia đình đó lao động trong những đồn điền ca cao và cuộc sống của họ hoàn toàn thay đổi chỉ khi họ gia nhập thị trường thương mại bình đẳng quốc tế. Người chủ mới của họ đã thiết lập những điều kiện làm việc tốt hơn rất nhiều và chính nhờ vậy cuộc sống của gia đình đó đã được cải thiện gấp nhiều lần. Chỉ còn mỗi người cha và người con trai cả phải lao động. Số tiền lương họ nhận được không những giúp họ cải tạo ngôi nhà cũ nát mà còn đủ để trang trải học phí cho bọn trẻ được đến trường. Được sống trong những điều kiện như thế quả là hiếm. Những đứa trẻ ấy có cơ hội để tạo dựng một tương lai tươi sáng hơn.

Đưa ra giải pháp góp phần giải quyết vấn đề đã nêu.

Khẳng định quan điểm của người viết.

Chị chưa biết em có thấy câu chuyện này thú vị hay không nhưng với chị thì có, dù bất luận thế nào. Chị rất vui khi được biết rằng, chính điều kiện làm việc thuận lợi sẽ dẫn đến một cuộc sống vô cùng tốt đẹp. Tuy vậy, chị vẫn buồn vì nhận ra rằng, rất ít người có được cơ hội ấy. Chị nghĩ, ở châu Âu điều kiện lao động không có gì đáng chê trách, song như ở châu Phi chẳng hạn, một thực tế hiển nhiên rằng, những điều kiện làm việc tốt sẽ đem lại cho cuộc sống của con người một ý nghĩa hoàn toàn mới.

Chia sẻ tình cảm, cảm xúc.

Cảm ơn em vì đã mua cho chị thanh sô cô la đó. Đó đúng là một thanh kẹo đặc biệt. Chị đã học được bao điều thú vị từ thanh kẹo này. Chị rất vui khi biết rằng trên trái đất này đã có biết bao người luôn giúp đỡ những người khác nhờ hình thức kinh doanh chân chính.

Thuyết phục người nhận thư đồng tình với quan điểm của mình.

Chính cách đó đã giúp điều kiện sống của nhiều người được cải thiện. Và cũng hoàn toàn chính xác rằng, chất lượng cuộc sống của con người sẽ tốt hơn nếu điều kiện làm việc của họ được cải thiện.

Chị biết chắc rằng, em hiểu rõ những gì chị muốn giãi bày qua lá thư này, nếu không thì tại sao em lại mua cho chị thanh sô cô la đó? Tuy vậy, chị cảm thấy mình cần phải kể với một ai đó câu chuyện này và em đã hoàn toàn có lí.

Mong sớm gặp lại em. Gọi điện cho chị khi nào rảnh dù chỉ là chốc lát em nhé!

Chị

Đô-mi-ni-ca (Dominika)

Người viết thư.

(Các bức thư hay nhất thế giới – Kỉ niệm 50 năm cuộc thi viết thư quốc tế UPU (1971 – 2021), NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2022, tr. 126 – 128)

1. Giữa người viết thư và người nhận thư có mối quan hệ gì? Quan hệ đó thể hiện như thế nào qua ngôn ngữ được dùng trong thư? Người nhận thư có đặc điểm gì?
2. Bức thư này được viết nhằm mục đích gì? Thư trao đổi, bàn luận về vấn đề gì?
3. Phần mở đầu thư có gì đáng chú ý? Nội dung tiếp theo của bức thư triển khai theo trình tự nào? Trình tự đó có liên quan như thế nào với mục đích viết thư?
4. Người viết dùng những yếu tố bổ trợ nào để thuyết phục người đọc về vấn đề được bàn đến trong thư?
5. Qua bức thư tham khảo, bạn rút ra được kinh nghiệm gì khi viết thư?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

Trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm là mục đích chung của văn bản thư mà bạn sẽ thực hành viết. Do mục đích cụ thể đa dạng nên đề tài viết cũng phong phú. Bạn có thể viết thư gửi người thân hoặc bạn bè để trao đổi, mong người nhận đồng tình với mình về một vấn đề nào đó trong công việc, cuộc sống; gửi một nhà thơ, nhà văn chia sẻ điều bạn nghĩ về sáng tác của họ hoặc về một vấn đề văn học. Bạn cũng có thể viết thư gửi đến một công ti để xin tài trợ trang thiết bị học tập cho học sinh vùng khó khăn hoặc đến một cơ quan chức năng để kiến nghị một việc có liên quan đến đời sống của cộng đồng.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Tuỳ vào mục đích viết cụ thể mà bạn có thể đặt ra những câu hỏi khác nhau để tìm ý. Tuy nhiên, dựa trên yêu cầu của kiểu bài, có thể hình dung một số gợi ý áp dụng cho nhiều bức thư khác nhau.

– Người nhận thư là ai và có quan hệ như thế nào với người viết thư? Người nhận thư có những đặc điểm gì?

Thư có đối tượng tiếp nhận cụ thể; đó có thể là cá nhân (người thân, bạn bè, nhà thơ, nhà văn,...) với những đặc điểm riêng biệt về tuổi tác, giới tính, trình độ học vấn, vốn sống, tâm lí, niềm tin, giá trị sống, vị thế, quan hệ với người viết,...; hoặc đại diện của một cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động liên quan đến công việc hay vấn đề cần trao đổi. Trong bức thư tham khảo, người viết thư và người nhận thư có mối quan hệ gia đình, thân thuộc (chị – em). Qua các chi tiết được tác giả bức thư kể lại, có thể thấy người nhận thư cũng là người có ý thức về nguồn gốc của một sản phẩm và vấn đề đời sống của người lao động trực tiếp làm ra sản phẩm đó.

– Thư trao đổi công việc hay vấn đề gì và nhằm mục đích gì?

Nội dung thư và mục đích viết có liên quan mật thiết với nhau. Trong bức thư tham khảo, tất cả các nội dung được người viết kể ra đều hướng đến việc mong người nhận chia sẻ, đồng cảm với quan điểm của mình về sự cần thiết phải khuyến khích những hình thức kinh doanh chân chính để giúp người lao động trực tiếp làm ra sản phẩm được nâng cao thu nhập và cải thiện cuộc sống.

– Nội dung của bức thư triển khai theo trình tự nào? Trình tự đó có liên quan như thế nào với mục đích viết thư?

Thư có bố cục rất linh hoạt, đặc biệt có thể thay đổi rất nhiều tuỳ thuộc vào tính chất của nó. Nếu có tính chất thân mật thì thư có thể bắt đầu bằng những lời thăm hỏi. Nếu có tính chất trang trọng thì thư thường bắt đầu ngay vào nội dung công việc hay vấn đề cần trao đổi.

– Để phục vụ cho mục đích chủ yếu, người viết dùng những yếu tố bổ trợ nào?

Dù mục đích viết thư là gì thì bạn cũng cần chú ý sử dụng các yếu tố bổ trợ một cách hiệu quả.

Lập dàn ý

Từ những ý tìm được ở trên, bạn sắp xếp thành một dàn ý hợp lí. Bố cục của văn bản thư không thành khuôn mẫu, nhất là một bức thư có tính chất thân mật nhưng vẫn thường có ba phần: *Mở bài, Thân bài, Kết bài.*

Mở bài: Nêu được công việc hay vấn đề cần trao đổi. Với một văn bản thư không đòi hỏi tính chất nghi thức, có thể bắt đầu bằng một vài ý thăm hỏi thân tình.

Thân bài:

– Triển khai các nội dung phù hợp với mục đích viết thư.

– Sử dụng các yếu tố bổ trợ tuỳ thuộc vào tính chất của bức thư: thân mật hay trang trọng.

Kết bài: Nêu lại công việc hoặc vấn đề cần trao đổi dưới hình thức tóm tắt và thể hiện mong muốn được người nhận thư chia sẻ, đồng tình, ủng hộ.

Viết

Ngôn ngữ sử dụng trong thư phụ thuộc nhiều vào mục đích viết thư và mối quan hệ giữa người gửi và người nhận. Vì vậy, cần xem xét các yếu tố đó một cách thoả đáng để có ngôn ngữ phù hợp.

Dù viết thư cho một đối tượng gần gũi hay chưa quen biết, nhằm trao đổi về công việc hay một vấn đề đáng quan tâm thì văn bản thư cũng cần thể hiện tâm huyết, sự chân thành và những suy nghĩ có chiều sâu của người viết.

Tuỳ vào hình thức thư được lựa chọn (thư thông thường hay thư điện tử) mà thông tin ở đầu thư và cuối thư được trình bày theo đúng thể thức chung.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đọc lại bức thư, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để chỉnh sửa, hoàn thiện. Cụ thể:

– Rà soát bố cục và nội dung; đảm bảo mỗi phần của bức thư đều được triển khai đáp ứng yêu cầu nêu trong dàn ý.

– Xem xét phong cách ngôn ngữ của văn bản, đặc biệt là cách sử dụng từ xưng hô, để đảm bảo tính thân mật hay trang trọng nhất quán với mục đích viết và quan hệ giữa người viết với người nhận.

– Rà soát lỗi chính tả, dùng từ ngữ, đặt câu; lỗi về mạch lạc và liên kết trong mỗi đoạn văn và giữa các đoạn văn.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NÓI VÀ NGHE

Tranh biện về một vấn đề đời sống

Yêu cầu

- Nêu được rõ ràng quan điểm (tán thành hay phản đối) về vấn đề tranh biện.
- Đưa ra được các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để bảo vệ quan điểm của nhóm mình, phản bác quan điểm của nhóm đối lập.
- Thể hiện được sự tương tác tích cực trong quá trình tranh biện; biết lắng nghe và tôn trọng người tranh biện với mình.
- Có cử chỉ, điệu bộ và ngữ điệu linh hoạt, phù hợp; biết sử dụng hiệu quả phương tiện phi ngôn ngữ để tăng thêm tính thuyết phục.

Chuẩn bị tranh biện

Lựa chọn đề tài

Để có thể trở thành đề tài của một cuộc tranh biện, vấn đề đưa ra cần tạo được các luồng ý kiến trái ngược và tương đối cân bằng với nhau, tức mỗi bên đều có những lí lẽ mạnh mẽ để bảo vệ cho quan điểm của mình. Ngoài ra, vấn đề tranh biện cần có phạm vi phù hợp, không quá rộng hay quá hẹp; có tính thời sự, thiết thực với đời sống, đáp ứng được sự quan tâm, chờ đợi của những người tham gia để cuộc tranh biện trở nên có ý nghĩa, gây được hứng thú. Vấn đề tranh biện thường được phát biểu dưới hình thức một ý kiến, một nhận định; những người tham gia sẽ thể hiện quan điểm tán thành hoặc phản đối. Ví dụ:

– Cần cấm ô tô đi vào trung tâm thành phố.

– Nên chọn nghề theo nhu cầu của thị trường lao động.

– Cần phát triển hình thức học và làm việc trực tuyến để thay thế dần hình thức học và làm việc truyền thống.

– Giáo dục ở Việt Nam cần chú trọng định hướng giáo dục khai phóng.

Lập đội tham gia tranh biện

Một cuộc tranh biện thường có sự tham gia của hai đội, thể hiện quan điểm trái ngược nhau. Mỗi đội có thể có 2 – 3 thành viên. Ngoài ra, cần có người điều hành và khán giả theo dõi, đánh giá, bình chọn. Mỗi người có thể tham gia vào đội tranh biện bảo vệ cho quan điểm mà mình tán thành hoặc vào đội tranh biện bảo vệ cho quan điểm mà thực ra mình muốn phản đối. Sự linh hoạt trong việc lựa chọn đội tranh biện giúp những người tham gia có điều kiện hiểu rõ và khai thác điểm mạnh cũng như điểm yếu của mỗi quan điểm để phát triển hiệu quả kĩ năng phản biện.

Nghiên cứu vấn đề đã chọn và chuẩn bị ý kiến tranh biện

Để chuẩn bị nội dung cho cuộc tranh biện, người tham gia cần chú ý:

– Tìm hiểu kĩ về vấn đề tranh biện, xem xét vấn đề từ nhiều góc độ để nhận ra khả năng có những quan điểm khác biệt, đối lập.

– Dự kiến những lí lẽ có thể bị phản bác để suy nghĩ cách bảo vệ.

– Phân biệt ba loại lập luận để chuẩn bị và vận dụng hiệu quả trong quá trình tranh biện: Lập luận để chứng minh quan điểm của đội mình là đúng đắn; Lập luận để chứng minh quan điểm của phía đối lập là sai trái; Lập luận để bảo vệ quan điểm của đội mình trước ý kiến phản biện của đối phương.

Tìm hiểu quy tắc tranh biện

– Tranh biện là hình thức giao tiếp nhằm phân định sự đúng – sai, thuyết phục – không thuyết phục của các quan điểm. Tuy vậy, một cuộc tranh biện cần được diễn ra trên tinh thần bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Muốn vậy, các bên tham gia tranh biện cần tuân thủ một số quy tắc (xem *Tìm hiểu quy tắc tranh biện* trong Bài 8 – *Cấu trúc của văn bản thông tin*, sách giáo khoa *Ngữ văn 11*, tập hai, tr. 87).

– Chú ý dùng cử chỉ phù hợp khi tranh biện. Trong quá trình tranh biện, có thể có những ý kiến phản biện gai góc, mỗi người cần điềm tĩnh, kiểm soát được thái độ và ngữ điệu nói.

Thực hành tranh biện

– Mở đầu cuộc tranh biện, người điều hành nêu vấn đề, giới thiệu thành phần tham gia, nêu rõ mục đích, quy tắc tranh biện và có trách nhiệm đảm bảo cuộc tranh biện diễn ra theo đúng quy định. Các đội tham gia tranh biện theo tiến trình như đã được thực hành ở Bài 8, sách giáo khoa *Ngữ văn 11*, tập hai, tr. 87.

– Mỗi đội tham gia tranh biện có quyền khiếu nại với người điều hành nếu thấy đội kia vi phạm quy tắc tranh biện. Tuy vậy, các bên tham gia cần thể hiện thái độ cầu thị và có thể điều chỉnh ý kiến nếu thấy cần thiết.

– Sau khi hai phía hoàn thành phần tranh biện, cử toạ có thể đặt một số câu hỏi cho các đội tham gia.

– Phần kết thúc cuộc tranh biện, người điều hành tóm tắt các luận điểm chính về vấn đề tranh biện của phía tán thành và phía phản đối; tổ chức lấy ý kiến đánh giá, bình chọn của khán giả về các đội tranh biện, có thể có một đội được chỉ định làm "trọng tài".

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. Tổng hợp thông tin về các văn bản đã học trong bài theo gợi ý sau:

Tên văn bản	Tên tác giả	Ý chính	Ý phụ	Chi tiết	Quan điểm, thái độ

2. Tìm đọc các văn bản khác trong hai cuốn sách *Nhiệt đới buồn* của Cờ-lốt Lê-vi–Xtơ-rốt và *Đời muối: Lịch sử thế giới* của Mác Kơ-len-xki. Tóm tắt các thông tin mà bạn đã đọc.

3. Nêu một số trường hợp vi phạm quyền sở hữu trí tuệ mà bạn biết. Bạn rút được kinh nghiệm gì từ những trường hợp đó?

4. Lập dàn ý cho một bức thư dự kiến viết nhằm một trong những mục đích sau:
– Kiến nghị gửi cho hiệu trưởng về tình trạng lãng phí điện trong trường học
– Kiến nghị gửi cho lãnh đạo địa phương về kế hoạch phát triển cây xanh ở nơi bạn sinh sống
– Trao đổi với một người có ảnh hưởng trong xã hội về vấn đề khởi nghiệp trong giới trẻ

5. Tổ chức cuộc tranh biện trong nhóm hoặc trong lớp về một trong các chủ đề gợi ý sau:
– Có nên phát triển du lịch ở những khu vực bảo tồn thiên nhiên hoang dã?
– Học đại học có phải là con đường duy nhất sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông?
– Có nên thay thế các vật liệu tự nhiên bằng các vật liệu nhân tạo?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Tóm tắt các ý chính, ý phụ trong văn bản.
- Chú ý đến quan điểm của tác giả về vai trò của sách đối với lịch sử loài người và những dữ liệu lịch sử được sử dụng để làm sáng tỏ quan điểm đó.
- Tra cứu, giải thích nghĩa của các thuật ngữ được sử dụng trong văn bản.

Sách thay đổi lịch sử loài người

Vũ Đức Liêm[1]

Bản thân mỗi cuốn sách là một vật phẩm văn hoá và sự tiến hoá của chúng là lịch sử thu nhỏ của sự giao lưu giữa các nền văn minh. Đằng sau mỗi cuốn sách không chỉ là một phả hệ tri thức, mà còn là lịch sử kĩ thuật, chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, tư tưởng của một thời đại [...]. Sách có ảnh hưởng lớn tới sự tiến hoá của các xã hội. Chúng không chỉ phản ánh sự thay đổi của kênh biểu đạt tri thức mà còn cho thấy sự thay đổi trong thế giới quan, góc nhìn chính trị, tôn giáo, ý thức hệ,... của các cộng đồng qua các thời đại.

[...] Sách đã góp phần tạo ra châu Âu hiện đại. Từ tri thức, ngôn ngữ, tôn giáo, giáo dục, báo chí, đã ra đời nước Pháp, nước Anh, nước Đức,... hiện đại. Sự thắng thế của phương Tây ở thế kỉ XIX – XX sẽ xác lập một nền văn hoá đọc mới trên toàn thế giới. [...]

Lịch sử của sách thời hiện đại cho thấy những tương tác và ảnh hưởng sâu rộng của sách trên nhiều lĩnh vực. Từ cuối thế kỉ XVIII, văn hoá in ấn bùng nổ kéo theo sự phát triển của sách in, báo, tạp chí, quảng cáo,... [...] In ấn in dấu lên nhiều lĩnh vực, tạo ra sự khuếch đại tri thức ở quy mô chưa từng có trong lịch sử, dẫn tới những vận động mạnh mẽ trong đời sống xã hội. Không phải ngẫu nhiên đi sau cơn bão in ấn ở châu Âu là cách mạng tư sản, chủ nghĩa dân tộc. Không phải ngẫu nhiên theo sau *tân văn, tân thư* cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX là các cuộc chuyển dịch xã hội và cách mạng chính trị sâu rộng ở thế giới Đông Á. [...]

Các cuốn sách như *Của cải của các dân tộc*, *Nguồn gốc các loài*, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*,... không chỉ tạo ra "các diễn ngôn về văn minh, đức tin, trí tuệ, khoa học

[1] Vũ Đức Liêm sinh năm 1986, quê ở tỉnh Thanh Hoá, là tác giả của một số công trình nghiên cứu về lịch sử Việt Nam và Đông Nam Á từ thế kỉ XVI đến nay.

và tiến bộ" của thời đại mà còn tham gia dẫn dắt sự vận hành của xã hội loài người, cách mạng khoa học, kĩ thuật, ý thức hệ, cách mạng văn hoá, tư tưởng, chính trị, xã hội,... Từ ý nghĩa này, sách đã góp phần định hình, thúc đẩy hay níu giữ sự tiến hoá của xã hội. Sự phong phú của thư tịch ở Trung Hoa giai đoạn Sơ kì Cận đại là một ví dụ. Lời mở đầu của một bộ sách thời Minh năm 1599 cho biết: "Sách bây giờ nhiều vô cùng như biển nước, người ta làm sao mà đọc hết được?". Thư tịch và hoạt động sử dụng thư tịch là một trong các yếu tố góp phần định vị vai trò của tầng lớp "sĩ", những người dẫn dắt xã hội. Bên cạnh đó cũng đừng quên vai trò của những người thợ mộc khắc bản in, các xưởng in, thợ sản xuất mực, giấy, thương nhân buôn bán sách, tiệm sách và quán trà nơi sách được bàn luận.

Ở một góc độ khác, sách mê tín, phù thuỷ, cổ vũ chiến tranh tôn giáo, tin giả,... cũng tham gia định hình xã hội loài người. Đó là những cuốn sách gây hỗn loạn. Nhưng quyền năng của sách chưa dừng lại ở đó. Sách không chỉ tạo ra và lan truyền một thế giới tri thức, xác lập hay huỷ hoại trật tự xã hội, mà đôi khi còn là một vật phẩm linh thiêng. Hành động hôn lên cuốn *Kinh Thánh* ở châu Âu được cho là mang đến một quyền năng hay sự bảo trợ như một thứ bùa hộ mệnh. Vì thế, các chiến binh Thiên Chúa giáo hay Hồi giáo đã mang theo các cuốn kinh sách khi ra trận. [...] Đồng thời, ở chiều hướng ngược lại, mỗi xã hội đều sở hữu một lịch sử phức tạp của quá trình kiểm soát: bản quyền, kiểm duyệt và lưu hành cho tới tác phẩm không chính thống (*samizdat literature*). Đó là lịch sử xung đột và bạo lực nhìn từ thư tịch.

Chính nhu cầu quản lí sách sẽ tạo ra một loạt các thiết chế và lĩnh vực khoa học mới. Có thể kể đến sự ra đời của các ngành thư mục học ở châu Âu thời Sơ kì Cận đại. Các thư viện công được chuẩn hoá đã được thành lập trên khắp nước Anh và nước Đức ở thế kỉ XIX. Đó là cơ sở để thế kỉ sau đó, người Thái cải tổ các thư viện hoàng gia "truyền thống" thành một thư viện quốc gia "hiện đại" thành lập năm 1905; và tại Việt Nam xuất hiện Thư viện Trung ương Đông Dương (Bibliothèque centrale de l'Indochine) ra đời năm 1917 dưới sự bảo trợ của người Pháp. [...]

Yếu tố quan trọng tiếp theo của thực hành sách là mối quan hệ giữa sách và độc giả. Điều này phản ánh hoạt động đọc và sự vận động của nó theo sau sự tiến hoá thư tịch. Một trong các cách thức "chẩn đoán" một xã hội là "phẫu thuật" nó từ khía cạnh của hoạt động đọc sách. Ai là người đọc? Họ đọc gì? Đọc để làm gì? Đọc trên phương tiện gì và tác động của việc đọc đó? Trả lời cho những câu này sẽ góp phần định vị trình độ phát triển, bản sắc tri thức của mỗi thời đại. Quá trình tiến hoá của lịch sử đã mang lại cuộc cách mạng thực sự cho văn hoá đọc. Đó là sự gia tăng số lượng độc giả, từ một vài phần trăm thời Cổ Trung đại tới gần như toàn bộ dân số

trưởng thành có khả năng đọc sách ở thời Hiện đại. Khi đó, sách, qua hoạt động đọc, sẽ đóng vai trò trực tiếp trong những chuyển giao của thời đại.

Hành vi đọc cũng sẽ được thay đổi song song với sự thay đổi của không gian đọc, kĩ thuật đọc, thiết bị đọc, mạng lưới độc giả,... Khi số lượng sách trở nên phong phú, phát triển nhiều loại hình thì sự phân hoá của độc giả cũng trở nên sâu sắc hơn bao giờ hết. Khái niệm "thị hiếu đọc" sẽ xuất hiện, thống trị và dẫn dắt việc sản xuất sách – giờ đã trở thành một ngành "công nghiệp" chuyên môn hoá cao độ. Khi Khổng Tử biên soạn *Kinh Xuân Thu*, có lẽ ông không thể tưởng tượng rằng 2 500 năm sau, mọi thứ đã tiến xa đến thế. Sự biến đổi của sách giúp thay đổi niềm tin và hành vi của con người đối với hoạt động đọc. Ngược lại, với kĩ thuật hiện đại, chu trình tuần hoàn của các văn bản trở nên nhanh hơn. Quá trình toàn cầu hoá về sách vở, sách dịch, chuẩn hoá về kĩ thuật, bản quyền và mới nhất là sách điện tử đã tạo ra cuộc cách mạng trong cách thức văn bản được thu nhận, truyền tải, lưu hành, đọc, truy vấn, tìm kiếm và lưu trữ. Và đó mới chỉ là một phần nhỏ của câu chuyện tương lai.

Cuối cùng, sách tạo ra các làn sóng văn hoá, văn minh: từ truyền miệng sang văn hoá chép tay, văn hoá in ấn và văn hoá số, mặc dù sự xuất hiện của cái sau không nhất thiết đồng nghĩa với sự triệt tiêu của cái trước. Trên cơ sở đó, việc nghiên cứu lịch sử sách có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc phác thảo các mẫu hình tiến hoá của nhân loại. Dù lịch sử sách là lĩnh vực nghiên cứu mới mẻ được thúc đẩy từ những năm 80 của thế kỉ XX, bản thân hoạt động này đã có từ hàng nghìn năm trước. Thông qua việc mở rộng phạm vi tìm hiểu của lịch sử thư tịch từ khung cảnh địa lí, kĩ thuật và xã hội, ngành khoa học này gợi mở một góc nhìn mới mẻ, rộng lớn và có tính hệ thống trong lĩnh vực nghiên cứu lịch sử thư tịch trên phạm vi toàn cầu, mở ra những hướng mới cho lĩnh vực nghiên cứu lịch sử xã hội và lịch sử tri thức mà ở đó, sách là một thực hành của loài người.

Sách đã thay đổi lịch sử loài người nhiều hơn chúng ta tưởng, và cuộc hành trình khám phá những thay đổi đó mới chỉ bắt đầu.

(Vũ Đức Liêm, tạp chí *Tia sáng*, ngày 02/7/2021)

Bài 9 VĂN HỌC VÀ CUỘC ĐỜI

Yêu cầu cần đạt

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo của văn bản.
- Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của tác phẩm; phát hiện được giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.
- Có nhận thức đúng về việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt để sử dụng phù hợp với chuẩn ngôn ngữ, góp phần làm cho tiếng nói của dân tộc đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu giao tiếp.
- Viết được bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.
- Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước; nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình.
- Biết sống chủ động, lạc quan và vượt lên mọi nghịch cảnh để khẳng định niềm tin vào cuộc đời.

ĐỌC

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TRI THỨC NGỮ VĂN

Giá trị của tác phẩm văn học

Giá trị nhận thức

Văn học mang lại những tri thức tổng hợp về cuộc sống, mở rộng hiểu biết của người đọc về nhiều lĩnh vực khác nhau: chính trị, lịch sử, địa lí, văn hoá, phong tục,... Đặc biệt, văn học giúp độc giả thấu hiểu thế giới phức tạp của con người cá nhân, từ đó thấu hiểu chính mình.

Ngoài những điều trên, văn học còn có khả năng nhận thức về điều có thể xảy ra hay về một số phương diện phi lí, "bất khả tri" của cuộc sống. Do đó, văn học có thể hỗ trợ người đọc xây dựng được tâm thế sống tích cực, sẵn sàng ứng phó với bao biến cố khó lường ở phía trước.

Giá trị giáo dục

Văn học tác động sâu sắc đến nhân sinh quan của người đọc. Qua việc tạo nên những hình tượng nghệ thuật giàu sức hấp dẫn, văn học giúp con người thể nghiệm, đồng cảm

với những nhân vật, tình huống trong tác phẩm, khơi dậy những cảm xúc tốt đẹp như sự ngưỡng mộ trước cái đẹp, cái cao cả, sự căm phẫn trước cái xấu, cái ác. Bằng cách đánh thức sự tự suy ngẫm, văn học khiến con người tự chuyển hoá, tự hoàn thiện bản thân.

Giá trị thẩm mĩ

Văn học giúp định hướng lí tưởng thẩm mĩ, mài sắc giác quan thẩm mĩ của con người. Nhờ tiếp xúc với ngôn từ và hình tượng giàu tính thẩm mĩ, thể hiện rõ lí tưởng thẩm mĩ của tác giả, người đọc biết rung động trước cái đẹp, biết thẩm định, thưởng thức cái đẹp nghệ thuật và biết phát hiện ra cái đẹp trong cuộc sống.

Giá trị văn hoá

Văn học là một thành tố quan trọng của văn hoá. Thông qua văn học, người đọc hiểu được lời ăn tiếng nói, lối sống, cách nghĩ, truyền thống và phong tục, quan niệm về giá trị,... của một cộng đồng. Văn học vừa góp phần bảo tồn những giá trị văn hoá truyền thống, vừa không ngừng tìm tòi, phát hiện và sáng tạo ra những giá trị văn hoá mới.

Chủ đề, tư tưởng và cảm hứng của tác phẩm văn học

Chủ đề là vấn đề trọng tâm mà tác giả muốn biểu đạt, là tư tưởng quán xuyến trong tác phẩm. Chủ đề thể hiện sự tìm tòi, phát hiện về cuộc sống và chiều sâu tư tưởng, cá tính sáng tạo của nhà văn. Trong các yếu tố chính tạo nên tầm vóc của tác phẩm, chủ đề có một vị trí đặc biệt quan trọng.

Tư tưởng là sự nhận thức, lí giải của nhà văn về đời sống, được bộc lộ qua cách lựa chọn đề tài, tổ chức hình tượng, sử dụng ngôn từ trong tác phẩm,... Tư tưởng được biểu hiện qua hai bình diện: sự lí giải chủ đề và cảm hứng. **Sự lí giải chủ đề** là lập trường, quan điểm mà dựa trên đó nhà văn cắt nghĩa các tình huống, sự kiện, nhân vật,... **Cảm hứng** là cảm xúc mãnh liệt, được dồn nén cao độ, thúc đẩy hành động sáng tạo của nhà văn. Nếu sự lí giải chủ đề làm nên chiều sâu tư tưởng của tác phẩm, thì cảm hứng khơi gợi sự đồng cảm, tác động mạnh mẽ đến cảm xúc của người đọc.

Chủ đề, tư tưởng được coi là lớp nội dung chủ quan của tác phẩm, thể hiện rõ cách tiếp cận, sự suy ngẫm, đánh giá, xúc cảm riêng của mỗi nhà văn về phạm vi và các vấn đề đời sống được đề cập trong tác phẩm.

Giữ gìn và phát triển tiếng Việt

Tiếng Việt nói riêng và tất cả các ngôn ngữ khác trên thế giới nói chung là những thực thể sống động, không ngừng phát triển theo sự phát triển của đời sống xã hội. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, góp phần làm cho tiếng Việt phát triển là trách nhiệm của mỗi người đối với tiếng nói mà cha ông để lại.

Việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt, một mặt, đòi hỏi chúng ta phải tuân thủ các quy ước chung về ngữ âm, chính tả (chữ viết), từ ngữ, ngữ pháp,... vốn được xác lập và phát triển qua một quá trình lịch sử lâu dài; mặt khác, đặt ra yêu cầu sử dụng ngôn ngữ một cách sáng tạo, tạo điều kiện bổ sung các yếu tố mới để tiếng Việt đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu giao tiếp của cộng đồng.

VĂN BẢN 1

Vội vàng

Xuân Diệu

- *Cảm nhận của mỗi cá nhân về thời gian là giống nhau hay khác nhau? Vì sao?*
- *Theo bạn, ý niệm về thời gian có ảnh hưởng như thế nào đến thái độ sống, lí tưởng sống của con người?*

Tặng Vũ Đình Liên

Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất;
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi.

Chú ý các động từ, các biện pháp tu từ.

Của ong bướm này đây tuần tháng mật[1];
Này đây hoa của đồng nội xanh rì;
Này đây lá của cành tơ phơ phất;
Của yến anh này đây khúc tình si;
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi,
Mỗi buổi sớm, thần Vui hằng gõ cửa;
Tháng Giêng ngon như một cặp môi gần;
Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa:
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân[2].

Hình dung về bức tranh cuộc sống được miêu tả.

(1) *Tuần tháng mật*: cũng như *tuần trăng mật*; cụm từ này được dịch từ tiếng Pháp: *la lune de miel*.

(2) *Hoài xuân*: nhớ xuân, tiếc xuân.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.
Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật,
Không cho dài thời trẻ của nhân gian,
Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,
Nếu đến nữa không phải rằng gặp lại![1]
Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi,
Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời;
Mùi tháng, năm đều rớm vị chia phôi,
Khắp sông, núi vẫn than thầm tiễn biệt...
Con gió xinh thì thào trong lá biếc,
Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi?
Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi,
Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa?

Chú ý sự cảm nhận về thời gian của nhân vật trữ tình.

Chẳng bao giờ, ôi! Chẳng bao giờ nữa...

Lắng nghe giọng điệu của nhân vật trữ tình.

Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm,
Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;
– Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!

(Xuân Diệu, *Thơ thơ*, NXB Đời nay, Hà Nội, 1938, tr. 55 – 57)

[1] Từ lần in thứ hai trở đi của tập *Thơ thơ*, câu này được tác giả sửa lại là "Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại!".

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Xuân Diệu (1916 – 1985) tên khai sinh là Ngô Xuân Diệu, quê ở tỉnh Hà Tĩnh. Ông là nhà thơ nổi tiếng của phong trào Thơ mới, có những cách tân táo bạo về mặt nghệ thuật và một giọng thơ sôi nổi, đắm say, tràn đầy tình yêu cuộc sống. Ngoài các tập thơ như *Thơ thơ* (1938), *Gửi hương cho gió* (1945), *Riêng chung* (1960), *Tôi giàu đôi mắt* (1970),... Xuân Diệu còn viết các tập văn xuôi như *Phấn thông vàng* (1939), tiểu luận phê bình, nghiên cứu văn học như *Những bước đường tư tưởng của tôi* (1958), *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam*, hai tập (1981, 1982),... Năm 1996, ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.



Xuân Diệu
Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam

Vội vàng được coi là một tuyên ngôn của Xuân Diệu về cuộc sống. Tác phẩm được in trong *Thơ thơ*, tập thơ đầu tay của Xuân Diệu và cũng là tập thơ thuộc loại tiêu biểu nhất của phong trào Thơ mới.

1. Nêu cảm nhận chung của bạn về nhịp điệu bài thơ.
2. Xuân Diệu được coi là người có nhiều cách tân trong việc sử dụng ngôn từ. Bạn có đồng ý với nhận định này không? Vì sao?
3. Bức tranh thiên nhiên hiện lên như thế nào trong đoạn thơ thứ hai (từ "Của ong bướm này đây tuần tháng mật;" đến "Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa?")? Qua bức tranh đó, bạn nhận ra điều gì về cái nhìn thế giới của tác giả?
4. Qua sự tự bộc lộ của nhân vật trữ tình, hãy phân tích mạch vận động cảm xúc trong bài thơ. Nêu nhận xét khái quát về nhân vật trữ tình.
5. Cảm nhận về thời gian của Xuân Diệu trong bài thơ có gì mới mẻ, độc đáo so với cảm nhận về thời gian trong thơ trữ tình trung đại nói chung?
6. Bài thơ *Vội vàng* thể hiện quan niệm gì của Xuân Diệu về tình yêu và tuổi trẻ? Bạn có đồng ý với quan niệm đó không? Vì sao?
7. Qua đoạn cuối của bài thơ (từ "Ta muốn ôm" đến hết), bạn hiểu thế nào về triết lí sống của cái tôi cá nhân? Nghệ thuật thể hiện triết lí sống đó có điểm gì đặc sắc?

Kết nối đọc – viết

Bài thơ *Vội vàng* của Xuân Diệu đã tác động như thế nào đến nhận thức của bạn về thời gian và tuổi trẻ? Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) để trả lời câu hỏi này.

VĂN BẢN 2

Trở về(*)

(Trích *Ông già và biển cả*(**))

Ơ-nít Hê-minh-uê (Ernest Hemingway)

- *Bạn đã từng đọc một cuốn sách hay xem một bộ phim mà trong đó nhân vật chính phải trải qua một cuộc hành trình tưởng chừng vượt quá sức mình chưa? Chia sẻ cảm nhận của bạn về chặng cuối trong cuộc hành trình đó.*
- *Nhan đề "Trở về" gợi cho bạn những suy nghĩ hay liên tưởng gì?*

"Chẳng còn gì", lão nói lớn. "Ta đã đi quá xa."

Không gian và thời gian khi ông lão trở về bến cảng được miêu tả như thế nào?

Khi lão dong chiếc thuyền cập vào bến nhỏ thì đèn đóm ở Thê-rếch-xơ (Terrace) đã tắt và lão biết mọi người đã đi ngủ. Gió càng ngày càng to và bây giờ đang thổi mạnh. Dù vậy bến cảng rất yên tĩnh và lão đưa thuyền lên trên một bãi cuội nhỏ bên dưới ghềnh đá. Không có ai giúp cả nên lão đã kéo thuyền lên đến mức xa nhất có thể. Rồi lão bước ra và buộc thuyền vào một tảng đá.

Lão tháo cột buồm, cuộn và buộc cánh buồm lại. Rồi lão vác cột buồm lên vai và bắt đầu trèo lên. Đó là lúc lão biết mình đã mệt đến chừng nào. Lão dừng lại một chốc và ngoảnh lại và nhìn thấy cái đuôi khổng lồ của con cá đang dựng thẳng sau đuôi thuyền trong ánh sáng phản chiếu từ đèn đường. Lão nhìn thấy đường nét trần trụi màu trắng của xương sống và khối sẫm màu của cái đầu với lưỡi kiếm nhô ra cùng tất cả sự trống rỗng ở khoảng giữa.

Lão lại bắt đầu leo lên dốc rồi trên đỉnh dốc lão ngã xuống và nằm một lát với cột buồm vắt qua vai. Lão cố ngồi dậy. Nhưng điều đó là quá khó và lão ngồi đó với cột buồm trên vai và nhìn ra đường. Một con mèo đi ngang qua đường phía xa để làm cái gì đó và lão già ngắm nhìn nó. Rồi lão chỉ ngắm nhìn con đường mà thôi.

(*) Nhan đề văn bản do người biên soạn sách giáo khoa đặt.
(**) Nhan đề tiếng Anh là *The Old Man and the Sea*.

Cuối cùng lão đặt cột buồm xuống và đứng dậy. Lão nhấc cột buồm đặt lên vai và bắt đầu bước đi. Lão đã phải ngồi xuống nghỉ năm lần trước khi đến được lán của mình.

Vào trong lán, lão dựa cột buồm vào tường. Trong bóng tối lão tìm thấy một chai nước và uống một ngụm. Rồi lão nằm xuống giường. Lão kéo chăn trùm lên đôi vai rồi phủ lên lưng, chân và lão nằm sấp mặt lên đống báo mà ngủ với hai cánh tay duỗi thẳng và lòng bàn tay ngửa lên.

Chú ý tư thế nằm ngủ của nhân vật – một tư thế gợi liên tưởng đến hình ảnh Chúa Giê-su (Jesus) trên cây thập giá.

Lão vẫn đang ngủ khi thằng bé ngó qua cửa vào buổi sáng. Gió thổi mạnh đến nỗi những chiếc thuyền trôi nổi không ra khơi được và thằng bé đã ngủ dậy muộn và đi đến lán của lão như nó vẫn đến mỗi sáng. Thằng bé nhìn thấy ông lão đang thở và rồi nó nhìn thấy hai bàn tay của lão và nó bắt đầu khóc. Nó lặng lẽ đi ra ngoài để lấy chút cà phê và nó cứ khóc suốt cả dọc đường.

Nhiều ngư dân vây quanh chiếc thuyền để xem thứ đang buộc vào mạn thuyền và một ngư dân lội xuống nước, ống quần xắn lên, dùng một sợi dây đo chiều dài bộ xương.

Thằng bé không đi xuống đó. Nó đã đến đó rồi và một trong những ngư dân đang trông chiếc thuyền cho nó. "Ông lão thế nào rồi?", một người hét lên. "Đang ngủ", thằng bé đáp. Nó không để tâm đến chuyện họ nhìn thấy nó khóc. "Đừng để ai làm phiền ông ấy". "Nó dài mười tám feet[1] từ mũi đến đuôi", người đang đo bộ xương kêu lên.

"Cháu tin là thế", thằng bé nói.

Nó đi đến Thê-rếch-xơ và hỏi mua một lon cà phê.

"Nóng với nhiều đường và sữa."

"Còn gì nữa không?"

"Không ạ. Rồi cháu sẽ xem ông ấy có ăn được gì không."

Lời nói và hành động của các ngư dân cho biết điều gì về cảm nhận của họ trước bộ xương con cá kiếm?

"Quả là một con cá ra trò", chủ khách sạn nói. "Chưa từng có con cá nào như vậy. Hai con cá cháu bắt được hôm qua cũng rất được đấy.". "Chết tiệt mấy con cá của cháu", thằng bé nói và nó lại bắt đầu khóc.

"Cháu có muốn lấy đồ uống gì không?", chủ khách sạn hỏi.

"Không ạ", thằng bé nói. "Bảo với họ đừng quấy rầy Xan-ti-a-gô (Santiago), cháu sẽ quay lại."

---

(1) *Feet*: đơn vị đo chiều dài, được sử dụng phổ biến ở các nước Anh, Mỹ; 1 feet = 30,48 cm.

"Bảo ông ấy là bác rất tiếc nhé."

"Cảm ơn bác", thằng bé nói.

Thằng bé mang lon cà phê nóng lên lán của ông lão và ngồi kế bên cho đến khi lão tỉnh dậy. Có một lúc hình như lão sắp thức giấc. Nhưng rồi lão lại chìm vào giấc ngủ say và thằng bé băng qua đường để xin một ít củi hâm nóng cà phê.

Cuối cùng ông lão đã tỉnh dậy.

"Đừng ngồi dậy", thằng bé nói. "Uống cái này đi."

Cậu rót một ít cà phê vào cốc.

Ông lão cầm lấy và uống hết.

Chú ý ngôn ngữ đối thoại giữa ông lão và cậu bé.

"Chúng đã đánh bại ông, Ma-nô-lin (Manolin) ạ", lão nói. "Chúng thật sự đánh bại ông."

"Nó không đánh bại được ông. Không phải là con cá ấy."

"Không. Thật đấy. Là lúc sau đó ấy."

"Pê-đri-cô (Pedrico) đang trông coi thuyền và các thứ. Ông muốn làm gì với cái đầu ạ?"

"Để Pê-đri-cô băm nó ra làm mồi bẫy cá."

"Còn lưỡi kiếm?"

"Nếu cháu muốn thì cứ giữ lấy nó."

"Cháu muốn", thằng bé nói. "Bây giờ chúng ta phải lên kế hoạch cho những việc khác."

"Họ có tìm ông không?"

"Tất nhiên rồi. Cùng với đội bảo vệ bờ biển và máy bay nữa."

"Đại dương thì rất rộng lớn và chiếc thuyền thì nhỏ và khó nhìn ra được", ông lão nói. Lão nhận ra thật dễ chịu khi có ai đó để nói chuyện cùng thay vì chỉ nói với chính mình và với biển cả. "Ông nhớ cháu". Lão nói. "Cháu đã bắt được gì thế?". "Một con vào ngày đầu tiên. Một con vào ngày thứ hai và hai con vào ngày thứ ba."

"Giỏi đấy."

"Bây giờ chúng ta lại đi câu cùng nhau."

"Không. Ông không may mắn. Ông không còn vận may nữa."

"Chết tiệt với cái vận may", thằng bé nói. "Cháu sẽ mang vận may của cháu theo."

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

"Mọi người ở nhà cháu sẽ nói sao?"

"Cháu không quan tâm. Hôm qua cháu đã bắt được hai con. Nhưng giờ thì chúng ta sẽ đi câu cùng nhau vì cháu còn phải học nhiều thứ lắm."

"Chúng ta phải tìm một cây lao độ thật sắc bén và phải luôn luôn giữ nó trên thuyền. Cháu có thể làm lưỡi dao từ một cái nhíp của xe Ford cũ. Chúng ta có thể đem nó đến Goa-na-ba-cô-a (Guanabacoa) để mài. Nó phải thật sắc bén và không luyện quá lửa để khỏi bị gãy. Dao của ông gãy rồi."

"Cháu sẽ tìm một con dao khác và sẽ mang mài cái nhíp."

"Biển động mất mấy ngày nhỉ?"

"Có thể là ba ngày. Có thể hơn."

"Cháu sẽ thu xếp mọi thứ", thằng bé nói. "Ông cứ chữa cho tay lành lại đã."

"Ông biết cách chăm sóc chúng mà. Vào ban đêm ông khạc ra thứ lạ lùng gì đó và cảm thấy như có cái gì trong lồng ngực vỡ ra.". "Chữa cả cái đó nữa", thằng bé nói. "Nằm xuống đi, ông ơi, và cháu sẽ mang cho ông cái áo sạch. Và thứ gì đó để ăn."

"Mang cho ông bất kì tờ báo nào trong lúc ông đi vắng nhé", lão nói.

"Ông phải bình phục thật nhanh vì có nhiều thứ cháu phải học và ông có thể dạy cháu mọi thứ. Ông có đau nhiều không?"

"Nhiều lắm", lão nói.

"Cháu sẽ mang thức ăn và báo đến", thằng bé nói. "Nghỉ ngơi đi ông ạ. Cháu sẽ đi ra hiệu thuốc mua thuốc chữa tay của ông nữa."

"Nhớ bảo Pê-đri-cô rằng cái đầu là của anh ấy."

"Vâng. Cháu nhớ rồi."

Khi thằng bé ra khỏi cửa và đi xuống con đường mòn rải đá san hô nó lại tiếp tục khóc.

Chiều hôm đó có một bữa tiệc của nhóm khách du lịch ở Thê-rếch-xơ và khi nhìn xuống làn nước giữa những lon bia rỗng và những xác cá, một người phụ nữ trông thấy bộ xương sống to lớn màu trắng với một cái đuôi khổng lồ ở phần cuối cứ nổi lên và đung đưa theo thuỷ triều khi gió đông thổi qua vùng biển cuộn sóng bên ngoài lối vào bến cảng.

"Cái gì thế kia?". Cô hỏi người bồi bàn và chỉ vào bộ xương sống dài của con cá khổng lồ giờ chỉ còn là rác rưởi chờ thuỷ triều cuốn đi.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

"Ti-bu-ron (Tiburon)", người bồi bàn nói. "Cá mập". Anh ta định giải thích về chuyện đã xảy ra.

Giải thích tình huống hiểu lầm trong đoạn này.

"Tôi không biết là cá mập lại có bộ đuôi phom dáng đẹp đẽ như vậy."

"Anh cũng thế.", người đàn ông đi cùng cô ta nói.

Phía ngoài đường, trong cái lán của mình, ông lão lại đang ngủ tiếp. Lão vẫn ngủ trong tư thế úp mặt xuống và thằng bé ngồi bên cạnh nhìn lão ngủ. Lão đang mơ về những con sư tử.

Những hình ảnh được sử dụng trong đoạn kết của văn bản có gì đặc biệt?

(Linh Nguyễn dịch, *http://nguvan.hnue.edu.vn*, ngày 06/5/2023)

Ơ-nít Hê-minh-uê (1899 – 1961) là nhà văn, nhà báo nổi tiếng của nền văn học hiện đại Mỹ. Cuộc đời và sự nghiệp của ông được coi là một điển hình cho "thế hệ lạc lối" – danh xưng chỉ lớp người trưởng thành trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất và phải gánh chịu những di hại tinh thần nặng nề của sự kiện này. Ông cũng là người đưa ra "nguyên lí tảng băng trôi" trong sáng tác văn học, theo đó những ngôn từ nhà văn viết ra chỉ là phần nổi của tảng băng, còn ý nghĩa thực sự của tác phẩm nằm ở phần chìm của nó.



Ơ-nít Hê-minh-uê

Các tiểu thuyết tiêu biểu của Hê-minh-uê: *Mặt trời vẫn mọc* (1926), *Giã từ vũ khí* (1929), *Chuông nguyện hồn ai* (1940), *Ông già và biển cả* (1952). Năm 1954, Hê-minh-uê được trao giải Nô-ben (Nobel) Văn học.

Ông già và biển cả là tiểu thuyết ngắn của Hê-minh-uê giành giải thưởng Pu-lít-dơ (Pulitzer) cho tác phẩm hư cấu năm 1953. Tác phẩm kể câu chuyện về một ngư dân già người Cu Ba tên là Xan-ti-a-gô. Không bắt được con cá nào trong suốt tám mươi tư ngày, ông bị mọi người coi là kẻ mang vận rủi. Ma-nô-lin, cậu bé học việc và người bạn nhỏ của Xan-ti-a-gô, cũng bị cha mẹ buộc phải rời xa ông để làm việc trên một con thuyền khác. Tuy nhiên, Ma-nô-lin vẫn thường xuyên tới thăm và mang đồ ăn, thức uống cho ông. Họ trò chuyện về việc đánh bắt cá, về bóng chày và về những con sư tử trên bãi biển mà Xan-ti-a-gô đã nhìn thấy ở châu Phi khi ông bằng tuổi cậu bé bây giờ.

Ngày thứ tám mươi lăm, Xan-ti-a-gô quyết định dong thuyền đi tới vùng biển xa phía bắc với niềm tin rằng vận may sẽ trở lại với mình. Giữa biển khơi bao la, ông vừa làm việc vừa nói chuyện với biển cả, với các sinh vật xung quanh, và với chính mình. Đôi khi ông ước có Ma-nô-lin ở bên để chia sẻ công việc và những trải nghiệm. Đến trưa, một con cá đã mắc câu mà Xan-ti-a-gô tin là con cá kiếm khổng lồ, nhưng ông không thể kéo nó vào bờ được. Suốt hai ngày đêm, ông và con cá giằng co vật lộn với nhau. Xan-ti-a-gô cố gắng giữ con cá không tuột khỏi dây trong khi nó kéo chiếc thuyền càng lúc càng xa đất liền. Trong cuộc chiến đó, ông cảm thấy ngưỡng mộ sức mạnh và sự kiên cường của con cá kiếm, đồng cảm với nó như một người bạn, một người anh em, thậm chí như thể nó và mình đã hoà làm một. Mặt khác, mặc dù thiếu ngủ, bị thương ở tay và vô cùng đau đớn nhưng ông quyết không bỏ cuộc.

Sang ngày thứ ba, con cá kiếm bơi chậm lại quanh chiếc thuyền. Xan-ti-a-gô, lúc này gần như kiệt sức, kéo con cá lại gần thuyền và đâm chết nó bằng cây lao. Ông quay thuyền trở về và nghĩ đến những gì có thể làm với con cá kiếm khổng lồ đó. Con cá dài hơn cả chiếc thuyền nên Xan-ti-a-gô phải buộc nó ở mạn thuyền. Trong tình cảnh đó, có những lúc ông nghĩ không biết mình đang dưa con cá trở về hay con cá đang đưa mình trở về.

Máu từ vết đâm trên thân con cá kiếm đã thu hút lũ cá mập. Một con cá mập khổng lồ lao vào con cá kiếm và ngoạm đứt một miếng thịt lớn. Xan-ti-a-gô dùng cây lao đâm chết con cá mập, nhưng cũng vì vậy mà đánh mất cây lao. Những con cá mập khác tiếp tục kéo đến. Xan-ti-a-gô buộc con dao vào mái chèo làm thành một cây lao tự tạo để chiến đấu với chúng, rồi khi dao gãy, ông chống trả bằng cây gậy. Tuy nhiên, lũ cá mập quá đông đã rỉa hết thịt con cá kiếm. Xan-ti-a-gô rủa lũ cá mập, cảm thấy hối tiếc cho cả mình lẫn con cá kiếm, và tự trách đã đưa thuyền đi quá xa.

Xan-ti-a-gô trở về đất liền trong đêm tối, dùng hết sức lực còn lại để đưa chiếc thuyền cùng với cái đầu và bộ xương khổng lồ của con cá kiếm vào bờ. Sau đó, ông về lán và lăn ra ngủ.

Trở về là đoạn trích nằm ở phần cuối của tiểu thuyết *Ông già và biển cả*.

1. Theo bạn, đoạn trích *Trở về* có thể được chia làm mấy phần? Các phần có liên hệ với nhau như thế nào?
2. Cuộc đối thoại giữa Xan-ti-a-gô và Ma-nô-lin trong đoạn trích là cuộc đối thoại dài nhất trong tác phẩm *Ông già và biển cả*. Nội dung và hình thức cuộc đối thoại cho ta biết những gì về quan hệ giữa hai nhân vật?
3. Nêu diễn biến tâm lí của nhân vật Xan-ti-a-gô trong đoạn trích.
4. Trong đoạn trích, tác giả đã miêu tả hành động "khóc" của Ma-nô-lin bao nhiêu lần? Hãy lí giải về hành động này của nhân vật.
5. Trước bộ xương của con cá kiếm, các nhân vật Ma-nô-lin, nhóm ngư dân, chủ khách sạn và hai du khách đã có thái độ khác nhau như thế nào?
6. Nêu đặc điểm của ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ đối thoại trong đoạn trích (chú ý liên hệ với "nguyên lí tảng băng trôi" của Hê-minh-uê).
7. Theo bạn, đoạn kết truyện có thể gợi mở những ý nghĩa và liên tưởng gì?
8. Chuyến đi của Xan-ti-a-gô có phải là một chuyến đi thất bại hay không? Tại sao? Nếu coi nhân vật Xan-ti-a-gô là một biểu tượng, thì theo bạn, đó là biểu tượng của điều gì?

Kết nối đọc – viết

Trong tiểu thuyết *Ông già và biển cả*, khi miêu tả nhân vật Xan-ti-a-gô một mình giữa biển khơi, Hê-minh-uê đã viết: "Ông lão biết rằng không ai phải cô đơn nơi biển cả". Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) chia sẻ cảm nhận của bạn về điều này sau khi học đoạn trích *Trở về*.

VĂN BẢN 3

Hồn Trương Ba, da hàng thịt

(Trích)

Lưu Quang Vũ

Hãy nhớ lại một tình huống mà bạn tự mâu thuẫn với chính mình. Khi ấy bạn đã cảm thấy ra sao? Chia sẻ về những trải nghiệm cụ thể đó.

HỒI VII

NHÀ TRƯƠNG BA

(**Tóm lược các lớp của hồi VII**: *Trưởng Hoạt chê trách Hồn Trương Ba đã thay đổi tâm tính, trở nên thực dụng, thô lỗ. Lí trưởng lấy cớ đã che chở cho Hồn Trương Ba sống trong thân xác hàng thịt để sách nhiễu, châm biếm ông. Con trai ông trở nên hư hỏng. Vợ ông muốn ra đi vì không chấp nhận sự thay đổi của chồng. Cháu gái không nhận ông. Con dâu than phiền rằng ông không còn là Trương Ba xưa kia. Hồn Trương Ba vô cùng đau khổ khi nhận ra ông ngày càng bị Xác Hàng Thịt lấn át.*)

[...]

HỒN TRƯƠNG BA – (*ngồi ôm đầu một hồi lâu rồi đứng vụt dậy*) Không! Không! Tôi không muốn sống như thế này mãi! (*nhìn chân tay, thân thể*) Tôi chán cái chỗ ở không phải của tôi này lắm rồi, chán lắm rồi! Cái thân thể kềnh càng thô lỗ này, ta bắt đầu sợ mi, ta chỉ muốn rời xa mi tức khắc! Nếu cái hồn của ta có hình thù riêng nhỉ, để nó tách ra khỏi cái xác này, dù chỉ một lát!

Hình dung về cảnh tượng được tái hiện trên sân khấu (ánh sáng, âm thanh, hình ảnh,...).

(*Tới đây, bắt đầu lớp kịch "Cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác". Trên sân khấu, hồn Trương Ba tách ra khỏi xác anh hàng thịt và hiện hình lờ mờ trong dáng nhân vật Trương Ba thật. Thân xác bằng thịt vẫn ngồi nguyên trên chõng và lúc này chỉ còn là thân xác.*)

XÁC HÀNG THỊT – (*bắt đầu*) Vô ích, cái linh hồn mờ nhạt của ông Trương Ba khốn khổ kia ơi, ông không tách ra khỏi tôi được đâu, dù tôi chỉ là thân xác...

HỒN TRƯƠNG BA – A, mày cũng biết nói kia à? Vô lí, mày không thể biết nói! Mày không có tiếng nói, mà chỉ là xác thịt âm u đui mù...

XÁC HÀNG THỊT – Có đấy! Xác thịt có tiếng nói đấy! Ông đã biết tiếng nói của tôi rồi, đã luôn luôn bị tiếng nói ấy sai khiến. Chính vì âm u, đui mù mà tôi có sức mạnh ghê gớm, lắm khi át cả cái linh hồn cao khiết của ông đấy!

HỒN TRƯƠNG BA – Nói láo! Mày chỉ là cái vỏ bên ngoài, không có ý nghĩa gì hết, không có tư tưởng, không có cảm xúc!

XÁC HÀNG THỊT – Có thật thế không?

HỒN TRƯƠNG BA – Hoặc nếu có, thì chỉ là những thứ thấp kém, mà bất cứ con thú nào cũng có được: thèm ăn ngon, thèm rượu thịt,...

XÁC HÀNG THỊT – Tất nhiên, tất nhiên. Sao ông không kể tiếp: Khi ông ở bên nhà tôi... Khi ông đứng bên cạnh vợ tôi, tay chân run rẩy, hơi thở nóng rực, cổ nghẹn lại,... Đêm hôm đó, suýt nữa thì...

HỒN TRƯƠNG BA – Im đi! Đấy là mày chứ, chân tay mày, hơi thở của mày,...

*Xác định **giọng điệu và lập luận** của các nhân vật Hồn Trương Ba, Xác Hàng Thịt.*

XÁC HÀNG THỊT – Thì tôi có ghen đâu! Ai lại ghen với chính thân thể mình nhỉ! Tôi chỉ trách là sao đêm ấy ông lại tự dưng bỏ chạy, hoài của!... Này, nhưng ta nên thành thật với nhau một chút: Chẳng lẽ ông không xao xuyến chút gì? Hà hà, cái món tiết canh, cổ hũ, khấu đuôi, và đủ các thứ thú vị khác không làm hồn ông lâng lâng cảm xúc sao? Để thoả mãn tôi, chẳng lẽ ông không tham dự vào chút đỉnh gì? Nào, hãy thành thật trả lời!

HỒN TRƯƠNG BA – Ta... ta... đã bảo mày im đi!

XÁC HÀNG THỊT – Rõ là ông không dám trả lời. Giấu ai chứ không thể giấu tôi được! Hai ta đã hoà với nhau làm một rồi!

HỒN TRƯƠNG BA – Không! Ta vẫn có một đời sống riêng: nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn,...

XÁC HÀNG THỊT – Nực cười thật! Khi ông phải tồn tại nhờ tôi, chiều theo những đòi hỏi của tôi, mà còn nhận là nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn!

HỒN TRƯƠNG BA – (*bịt tai lại*) Ta không muốn nghe mày nữa!

XÁC HÀNG THỊT – (*lắc đầu*) Ông cứ việc bịt tai lại! Chẳng có cách nào chối bỏ tôi được đâu! Mà đáng lẽ ông phải cảm ơn tôi. Tôi đã cho ông sức mạnh. Ông có nhớ hôm ông tát thằng con ông toé máu mồm máu mũi không? Cơn giận của ông lại có thêm sức mạnh của tôi... Ha ha!

HỒN TRƯƠNG BA – Ta cần gì đến cái sức mạnh làm ta trở thành tàn bạo.

XÁC HÀNG THỊT – Nhưng tôi là cái hoàn cảnh mà ông buộc phải quy phục! Đâu phải lỗi tại tôi... (*buồn rầu*) Sao ông có vẻ khinh thường tôi thế nhỉ? Tôi cũng đáng được quý trọng chứ! Tôi là cái bình để chứa đựng linh hồn. Nhờ tôi mà ông có thể làm lụng, cuốc xới. Ông nhìn ngắm trời đất, cây cối, những người thân... Nhờ có đôi mắt của tôi, ông cảm nhận thế giới này qua những giác quan của tôi... Khi muốn hành hạ tâm hồn con người, người ta xúc phạm thể xác... Những vị lắm chữ nhiều sách như các ông là hay vin vào cớ tâm hồn là quý, khuyên con người ta sống vì phần hồn, để rồi bỏ bê cho thân xác họ mãi khổ sở, nhếch nhác... Mỗi bữa tôi đòi ăn tám, chín bát cơm, tôi thèm ăn thịt, hỏi có gì là tội lỗi nào? Lỗi là ở chỗ không có đủ tám, chín bát cơm cho tôi ăn chứ!

HỒN TRƯƠNG BA – Nhưng... Nhưng...

XÁC HÀNG THỊT – Hãy công bằng hơn, ông Trương Ba ạ! Từ nãy tới giờ chỉ có ông nặng lời với tôi, chứ tôi thì vẫn nhã nhặn với ông đấy chứ. (*thì thầm*) Tôi rất biết cách chiều chuộng linh hồn...

HỒN TRƯƠNG BA – Chiều chuộng?

XÁC HÀNG THỊT – Chứ sao? Tôi thông cảm với những "trò chơi tâm hồn của ông". Nghĩa là: Những lúc một mình một bóng, ông cứ việc nghĩ rằng ông có một tâm hồn bên trong cao khiết, chẳng qua vì hoàn cảnh, vì để sống mà ông phải nhân nhượng tôi. Làm xong điều xấu gì ông cứ việc đổ tội cho tôi, để ông được thanh thản. Tôi biết: Cần phải để cho tính tự ái của ông được ve vuốt. Tâm hồn là thứ lắm sĩ diện! Hà hà, miễn là... ông vẫn làm đủ mọi việc để thoả mãn những thèm khát của tôi!

HỒN TRƯƠNG BA – Lí lẽ của anh thật ti tiện!

XÁC HÀNG THỊT – Ấy đấy, ông bắt đầu gọi tôi là anh rồi đấy! Có phải lí lẽ của tôi đâu, tôi chỉ nhắc lại những điều ông vẫn tự nói với mình và với người khác đấy chứ! Đã bảo chúng ta tuy hai mà một!

HỒN TRƯƠNG BA – (*như tuyệt vọng*) Trời!

XÁC HÀNG THỊT – (*an ủi*) Ông đừng nên tự dằn vặt làm gì! Tôi đâu muốn làm khổ ông, bởi tôi cũng rất cần đến ông. Thôi, đừng cãi cọ nhau nữa! Chẳng còn cách nào khác đâu! Phải sống hoà thuận với nhau thôi! Cái hồn vía ương bướng của tôi ơi, hãy về với tôi này!

(*Hồn Trương Ba bất thần nhập lại vào xác hàng thịt. Trên sân khấu, nhân vật Trương Ba biến đi. Chỉ còn lại xác hàng thịt mang hồn Trương Ba ngồi lặng lẽ bên chõng... Vợ Trương Ba vào.*)

VỢ TRƯƠNG BA – Cái Gái chưa về hả ông?

HỒN TRƯƠNG BA – (*thẫn thờ*) Chưa.

VỢ TRƯƠNG BA – Nó sang nhà cu Tị từ sớm. Cu Tị bị ốm nặng.

Chú ý thái độ, tâm trạng của các nhân vật: vợ Trương Ba, cái Gái, người con dâu.

HỒN TRƯƠNG BA – Ốm nặng? Vậy mà tôi không biết!

VỢ TRƯƠNG BA – Ông bây giờ còn biết đến ai nữa! Cu Tị ốm thập tử nhất sinh, từ đêm qua tới giờ bắt đầu mê man, mẹ nó khóc đỏ con mắt. Khổ! Thằng bé ngoan là thế! Cái Gái thương bạn, ngơ ngẩn cả người... Không hiểu thằng bé có qua khỏi được không, khéo mà... (*một lát*) Cái thân tôi thì sao trời lại không bắt đi cho rảnh!

HỒN TRƯƠNG BA – Sao bà lại nói thế?

VỢ TRƯƠNG BA – (*nghĩ ngợi*) Tôi nói thật đấy... ông Trương Ba ạ, tôi đã nghĩ kĩ: Có lẽ tôi phải đi...

HỒN TRƯƠNG BA – Đi đâu?

VỢ TRƯƠNG BA – Chưa biết! Đi cấy thuê làm mướn ở đâu cũng được... đi biệt... (*rưng rưng*). Để ông được thảnh thơi... với cô vợ người hàng thịt... Còn hơn là thế này... (*khóc*).

HỒN TRƯƠNG BA – Bà! (*sau một hồi lâu*) Sao lại đến nông nỗi này?

VỢ TRƯƠNG BA – Tôi biết, ông vốn là người hết lòng thương yêu vợ con... Chỉ tại bây giờ... (*khóc*). Ông đâu còn là ông, đâu còn là ông Trương Ba làm vườn ngày xưa, ông biết không: Thằng Cả đã quyết định dứt khoát sẽ bán khu vườn để có tiền mở thêm vốn liếng cửa hàng thịt.

HỒN TRƯƠNG BA – Thật sao? Không được!

VỢ TRƯƠNG BA – Ông bảo không được nhưng tôi biết rồi sự thể sẽ cứ dẫn đến như vậy, ông sẽ đành ưng chịu như vậy... Thôi tuỳ ông, tôi chỉ muốn ông được thảnh thơi sung sướng... Tôi không còn giúp gì ông được, tốt nhất là... là... không có tôi nữa, cũng như không có khu vườn nữa! (*bỏ ra*)

HỒN TRƯƠNG BA – Bà! (*ngồi xuống, tay ôm đầu*)

(*Khi Hồn Trương Ba ngẩng lên thì đã thấy cái Gái đứng trước mặt với cái nhìn lặng lẽ, soi mói.*)

HỒN TRƯƠNG BA – (*như cầu cứu*) Gái, cháu...

CÁI GÁI – (*lùi lại*) Tôi không phải là cháu của ông!

HỒN TRƯƠNG BA – (*nhẫn nhục*) Gái, rồi lớn lên cháu sẽ hiểu... ông đúng là ông nội cháu...

CÁI GÁI – Ông nội tôi chết rồi. Nếu ông nội tôi hiện về được, hồn ông nội tôi sẽ bóp cổ ông! Ông dám nhận là ông nội, dám đụng vào cây cối trong vườn của ông nội tôi.

HỒN TRƯƠNG BA – Dù sao... Cháu... Sáng nào ông cũng ra cuốc xới chăm chút cây cối ngoài vườn, cháu không thấy sao: Chỉ có ông nội cháu mới biết quý cây như thế...

CÁI GÁI – Quý cây! Hừ, tôi phải rình lúc này, cả nhà đi vắng hết để đến nói với ông: Từ nay ông không được động vào cây cối trong vườn ông tôi nữa! Ông mà quý cây à? Sáng qua, tôi để ý lúc ông chiết cây cam, bàn tay giết lợn của ông làm gãy tiệt cái chồi non, chân ông to bè như cái xẻng, giẫm lên nát cả cây sâm quý mới ươm! Ông nội đời nào thô lỗ phũ phàng như vậy!

HỒN TRƯƠNG BA – Ông không dè... Đấy là... tại...

CÁI GÁI – Còn cái diều của cu Tị nữa, chiều hôm kia nó mang diều sang đây chơi, ông cầm lấy đòi chữa cho nó, thế là ông làm gãy cả nan, rách cả giấy, hỏng mất cái diều đẹp mà cu Tị rất quý! Lúc nãy, trong cơn sốt mê man, cu Tị cứ khóc bắt đền cái diều, nó tiếc...

HỒN TRƯƠNG BA – Thế ư? Khổ quá...

CÁI GÁI – Đừng vờ! Chính ông làm cu Tị thêm khổ thì có! Cu Tị nó cũng rất ghét ông! Ông xấu lắm, ác lắm! Cút đi! Lão đồ tể, cút đi! (*vừa khóc vừa chạy vụt đi*)

(*Chị con dâu Trương Ba ở trong nhà ra, nghe thấy những lời cuối cùng của cái Gái.*)

CHỊ CON DÂU – (*gọi theo con*) Gái, quay lại đây, Gái! (*nhìn thấy Hồn Trương Ba đang run rẩy, liền đi tới bên cạnh*) Thầy, thầy đừng giận con trẻ... Nó rất yêu thương ông nội. Đêm nào nó cũng khóc thương ông... Nó cất giữ nâng niu từng chút kỉ niệm của ông: đôi guốc gỗ, bó đóm thuốc lào, nhất là những cây thuốc trong vườn... Chỉ tại nó nghĩ thầy không phải là ông nội của nó, con dỗ dành thế nào nó cũng không nghe... (*rưng rưng*) Khổ thân thầy...

HỒN TRƯƠNG BA – Đến lúc này, cả nhà chỉ còn mình con vẫn thương thầy như xưa.

CHỊ CON DÂU – Hơn xưa nữa, thưa thầy. Hơn cả hôm thầy mới từ nhà người hàng thịt trở về. Bởi con biết giờ thầy khổ hơn xưa nhiều lắm... (*khẽ*) Mà u con cũng khổ hơn nhiều lắm. U đã định bỏ đi đâu thật xa, cho thầy được thảnh thơi. Nhà ta như sắp tan hoang ra cả...

HỒN TRƯƠNG BA – Thầy đã làm u khổ. Có lẽ cái ngày u chôn xác thầy xuống đất, tưởng thầy đã chết hẳn, u cũng không khổ bằng bây giờ.

CHỊ CON DÂU – Thầy bảo con: Cái bên ngoài là không đáng kể, chỉ có cái bên trong, nhưng thầy ơi, con sợ lắm, bởi con cảm thấy, đau đớn thấy... mỗi ngày thầy một đổi khác dần, mất mát dần, tất cả cứ như lệch lạc, nhoà mờ dần đi, đến nỗi có lúc chính con cũng không nhận ra thầy nữa... Con càng thương thầy, nhưng thầy ơi, làm sao, làm sao giữ được thầy ở lại, hiền hậu, vui vẻ, tốt lành như thầy của chúng con xưa kia? Làm thế nào, thầy ơi?

HỒN TRƯƠNG BA – (*mặt lặng ngắt như tảng đá*) Giờ thì cả con cũng...

CHỊ CON DÂU – Thầy đừng giận nếu con đã nói điều gì không phải.

HỒN TRƯƠNG BA – Không, ta không giận. Cảm ơn con đã nói thật. Bây giờ thì... đi đi, cho ta được ngồi yên một lát. Đi đi!

(*Chị con dâu từ từ lui ra.*)

HỒN TRƯƠNG BA – (*một mình*) Mày đã thắng thế rồi đấy, cái thân xác không phải của ta ạ, mày đã tìm được đủ mọi cách để lấn át ta... (*sau một lát*) Nhưng lẽ nào ta lại chịu thua mày, khuất phục mày và tự đánh mất mình? "Chẳng còn cách nào khác"! Mày nói như thế hả? Nhưng có thật là không còn cách nào khác? Không cần đến cái đời sống do mày mang lại! Không cần!

Hình dung giọng điệu, hành động của nhân vật trên sân khấu.

(*Đứng dậy, lập cập nhưng quả quyết, đến bên cột nhà, lấy một nén hương châm lửa, thắp lên. Đế Thích xuất hiện.*)

ĐẾ THÍCH – Ông Trương Ba! (*thấy vẻ nhợt nhạt của Hồn Trương Ba*) Ông có ốm đau gì không? Một tuần nay tôi bị canh giữ chặt quá, không xuống đánh cờ với ông được, nhưng ông đốt hương gọi, đoán là ông có chuyện khẩn, tôi liều mạng xuống ngay. Có việc gì thế?

HỒN TRƯƠNG BA – (*sau một lát*) Ông Đế Thích ạ, tôi không thể tiếp tục mang thân anh hàng thịt được nữa, không thể được!

ĐẾ THÍCH – Sao thế? Có gì không ổn đâu!

HỒN TRƯƠNG BA – Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn.

ĐẾ THÍCH – Thế ông ngỡ tất cả mọi người đều được là mình toàn vẹn cả ư?

Ngay cả tôi đây. Ở bên ngoài, tôi đâu có được sống theo những điều tôi nghĩ bên trong. Mà cả Ngọc Hoàng nữa, chính người lắm khi cũng phải khuôn ép mình cho xứng với danh vị Ngọc Hoàng. Dưới đất, trên trời đều thế cả, nữa là ông. Ông đã bị gạch tên khỏi sổ Nam Tào. Thân thể thật của ông đã tan rữa trong bùn đất, còn chút hình thù gì của ông đâu!

HỒN TRƯƠNG BA – Sống nhờ vào đồ đạc, của cải người khác, đã là chuyện không nên, đằng này đến cái thân tôi cũng phải sống nhờ anh hàng thịt. Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết!

Chú ý sự khác biệt trong các lí lẽ, lập luận của Hồn Trương Ba và Đế Thích.

ĐẾ THÍCH – (*không hiểu*) Nhưng mà ông muốn gì?

HỒN TRƯƠNG BA – Ông từng nói: Nếu thân thể người chết còn nguyên vẹn, ông có thể làm cho hồn người đó trở về. Thì đây, (*chỉ vào người mình*) thân thể anh hàng thịt còn lành lặn nguyên xi đây, tôi trả lại cho anh ta. Ông hãy làm cho hồn anh ta được sống lại với thân xác này.

ĐẾ THÍCH – Sao lại có thể đổi tâm hồn đáng quý của bác lấy chỗ cho cái phần hồn tầm thường của anh hàng thịt?

HỒN TRƯƠNG BA – Tầm thường, nhưng đúng là của anh ta, sẽ sống hoà thuận được với thân anh ta, chúng sinh ra là để sống với nhau. Vả lại, còn... còn chị vợ anh ta nữa... chị ta thật đáng thương!

ĐẾ THÍCH – Nhưng thế hồn ông muốn trú vào đâu?

HỒN TRƯƠNG BA – Ở đâu cũng được, chứ không ở đây nữa. Nếu ông không giúp, tôi sẽ... tôi sẽ... nhảy xuống sông hay đâm một nhát dao vào cổ, lúc đó thì hồn tôi chẳng còn, xác anh hàng thịt cũng mất...

ĐẾ THÍCH – Sao ông lại tính nước ấy! Rắc rối thật! Tôi đã phạm phép giời một lần. Trên thiên đình người ta còn đang treo tội tôi đấy để chờ xét xử. Tôi chẳng sợ, họ doạ thế chứ chưa chắc đã làm gì được tôi. Trị tội hết tiên hết thần thì lấy gì cho dân chúng họ thờ! Cái khó nghĩ bây giờ là sắp xếp cho hồn ông nhập vào đâu đây? (*đi lại, suy nghĩ, bỗng lắng nghe*) Có tiếng khóc ran lên từ đâu ấy nhỉ? Từ nhà ai?

HỒN TRƯƠNG BA – (*cũng nhìn ra ngoài*) Từ phía nhà chị Lụa mẹ cu Tị. Thằng cu Tị đang bị ốm nặng... Trời, hay là...

(*Cái Gái chạy vào nhà, nước mắt đầm đìa.*)

CÁI GÁI – (*gọi thất thanh*) Mẹ ơi, mẹ ơi! Cu Tị... cu Tị... chết rồi! (*oà khóc, rồi chạy đi, chị con dâu chạy theo*)

ĐẾ THÍCH – (*nhìn ra ngoài*) Cái nhà sau rặng cau kia phải không? Tôi vừa thấy hồn thằng bé bay vụt lên khỏi mái nhà, tan mờ ra như một làn sương mỏng... Cu Tị là đứa trẻ như thế nào?

HỒN TRƯƠNG BA – Con trai độc nhất của chị Lụa. Nó là bạn thân của cái Gái nhà tôi. Thằng bé ngoan lắm, khôn lắm. Tôi rất quý nó mà nó cũng rất thân với tôi. Dĩ nhiên, đấy là trước kia... Nhưng tại sao nó lại phải chết?

ĐẾ THÍCH – Kiểu này, chắc lại do hai ông Nam Tào, Bắc Đẩu tắc trách gạch tên bừa, hoặc cũng do bà Vương Hầu ép, bà ấy không ưa trẻ con. Lệnh của bà ấy thì chẳng ai cưỡng được! (*bần thần nghĩ ngợi*) A, hay quá, tôi nghĩ ra rồi! Ông Trương Ba! Tôi sẽ giúp ông một lần nữa! Ngay bây giờ đây, ông sẽ trả cái thân thể này cho anh hàng thịt, tôi sẽ làm cho hồn ông nhập vào xác cu Tị. Như vậy là anh hàng thịt được sống, hồn ông vẫn có chỗ trú, mà cái thân thể bé nhỏ của cu Tị sẽ không bị mất đi. Ông thấy được không?

HỒN TRƯƠNG BA – Nhập vào xác cu Tị? Tôi?

ĐẾ THÍCH – Chứ sao! Ông với anh hàng thịt là hai người xa lạ, còn ông với thằng cu Tị đã từng quấn quýt quý mến nhau, ông sống trong thân thể thằng bé chắc sẽ ổn...

HỒN TRƯƠNG BA – Ông cho tôi suy nghĩ một lát đã... Việc này bất ngờ quá! (*ngồi xuống, nghĩ ngợi*) Nhập vào cu Tị... (*lẩm bẩm*) Tôi, một ông già gần sáu mươi, cu Tị thì còn chưa bắt đầu cuộc đời, còn đang tuổi ăn, tuổi lớn, chạy nhảy vô tư... có ổn không nhỉ? (*nhắm mắt lại*) Thử hình dung xem nào... sẽ phải giải thích cho chị Lụa: Tôi không phải là con chị, chị ấy sẽ không nguôi thương nhớ con... Có khi tôi còn phải sang nhà chị Lụa ở... Rồi còn hàng xóm, lí trưởng, trương tuần... Bao nhiêu sự rắc rối. Bà vợ tôi, các con tôi sẽ nghĩ ngợi, xử sự thế nào, khi chồng mình, bố mình mang thân một thằng bé lên mười? Làm trẻ con không phải dễ! Mà cái Gái nhà tôi, nó sẽ nghĩ thế nào nhỉ?

ĐẾ THÍCH – Chắc nó sẽ thích. Nó thân với cu Tị mà.

HỒN TRƯƠNG BA – (*lắc đầu*) Sợ chỉ càng oái oăm rắc rối hơn. Trẻ con phải ra trẻ con, người lớn phải ra người lớn. Thằng cu Tị bỗng thành ông nội, con bé đời nào chịu. Tôi đã lường trước thấy bao sự không ổn, ông Đế Thích ạ.

ĐẾ THÍCH – Trong thân một đứa bé, ông sẽ có cả cuộc đời trước mặt.

HỒN TRƯƠNG BA – Để rồi, chẳng bao lâu nữa, bà nhà tôi, bạn bè cùng lứa với tôi như bác Trưởng Hoạt lần lượt nằm xuống, mình tôi vẫn phải sống suốt bao năm tháng dằng dặc. Mình tôi giữa đám người hậu sinh. Những gì chúng thích thì tôi ghét, những gì tôi thích chúng chẳng ưa. Tôi sẽ như ông khách ngồi dai ở nhà người ta, mọi khách khứa đã về cả rồi, mình vẫn dầm dề nán lại. Tôi sẽ bơ vơ lạc lõng, hoặc sẽ trở nên thảm hại đáng ghét như kẻ tham lam, một kẻ lí ra phải chết từ lâu mà vẫn cứ sống, cứ trẻ khoẻ, cứ ngang nhiên hưởng thụ mọi thứ lộc trời! Vô lí lắm! Không!

Tôi không thể cướp cái thân thể non nớt của cu Tị. (*nhìn ra ngoài*) Tiếng chị Lụa gào khóc nghe đứt ruột! Mất đứa con, chị ấy làm sao sống được? (*đột ngột*) Ông Đế Thích, hồn cu Tị bây giờ ở đâu?

ĐẾ THÍCH – Tôi đã nói với ông rồi: ra khỏi thân xác, hồn chẳng còn là gì nữa!

HỒN TRƯƠNG BA – Ông hãy đưa hồn cu Tị về nhập lại vào xác nó, cho nó được sống lại!

ĐẾ THÍCH – Không được! Việc cu Tị... chắc chắn đã có lệnh của bà Tây Vương Mẫu.

HỒN TRƯƠNG BA – Ông hãy cứu nó! Ông phải cứu nó! Ông có biết đứa con đối với người mẹ là thế nào không? Còn to lớn hơn cả ý muốn bà Tây Vương Mẫu nhà ông. Ông Đế Thích, vì con trẻ ông ạ, vì con trẻ! Ông hãy giúp tôi lần cuối cùng. Tôi sẽ không bao giờ làm phiền ông nữa, không đòi ông điều gì nữa! (*lấy bó hương ra*) Đây! (*bẻ gãy cả bó*)

ĐẾ THÍCH – Ông Trương Ba... (*đắn đo rất lâu rồi quyết định*) Vì lòng quý mến ông, tôi sẽ làm cu Tị sống lại, dù có bị phạt nặng... Nhưng còn ông... rốt cuộc ông muốn nhập vào thân thể ai?

HỒN TRƯƠNG BA – (*sau một hồi lâu*) Tôi đã nghĩ kĩ... (*nói chậm và khẽ*) Tôi không nhập vào hình thù ai nữa! Tôi đã chết rồi, hãy để tôi chết hẳn!

Chú ý sự thay đổi trong giọng điệu, thái độ của Hồn Trương Ba.

ĐẾ THÍCH – Không thể được! Việc ông phải chết chỉ là một lầm lẫn của quan thiên đình. Cái sai ấy đã được sửa bằng cách làm cho hồn ông được sống.

HỒN TRƯƠNG BA – Có những cái sai không thể sửa được. Chắp vá gượng ép chỉ càng làm sai thêm. Chỉ có cách là đừng bao giờ sai nữa, hoặc phải bù lại bằng

một việc đúng khác. Việc đúng còn làm kịp bây giờ là làm cu Tị sống lại. Còn tôi, cứ để tôi chết hẳn...

ĐẾ THÍCH – Không! Ông phải sống, dù với bất cứ giá nào...

HỒN TRƯƠNG BA – Không thể sống với bất cứ giá nào được, ông Đế Thích ạ! Có những cái giá đắt quá, không thể trả được... Lạ thật, từ lúc tôi có đủ can đảm đi đến quyết định này, tôi bỗng cảm thấy mình lại là Trương Ba thật, tâm hồn tôi lại trở lại thanh thản, trong sáng như xưa...

ĐẾ THÍCH – Ông có biết ông quyết định điều gì không? Ông sẽ không còn lại một chút gì nữa, không được tham dự vào bất cứ nỗi vui buồn gì! Rồi đây, ngay cả sự ân hận về quyết định này, ông cũng không có được nữa.

HỒN TRƯƠNG BA – Tôi hiểu. Ông tưởng tôi không ham sống hay sao? Nhưng sống thế này, còn khổ hơn là cái chết. Mà không phải chỉ một mình tôi khổ! Những người thân của tôi sẽ còn phải khổ vì tôi! Còn lấy lí lẽ gì khuyên thằng con tôi đi vào con đường ngay thẳng được? Cuộc sống giả tạo này có lợi cho ai? Hoạ chăng chỉ có lão lí trưởng và đám trương tuần hi hả thu lợi lộc! Đúng, chỉ bọn khốn kiếp là lợi lộc.

ĐẾ THÍCH – Tôi không phải là kẻ khốn kiếp... Tôi quý mến ông... Tôi sẽ chẳng bao giờ được đánh cờ với ông nữa ư? Nhờ ông đánh cờ với tôi, người trên trời, dưới đất mới biết tôi cao cờ như thế nào! Ngoài ông ra, không ai dám đọ cờ với tôi. Ông chính là lẽ tồn tại của tôi.

HỒN TRƯƠNG BA – Vì để chứng minh ông tồn tại mà tôi cứ phải tiếp tục cuộc sống không phải là tôi ư? Không, ông phải tồn tại lấy chứ!

ĐẾ THÍCH – Nhưng không đánh cờ. Đế Thích sẽ không còn là Đế Thích.

HỒN TRƯƠNG BA – Người ta đánh cờ là để rèn luyện tâm trí, để sảng khoái minh mẫn hơn mà sống! Còn ông đánh cờ chỉ để chứng tỏ mình là tiên cờ! Nói thật với ông: Nếu còn tiếp tục sống, tôi cũng chẳng thích đánh cờ với ông nữa! Đánh cờ với ông chán lắm! Không có gì chán bằng đánh cờ với tiên!

ĐẾ THÍCH – (*suy nghĩ*) Con người dưới hạ giới các ông thật kì lạ.

HỒN TRƯƠNG BA – Ông hãy trả lời đi! Ông có giúp tôi không? Nếu ông từ chối, tôi sẽ... Tôi đã nhất quyết! Ông phải giúp tôi!

ĐẾ THÍCH – Trả thân xác này cho anh hàng thịt... và thế là...

HỒN TRƯƠNG BA – Không còn cái vật quái gở mang tên "Hồn Trương Ba, da hàng thịt" nữa.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

(**Lược một đoạn**: *Nam Tào, Bắc Đẩu báo tin Ngọc Hoàng đã cho phép hồn Trương Ba tiếp tục sống trong xác hàng thịt, nhưng Trương Ba không đồng ý. Đế Thích quyết định ở lại hạ giới và đề nghị hồn Trương Ba nhập vào xác mình, nhưng Trương Ba cũng từ chối. Trương Ba chia tay Xác Hàng Thịt, dặn dò và vĩnh biệt vợ con rồi ra đi.*)

ĐOẠN KẾT

(*Vườn cây rung rinh ánh sáng. Ở một góc nhà đó, hiện lên cảnh tượng cu Tị đang ôm chầm lấy mẹ, chị Lụa cuống quýt vuốt ve con... Bà vợ Trương Ba xuất hiện ở phía trước sân khấu.*)

VỢ TRƯƠNG BA – Ông ở đâu? Ông ở đâu?

(*Giữa màu xanh cây vườn, Trương Ba chập chờn xuất hiện.*)

TRƯƠNG BA – Tôi đây bà ạ. Tôi vẫn ở liền ngay bên bà đây, ngay trên bậc cửa nhà ta, trong ánh lửa bà nấu cơm, cầu ao bà vo gạo, trong cái cơi bà đựng trầu, con dao bà rẫy cỏ... Không phải mượn thân ai cả, tôi vẫn ở đây, trong vườn cây nhà ta, trong những điều tốt lành của cuộc đời, trong mỗi trái cây cái Gái nâng niu...

Hình dung cảnh tượng được miêu tả trong đoạn kết của vở kịch.

(*Dưới một gốc cây, hiện lên cu Tị và cái Gái.*)

CÁI GÁI – (*tay cầm một trái na*) Cây na này, ông nội tớ trồng đấy! Quả to mà ngon lắm! Ta ăn chung nhé!

(*Bẻ quả na đưa cho cu Tị một nửa. Đôi trẻ ăn ngon lành. Cái Gái lấy những hạt na vùi xuống đất.*)

CU TỊ – Cậu làm gì thế?

CÁI GÁI – Cho nó mọc thành cây mới. Ông nội tớ bảo vậy. Những cây sẽ nối nhau mà lớn khôn. Mãi mãi...

(*Tuyển tập kịch Lưu Quang Vũ*, NXB Sân khấu, Hà Nội, 1994,
in trong *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2018, tr. 205 – 215)

Lưu Quang Vũ (1948 – 1988) quê gốc ở thành phố Đà Nẵng, là tác giả thành công trên nhiều thể loại, nổi bật nhất là thơ và kịch. Thơ ông phóng khoáng, tài hoa, có sự chuyển biến rõ nét từ phong cách mơ mộng, trong trẻo ở thời kì đầu sang phong cách triết luận với nhiều day dứt về thế sự ở thời kì sau. Trong những năm tám mươi của thế kỉ XX, ông là cây bút năng động, giàu sức sáng tạo bậc nhất của kịch trường Việt Nam, có nhiều vở kịch gây tiếng vang lớn, đề cập những vấn đề vừa nóng bỏng tính thời sự, vừa có ý nghĩa triết lí sâu sắc. Các tác phẩm tiêu biểu của ông: *Hương cây – Bếp lửa* (thơ, in chung, 1968), *Mùa hè đang đến* (truyện ngắn, 1983), *Người kép đóng hổ* (truyện ngắn, 1984), *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (kịch, 1984),



Lưu Quang Vũ
Ảnh do gia đình cung cấp

Nguồn sáng trong đời (kịch, 1985), *Tôi và chúng ta* (kịch, 1985), *Điều không thể mất* (kịch, 1988), *Bệnh sĩ* (kịch, 1988), *Mây trắng của đời tôi* (thơ, 1989), *Bầy ong trong đêm sâu* (thơ, 1993),... Lưu Quang Vũ được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật năm 2000.

Tóm tắt vở kịch ***Hồn Trương Ba, da hàng thịt***: Trương Ba, một người làm vườn chăm chỉ, tốt bụng, có tài chơi cờ bỗng nhiên bị chết bất ngờ do sự nhầm lẫn của Nam Tào, Bắc Đẩu. Đế Thích, một vị tiên nổi tiếng cao cờ, vì thương tiếc tài năng của Trương Ba, đã vi phạm luật triều đình, làm cho hồn Trương Ba được sống lại trong thể xác của anh hàng thịt. Tuy nhiên, cuộc sống của Trương Ba từ đó bắt đầu thay đổi. Những người thân trong gia đình không chấp nhận phần thô lỗ trong con người Trương Ba, và bản thân ông cũng vô cùng đau khổ khi nhận ra sự mâu thuẫn bên trong mình. Cuối cùng, Hồn Trương Ba đã quyết định nhờ Đế Thích trả lại xác cho anh hàng thịt và tự chấm dứt sự tồn tại của mình.

Đoạn trích gồm phần lớn hồi VII và trọn vẹn đoạn kết của vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*.

1. Tóm tắt những sự kiện chính trong từng lớp kịch. Nêu nhận xét về diễn biến của các sự kiện đó.
2. Xác định xung đột chính trong đoạn trích. Qua xung đột đó, Lưu Quang Vũ làm nổi bật bi kịch gì của con người?
3. Qua những lời thoại và hành động của Hồn Trương Ba được thể hiện trong đoạn trích, bạn có nhận xét gì về tính cách nhân vật này?
4. Nhận xét về kết thúc của vở kịch. Theo bạn, đó có phải là một kết thúc bi kịch không? Vì sao?
5. Lớp kịch "Cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác" cho biết điều gì về các mặt xung đột trong mỗi con người? Bạn cảm nhận như thế nào về ý nghĩa triết lí của lớp kịch này?
6. Trong đoạn trích, Hồn Trương Ba cho rằng thể xác không có tiếng nói, không có ý nghĩa gì hết, nhưng Xác Hàng Thịt lại cho rằng thể xác có sức mạnh ghê gớm, lắm khi lấn át cả linh hồn. Trình bày ý kiến của bạn về các quan điểm đó.
7. Văn bản *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ gợi cho bạn suy nghĩ gì về ý nghĩa cuộc sống? Theo bạn, thế nào là một cuộc sống thực sự có ý nghĩa?

Kết nối đọc – viết

Nếu bạn là Hồn Trương Ba trong trích đoạn kịch, bạn có lựa chọn giống như nhân vật hay không? Vì sao? Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về vấn đề này.

Thực hành tiếng Việt

Giữ gìn và phát triển tiếng Việt

1. Xác định dấu hiệu cho thấy người viết không tuân thủ chuẩn tiếng Việt trong những câu sau:

a. *Tôi đã xem bộ phim đó rùi nhưng không thích lém.*

b. *Nhà trường quy định học sinh không được ghi các comment vào sách mượn của thư viện.*

c. *Do sự phát triển của trí tuệ nhân tạo khiến cho việc lựa chọn ngành nghề ngày nay có sự thay đổi mạnh mẽ và sâu sắc.*

2. Tìm những từ ngữ mới thể hiện sự phát triển của tiếng Việt tương tự các từ ngữ thuộc một trong hai nhóm sau:

a. *thư viện số, kinh tế tri thức, chính phủ điện tử, cư dân mạng, công dân toàn cầu*

b. *photocopy, video, VIP*

3. Mỗi từ ngữ in đậm trong những câu dưới đây có các nghĩa khác nhau. Hãy cho biết các nghĩa của mỗi từ ngữ, suy đoán xem trong những nghĩa đó, nghĩa nào có trước, nghĩa nào có sau và giải thích cơ sở của sự suy đoán.

a. *Các cụ ông **say** thuốc*
*Các cụ bà **say** trầu*
Còn con trai con gái
*Chỉ nhìn mà **say** nhau.*

(Phan Thị Thanh Nhàn, *Đám cưới ngày mùa*)

Nhận biết một số vấn đề về giữ gìn và phát triển tiếng Việt

- Ngôn ngữ được hình thành do quy ước. Quy ước trong ngôn ngữ dần dần trở thành những quy định nghiêm ngặt, được coi là chuẩn ở các phương diện cơ bản như: ngữ âm, chính tả (chữ viết), từ ngữ, ngữ pháp,... Tuân thủ những quy định ấy trong khi nói và viết góp phần giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ. Ngược lại, việc vi phạm những quy định ấy sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến giao tiếp, làm tổn hại sự chặt chẽ, tinh tế của ngôn ngữ. Trong những văn bản đòi hỏi ngôn ngữ phải có tính chuẩn mực như bài tập luyện viết, đơn kiến nghị, biên bản họp lớp,..., những "kiểu" viết sau là khó chấp nhận: *Mọi người đều **zui zẻ** tán đồng* (viết sai chính tả); *Khi đến lớp, các bạn cần mang theo **computer*** (lạm dụng từ vay mượn); *Để giảm hiệu ứng nhà kính **đòi hỏi** chúng ta cần phải trồng nhiều cây xanh* (dùng câu sai ngữ pháp). Những "kiểu" viết lệch chuẩn chính tả như *9 xác* (chính xác), *tểnh iu* (tình yêu), *roài* (rồi),... hay những từ ngữ tiếng nước ngoài như *fan* (người hâm mộ), *sorry* (xin lỗi), *delay* (hoãn),... chỉ có thể sử dụng trong một số ngữ cảnh giao tiếp hẹp, thân mật nhằm tạo nét riêng cho lời nói, tạo không khí gần gũi hoặc chỉ để bông đùa,...
- Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt còn được thể hiện qua việc sử dụng tiếng Việt phù hợp với ngữ cảnh, chẳng hạn, không dùng cách nói thân mật, suồng sã trong ngữ cảnh đòi hỏi cách nói lịch sự, trang trọng (xem *Thực hành tiếng Việt*, Bài 7), đặc biệt, cần tránh cách nói thô tục, thiếu văn hoá.

b. – *Đội cứu hoả đến* ***chữa cháy*** *kịp thời, cứu được nhiều người và tài sản ở khu chung cư.*

– Đó chỉ là phương án ***chữa cháy****, chứ không phải được dự tính từ trước.*

4. Phân tích cách dùng từ ngữ rất riêng của Xuân Diệu ở đoạn thơ sau trong bài *Vội vàng*:

Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều

Và non nước, và cây, và cỏ rạng,

Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,

Cho no nê thanh sắc của thời tươi;

– Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!

5. Có những cách diễn đạt của Xuân Diệu khi mới xuất hiện bị chê là viết như Tây. Theo bạn, trong đoạn thơ ở bài tập 4 trên đây, cách diễn đạt nào có thể được gọi là "Tây", xa lạ với cách nói thông thường của người Việt? Hiện nay, ấn tượng về nét "Tây" trong những cách diễn đạt đó của Xuân Diệu có thay đổi gì không? Bạn nhận xét như thế nào về điều đó?

6. Tìm một số dẫn chứng cho thấy sự độc đáo trong cách sử dụng tiếng Việt của các nhà văn, nhà thơ mà bạn biết.

- Những quy định tạo nên chuẩn ngôn ngữ không phải bất biến. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt không có nghĩa là chỉ giữ gìn những gì đã có mà còn cần sáng tạo, bổ sung những yếu tố mới, cách nói mới miễn là cái mới phù hợp với quy định chung, nhằm giúp tiếng Việt có khả năng biểu đạt ngày càng phong phú. Sự phát triển của ngôn ngữ thể hiện rõ nhất ở lĩnh vực từ vựng. Có những cách thức cơ bản, phổ biến sau để phát triển vốn từ của tiếng Việt:

+ Cấu tạo những từ ngữ mới trên cơ sở những yếu tố có sẵn. Ví dụ, cấu tạo *kinh tế số, trí tuệ nhân tạo, chính phủ điện tử* trên cơ sở các từ có sẵn: *kinh tế, số, trí tuệ, nhân tạo, chính phủ, điện tử,...*

+ Vay mượn từ ngữ của các ngôn ngữ khác: *mít tinh, ma-két-tinh, vắc-xin, virus,...*

Ngoài ra, thêm nghĩa mới cho những từ ngữ đã có cũng là phương thức phát triển khả năng biểu đạt của vốn từ. Ví dụ, gần đây từ *bệnh viện* được dùng trong kết hợp mới như *bệnh viện máy tính* với nghĩa "nơi sửa chữa"; tương tự: *ảo* trong *sống ảo* với nghĩa "xa rời thực tế, theo đuổi niềm vui bằng những chia sẻ, tương tác trên các mạng xã hội".

- Thông qua hoạt động sáng tạo, các nhà văn, nhà thơ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của ngôn ngữ. Chúng ta cần học hỏi kinh nghiệm của họ để viết, nói không chỉ đúng mà còn hay và hấp dẫn, từ đó góp phần giữ gìn, phát triển ngôn ngữ của dân tộc.

VIẾT

Viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội

Ở sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11, bạn đã học văn bản "Tôi có một ước mơ" của Mác-tin Lu-thơ Kinh (Martin Luther King). Văn bản đó giúp các bạn hình dung cấu trúc và những yếu tố của văn bản nghị luận được viết dưới hình thức một bài phát biểu. Trong bài học này, bạn có cơ hội đại diện cho tập thể lớp, tổ chức đoàn hội, cộng đồng dân cư, hoặc đóng vai một nhà lãnh đạo, nhà hoạt động xã hội,... viết bài phát biểu để hưởng ứng hoặc phát động một phong trào, hoạt động xã hội mang lại lợi ích chung. Có thể hình dung văn bản này sẽ được đọc trong một buổi lễ phát động nhưng không nhất thiết như vậy. Trên thực tế, bài phát biểu có thể đến với công chúng dưới hình thức một văn bản viết miễn là có nội dung phù hợp để đọc trong một buổi lễ phát động.

Yêu cầu

- Giới thiệu được phong trào hoặc hoạt động xã hội mà người viết muốn hưởng ứng hoặc phát động và nói rõ tầm quan trọng, tính cấp bách của nó; có cách mở đầu thu hút được sự chú ý của người đọc.
- Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ; sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; giúp người tiếp nhận hiểu rõ lí do người viết hưởng ứng hay phát động phong trào hoặc hoạt động xã hội.
- Nêu được ý kiến trái chiều có thể có và sử dụng lí lẽ, bằng chứng phản bác để tăng tính thuyết phục cho văn bản.
- Sử dụng hiệu quả các yếu tố thuyết minh và biểu cảm để tăng thêm sức tác động của bài phát biểu.
- Có kết bài gây ấn tượng, thuyết phục người đọc thay đổi nhận thức hoặc hành động.

Bài viết tham khảo

Thông điệp nhân ngày Thế giới phòng chống AIDS, 01 / 12 / 2003

Cô-phi An-nan (Kofi Annan)[1]

Cách đây hai năm, các quốc gia trên thế giới đã nhất trí rằng để đánh bại căn bệnh HIV/AIDS, cần phải có sự cam kết, nguồn lực và hành động. Tại phiên họp đặc biệt vào năm 2001 của Đại hội đồng Liên hợp quốc về HIV/AIDS, các quốc gia đã nhất trí thông qua *Tuyên bố về Cam kết phòng chống HIV/AIDS*, trong đó đưa ra một loạt mục tiêu cụ thể kèm theo thời hạn để chiến đấu chống lại dịch bệnh này.

Giới thiệu chương trình hành động mà người viết muốn công chúng quan tâm; nêu tầm quan trọng, tính cấp bách của nó.

Ngày hôm nay, chúng ta đã cam kết và các nguồn lực đã được tăng lên. Song những hành động của chúng ta vẫn quá ít so với yêu cầu thực tế.

Đến thời điểm này, ngân sách dành cho phòng chống HIV đã được tăng lên một cách đáng kể, nhờ vào sự cam kết đóng góp tại từng quốc gia. Đồng thời, vấn đề thành lập Quỹ toàn cầu về phòng chống AIDS, lao và sốt rét cũng đã được thông qua. Đại đa số các nước đã xây dựng chiến lược quốc gia phòng chống HIV/AIDS của mình. Ngày càng có nhiều công ti áp dụng chính sách phòng chống HIV/AIDS tại nơi làm việc. Nhiều nhóm từ thiện và cộng đồng đã luôn đi đầu trong cuộc chiến chống AIDS, hiện đang hoạt động tích cực trong việc phối hợp chặt chẽ với chính phủ và các tổ chức khác để cùng nhau ứng phó với bệnh dịch này.

Trình bày hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng về những nỗ lực đã có.

Nhưng cũng chính trong lúc này, dịch HIV/AIDS vẫn hoành hành, gây tỉ lệ tử vong cao trên thế giới và có rất ít dấu hiệu suy giảm. Trong năm qua, mỗi phút đồng hồ của một ngày trôi đi, có khoảng mười người bị nhiễm HIV. Ở những khu vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất, tuổi thọ của người dân bị giảm sút nghiêm trọng. HIV/AIDS đang lây lan với tốc độ báo động ở phụ nữ. Giờ đây phụ nữ đã chiếm tới một nửa trong tổng số người nhiễm trên toàn thế giới. Bệnh dịch này đang lan rộng

Nhiều bằng chứng (sự việc thực tế và số liệu thống kê) cho thấy những nỗ lực đã có là chưa đủ.

[1] Cô-phi An-nan (1938 – 2018) sinh tại Ga-na (Ghana), nguyên là Tổng Thư kí Liên hợp quốc trong hai nhiệm kì, từ năm 1997 đến năm 2006. Ông coi đấu tranh chống đại dịch AIDS là một ưu tiên trong chương trình hành động của Liên hợp quốc và đã khởi xướng thành lập Quỹ Y tế và AIDS toàn cầu. Năm 2001, Cô-phi An-nan và tổ chức Liên hợp quốc được trao giải Nô-ben Hoà bình.

nhanh nhất ở chính những khu vực mà trước đây hầu như vẫn còn an toàn – đặc biệt là Đông Âu và toàn bộ châu Á, từ dãy núi U-ran (Ural) đến Thái Bình Dương.

Chúng ta đã không hoàn thành được một số mục tiêu đề ra cho năm nay theo *Tuyên bố về Cam kết phòng chống HIV/AIDS*. Nhưng điều quan trọng hơn là chúng ta đã bị chậm trong việc giảm quy mô và tác động của dịch so với chỉ tiêu đã đề ra cho năm 2005. Lẽ ra chúng ta phải giảm được 1/4 số thanh niên bị nhiễm HIV ở các nước bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất; lẽ ra chúng ta phải giảm được một nửa tỉ lệ trẻ sơ sinh bị nhiễm; và lẽ ra chúng ta phải triển khai các chương trình chăm sóc toàn diện ở khắp mọi nơi. Với tiến độ như hiện nay, chúng ta sẽ không đạt được bất cứ mục tiêu nào vào năm 2005.

Sử dụng các yếu tố biểu cảm (nêu nạn nhân là phụ nữ và trẻ em) để tác động đến tình cảm, cảm xúc của người tiếp nhận.

Rõ ràng, chúng ta cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa để thực hiện cam kết của mình bằng những nguồn lực và hành động cần thiết. Chúng ta không thể tuyên bố rằng những thách thức cạnh tranh có ý nghĩa quan trọng hơn và cấp bách hơn. Chúng ta phải đưa vấn đề AIDS lên vị trí hàng đầu trong chương trình nghị sự về chính trị và hành động thực tế của mình.

Lí lẽ và bằng chứng chứng minh sự chậm trễ đặt ra thách thức mang tính toàn cầu.

Đó là lí do chúng ta phải công khai lên tiếng về AIDS. Dè dặt, từ chối đối mặt với sự thật không mấy dễ chịu này, hoặc vội vàng phán xét đồng loại của mình, chúng ta sẽ không đạt được tiến độ hoàn thành các mục tiêu đề ra, thậm chí chúng ta còn bị chậm hơn nữa, nếu sự kì thị và phân biệt đối xử vẫn tiếp tục diễn ra đối với những người bị HIV/AIDS. Hãy đừng để một ai có ảo tưởng rằng chúng ta có thể bảo vệ được chính mình bằng cách dựng lên các bức rào ngăn cách giữa "chúng ta" và "họ". Trong thế giới khốc liệt của AIDS, không có khái niệm chúng ta và họ. Trong thế giới đó, im lặng đồng nghĩa với cái chết.

Nêu ý kiến trái chiều để phản bác nhằm tăng sức thuyết phục cho bài viết.

Nhân ngày Thế giới phòng chống AIDS năm nay, tôi kêu gọi các bạn hãy cùng với tôi lên tiếng thật to và dõng dạc về HIV/AIDS. Hãy cùng tôi đánh đổ các thành luỹ của sự im lặng, kì thị và phân biệt đối xử đang vây quanh bệnh dịch này.

Hãy sát cánh cùng tôi, bởi lẽ cuộc chiến chống lại HIV/AIDS bắt đầu từ chính các bạn.

Cách kết bài gây ấn tượng đối với người đọc, kêu gọi mọi người thay đổi nhận thức và hành động.

(Theo bản dịch đăng trên báo *Giáo dục và Thời đại*, số ra ngày 11/12/2003, in trong *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập một, Sđd, tr. 217 – 219)

1. Tác giả viết bài này trong bối cảnh nào?
2. Bài viết kêu gọi điều gì? Lời kêu gọi đó hướng đến đối tượng nào?
3. Những luận điểm nào được tác giả triển khai để thuyết phục người tiếp nhận hưởng ứng cuộc đấu tranh chống lại HIV/AIDS? Lí lẽ và bằng chứng được dùng trong văn bản có gì đáng chú ý?
4. Ý kiến trái chiều nào được đề cập trong văn bản? Việc nêu ý kiến trái chiều đó có tác dụng gì?
5. Theo bạn, lời kêu gọi của tác giả có thể nhận được sự hưởng ứng rộng khắp không? Nếu có thì sự hưởng ứng đó do đâu mà có?

Thực hành viết

Chuẩn bị viết

Trước hết, cần xác định vị thế của bản thân khi viết bài phát biểu. Có thể viết với tư cách là người hưởng ứng (đồng tình, ủng hộ) một phong trào hoặc một hoạt động xã hội do một tổ chức hay cá nhân khác phát động (khởi xướng). Cũng có thể viết với tư cách là người phát động, khởi xướng phong trào hoặc hoạt động đó. Dù với tư cách gì thì bài viết của bạn cũng phải gắn với nhu cầu giải quyết những vấn đề bức thiết của đời sống và đòi hỏi sự quan tâm, hưởng ứng của đông đảo công chúng. Đây là điểm khác biệt đáng kể giữa đề tài của bài viết này với đề tài của những bài văn nghị luận thông thường mà bạn đã từng viết. Có thể tham khảo một số vấn đề sau để triển khai bài viết: Hưởng ứng phong trào "lối sống xanh" để giảm thiểu tác động tiêu cực của con người đến môi trường; Hưởng ứng ngày Quốc tế Tiếng mẹ đẻ; Hưởng ứng ngày Hội đọc sách; Tham gia trồng cây để trả lại màu xanh cho quê hương; Cùng nhau hành động chống bạo lực học đường.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Đọc lướt một lần nữa bài viết tham khảo, chú ý đến cấu trúc và trình tự triển khai các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản, tự đặt một số câu hỏi theo gợi ý sau để tìm ý:

– Phong trào hoặc hoạt động xã hội được đề cập trong bài viết nhằm giải quyết vấn đề bức thiết gì của đời sống? Bạn viết bài này với tư cách gì (hưởng ứng hay phát động) và hướng đến đối tượng nào?

Đọc bài viết tham khảo, có thể thấy tác giả đặt vấn đề rất rõ ràng: Cần phải có sự cam kết, nguồn lực và hành động để đánh bại căn bệnh HIV/AIDS. Đối tượng hướng đến là chính phủ các nước, các công ti, nhóm từ thiện, tổ chức phi chính phủ.

– Vì sao mọi người cần quan tâm đến phong trào hoặc hoạt động mà bạn đề cập? Nó có tầm quan trọng và tính cấp thiết như thế nào? Làm thế nào để thuyết phục mọi người tin điều đó?

Việc trả lời những câu hỏi này giúp bạn truyền tải được thông điệp đến người tiếp nhận một cách mạnh mẽ và thu hút sự quan tâm của họ. Để thuyết phục đối tượng tiếp nhận, tác giả bài viết tham khảo đã mô tả tình trạng "dịch HIV/AIDS vẫn hoành hành", "trong năm qua, mỗi phút đồng hồ của một ngày trôi đi, có khoảng mười người bị nhiễm HIV".

– Đối tượng mà bài viết hướng đến cần phải làm gì để hưởng ứng hoặc đáp lại lời kêu gọi của bạn?

Trong bài viết, Cô-phi An-nan kêu gọi: "Hãy cùng tôi đánh đổ các thành luỹ của sự im lặng, kì thị và phân biệt đối xử đang vây quanh bệnh dịch này.". Trong bài viết của mình, bạn có thể kêu gọi người đọc thay đổi nhận thức hoặc có hành động tức thời và mạnh mẽ.

– Những lí lẽ và bằng chứng nào cần được huy động?

Bài viết tham khảo triển khai mạch các ý theo logic tường minh và đơn giản: Ngân sách dành cho phòng chống HIV/AIDS đã được tăng lên một cách đáng kể nhưng dịch HIV/AIDS vẫn hoành hành. Thế giới đã bị chậm trễ trong việc phòng chống dịch bệnh. Chúng ta cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa. Các bằng chứng là những sự việc thực tế và số liệu thống kê cụ thể.

Về phần mình, bạn có thể sử dụng những loại bằng chứng phổ biến như: bằng chứng lấy từ sự việc thực tế mà người viết chứng kiến; bằng chứng lấy từ các nghiên cứu khoa học; bằng chứng dựa trên niềm tin được công nhận rộng rãi; bằng chứng dựa trên ý kiến của chuyên gia; bằng chứng lấy từ số liệu thống kê, thông tin được lượng hoá;... Các bằng chứng cần sát hợp, đáng tin cậy và được lấy từ nhiều nguồn khác nhau để lí lẽ của bạn có sức thuyết phục.

– Liệu có ý kiến nào trái ngược với quan điểm mà bạn nêu ra hay không? Có thể phản bác ý kiến đó như thế nào?

Khi phát đi thông điệp về phòng chống HIV/AIDS, Cô-phi An-nan đã tính đến khả năng có người cho rằng thế giới đang phải đối mặt với những thách thức khác cấp bách hơn việc phòng chống HIV/AIDS hay chúng ta chỉ cần giữ khoảng cách, tránh xa các bệnh nhân AIDS. Khi kêu gọi mọi người hành động cho một mục tiêu cao cả nào đó, chúng ta cũng cần tính đến khả năng không phải ai cũng đồng ý với mình, vì vậy cần có lí lẽ, bằng chứng để đối thoại với họ.

– Những yếu tố bổ trợ nào (thuyết minh, biểu cảm,...) cần được sử dụng để tăng cường sức thuyết phục cho bài viết?

Khi nói đến nạn nhân của HIV/AIDS, tác giả bài viết tham khảo tập trung vào đối tượng là phụ nữ và trẻ em nhằm tác động mạnh mẽ đến tình cảm, cảm xúc của người tiếp nhận. Về phần mình, bạn cần lựa chọn những yếu tố bổ trợ phù hợp, đó có thể là một mẩu chuyện ngắn, một chi tiết gây xúc động cho người đọc,...

Lập dàn ý

Sau khi tìm được các ý, cần soát lại và sắp xếp những ý đó một cách hệ thống để lập thành dàn ý cho bài viết.

Mở bài: Nêu phong trào hoặc hoạt động xã hội mà người viết hưởng ứng hoặc muốn phát động và nói rõ tầm quan trọng, tính cấp bách của nó.

Thân bài:

– Trình bày hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc.

– Nêu được ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận.

– Sử dụng các yếu tố thuyết minh và biểu cảm,...

Kết bài: Thể hiện thông điệp (hưởng ứng hoặc kêu gọi) dưới dạng những câu nói ngắn gọn và mạnh mẽ, thúc giục người tiếp nhận thay đổi nhận thức hoặc có hành động đáp ứng phù hợp.

Viết

– Bài phát biểu trong một buổi lễ phát động đòi hỏi tính hùng biện cao, vì vậy, cần có cách mở đầu thu hút được sự chú ý của người đọc. Cách thông dụng là mở đầu bằng việc đặt một câu hỏi nêu vấn đề, kể một mẩu chuyện để dẫn dắt vào vấn đề hoặc đưa ra một kết quả nghiên cứu kèm theo số liệu thống kê. Để thông điệp không bị bỏ qua hay lãng quên, cần có kết bài gây ấn tượng đối với người đọc.

– Chú ý điều tiết nhằm đảm bảo nội dung vừa đủ, phù hợp với thời gian để đọc trước công chúng (nếu bài phát biểu được đọc trong một buổi lễ) hoặc duy trì được hứng thú của người đọc (nếu bài phát biểu được phổ biến dưới hình thức văn bản viết).

– Ngôn ngữ sử dụng trong bài (bao gồm cả cách xưng hô) cần phù hợp với mục đích và đối tượng mà bạn muốn kêu gọi. Việc dùng một số câu khiến có thể phù hợp trong bài phát biểu, góp phần làm cho lời kêu gọi trở nên mạnh mẽ.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đọc lại bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để chỉnh sửa, hoàn thiện. Cụ thể:

– Rà soát cấu trúc và nội dung chung của văn bản; đảm bảo bài viết có đủ ba phần, mỗi phần đều được triển khai đáp ứng yêu cầu đã được nêu trong dàn ý và trong phần *Viết*.

– Kiểm tra hệ thống lí lẽ, bằng chứng để đáp ứng yêu cầu chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.

– Xem xét phong cách văn bản để đảm bảo tính trang trọng, có cách xưng hô phù hợp với vị thế của người viết trong quan hệ với đối tượng tiếp nhận; tránh những lời kêu gọi đại ngôn hoặc cách nói sáo rỗng, cũ mòn.

– Rà soát lỗi chính tả, dùng từ ngữ, đặt câu; lỗi về mạch lạc và liên kết trong mỗi đoạn văn và giữa các đoạn văn.

NÓI VÀ NGHE

Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước

Yêu cầu

- Nêu được vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
- Trình bày rõ vấn đề trên cả hai phương diện (cơ hội và thách thức), thể hiện được mối quan hệ qua lại giữa cơ hội và thách thức: trong cơ hội có thể có thách thức, trong thách thức có thể có cơ hội; sử dụng hiệu quả các lí lẽ và bằng chứng để chứng minh cho mỗi phương diện.
- Đề xuất được giải pháp để tăng cường cơ hội, vượt qua thách thức, góp phần đưa đất nước phát triển.
- Rút ra được ý nghĩa của việc thuyết trình: nâng cao nhận thức của mỗi người về những vấn đề có liên quan đến sự phát triển của đất nước.

Chuẩn bị nói

Lựa chọn đề tài

Bạn cần lựa chọn một vấn đề thực sự có ý nghĩa đối với đất nước trong bối cảnh hiện nay, chẳng hạn: Vấn đề sản xuất nông sản sạch; Phát triển du lịch bền vững; Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào một số lĩnh vực đời sống; Tác động của quá trình đô thị hoá;...

Tìm ý và sắp xếp ý

Sau khi xác định được vấn đề, cần tìm ý và xây dựng dàn ý cho bài thuyết trình. Để có hướng tìm ý, hãy nêu một số câu hỏi đi sâu vào các mặt của vấn đề:

– Bản chất của vấn đề là gì?

– Vấn đề mang lại cơ hội hay đặt ra thách thức cho đất nước hoặc có tác động trên cả hai phương diện?

– Hai phương diện đó (cơ hội và thách thức) cần được trình bày như thế nào? Những lí lẽ, bằng chứng nào có thể dùng để chứng minh?

– Cần làm gì để phát huy cơ hội và vượt qua thách thức mà vấn đề đặt ra?

Sau khi tìm được đầy đủ các ý, hãy sắp xếp những ý tìm được một cách hợp lí thành dàn ý của bài thuyết trình, gồm đủ các phần *Mở đầu, Triển khai, Kết luận*.

Thực hành nói

– *Mở đầu*: Nêu vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước. Việc giới thiệu vấn đề để thuyết trình có thể thực hiện bằng nhiều cách: kể một câu chuyện nhỏ, tóm lược

một bản tin thời sự, đưa ra một kết quả nghiên cứu kèm theo số liệu thống kê, đưa ra một bức tranh hoặc bức ảnh có tính chất gợi dẫn về vấn đề,...

– *Triển khai*:

+ Nêu khái quát bản chất của vấn đề và nhận xét chung về ý nghĩa của vấn đề đối với đất nước.

+ Phân tích cả tác động tích cực và tiêu cực của vấn đề. Tuỳ thuộc vào từng vấn đề cụ thể mà các ý nói về tác động tích cực hay tiêu cực được nhấn mạnh hơn. Trên thực tế, ít có vấn đề chỉ mang lại cơ hội hoặc chỉ đặt ra thách thức: trong cơ hội có thách thức, trong thách thức có cơ hội.

+ Dùng ngôn ngữ và các phương tiện hỗ trợ giúp người nghe nắm được một cách chính xác, chi tiết, đầy đủ về vấn đề.

– *Kết luận*: Nêu ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề.

Trao đổi, đánh giá

– Người nghe có thể nhận xét về sự cần thiết của vấn đề thuyết trình, độ chính xác của các thông tin; tính thuyết phục của các lí lẽ, bằng chứng; cách sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ của người nói. Nếu có nội dung nào chưa rõ, có thể yêu cầu người nói giải thích thêm.

– Người nói cần làm rõ một số chi tiết trong bài nói theo yêu cầu của người nghe, trao đổi lại các ý kiến đánh giá về nội dung và cách thực hiện bài thuyết trình.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

1. So sánh đặc trưng của văn bản trữ tình, tự sự và kịch được thể hiện trong *Vội vàng* (Xuân Diệu), *Trở về* (Ơ-nít Hê-minh-uê), *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ).

2. Phân tích giá trị của văn học được thể hiện trong các văn bản trên.

3. Tìm đọc một số văn bản nghị luận về giá trị của văn học đối với đời sống con người. Tóm tắt các quan điểm, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng được tác giả sử dụng trong văn bản.

4. Lập dàn ý chi tiết cho bài phát biểu nhân một trong những sự kiện sau:

– Lễ phát động phong trào quyên góp sách cho thư viện trường học

– Lễ phát động phong trào làm sạch đường phố

– Lễ phát động tuần lễ *Nói không với kì thị giới*

5. Tổ chức một buổi thuyết trình về những suy nghĩ, lựa chọn của thế hệ trẻ trong tương lai trước những cơ hội và thách thức của đất nước.

THỰC HÀNH ĐỌC

Một số điều cần lưu ý khi đọc văn bản:

- Phân tích giọng điệu của người trần thuật xưng "tôi" và mạch liên kết các sự kiện.
- Chú ý đến sức gợi của những chi tiết dệt nên "khúc đồng quê" của kí ức.
- Hiểu được giá trị, ý nghĩa của văn chương trong việc làm giàu nội tâm, nuôi dưỡng không gian tinh thần riêng ở mỗi con người.

Khúc đồng quê

(Trích *Cô bé nhìn mưa*)

Đặng Thị Hạnh[1]

Tôi ở một cái làng mà thời gian dường như không trôi[2], khí hậu Thanh Hoá ôn hoà tới mức nhớ lại, tôi không còn nhận thức gì về xuân hạ thu đông. Diễn biến của mùa thể hiện rõ hơn theo các vụ lúa, mùa thu là rõ nét nhất bởi đấy là lúc thu hoạch lúa, sân gạch nhà bác Chủ đầy những đọn lúa[3] tươi, bác gái và mấy cô con gái chít khăn lên đầu để đỡ bụi rồi bắt đầu đập lúa, quạt lúa, phơi thóc. Chỉ ít lâu sau đấy từ sớm, tôi đã có thể thấy những đụn rơm cao trong vườn, và tôi có nhiều thì giờ tới mức có thể tựa lưng vào vách hàng giờ để nhìn thấy từng cọng rơm xẹp và ướt do sương đêm dần dần gối nhau nở ra, rõ từng cọng một dưới ánh mặt trời. Thật là đẹp.

Buổi sáng tôi thường ra sông Chu giặt. Giặt xong ngâm bàn chân dưới nước, tôi đứng hồi lâu nhìn dòng sông trôi, có lúc sau những trận mưa nguồn, còn mang theo ít bọt, củi khô, bèo và rong rêu. Còn ngay ở Yên Lộ[4], hình như không có mưa rào hay mưa dầm như kiểu ở làng Quỳnh[5]. Sau đó về nhà tôi đọc truyện cho đến gần trưa, rồi tôi lên khung cửi thay mẹ tôi dệt để mẹ tôi đi nấu cơm, dệt cửi lúc này đã xuống cấp nghiêm trọng, chẳng còn lụa là gì như thời Quỳnh Đôi, mà chỉ là vải thô, sang là vải rồng, rồi sẽ nhuộm nâu non để các cô thanh nữ Thanh Hoá may áo vạt và khăn chít đầu. Buổi chiều nếu không đọc truyện, tôi đi lang thang một mình trên con đê Yên Lộ, giữa các cánh đồng và cảm thấy thế giới của tôi – với những nhân vật tiểu thuyết tôi luôn nung nấu trong đầu – thế là hoàn toàn đầy đủ. [...]

---

(1) Đặng Thị Hạnh (1930 – 2023) quê ở tỉnh Nghệ An, là nhà giáo, nhà văn, chuyên gia nghiên cứu về văn học Pháp; các tác phẩm chính: *Lịch sử văn học Pháp thế kỉ XX*, tập III (Chủ biên, 1993), *Một vài gương mặt văn xuôi Pháp thế kỉ XX* (2000), *Tiểu thuyết Huy-gô (Hugo)* (2002), *Cô bé nhìn mưa* (2021),...

(2) Tác giả hồi tưởng về những ngày sống ở tỉnh Thanh Hoá trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp; lúc đó, Thanh Hoá là vùng tự do, làm thành một trong những hậu phương rộng lớn và vững chắc của cuộc kháng chiến.

(3) *Đọn lúa*: thân và bông lúa đã cắt, được bó lại thành bó nhỏ.

(4) *Yên Lộ*: thuộc địa phận tỉnh Thanh Hoá.

(5) *Làng Quỳnh*: nay thuộc xã Quỳnh Anh, tỉnh Nghệ An – quê ngoại của tác giả.

Có thể nói mấy năm đó, tôi chỉ đối mặt với tôi. Mẹ tôi ở trong căn nhà như một hiện diện thân yêu, che chở và giúp đỡ tôi về mọi mặt, có thể hiểu tôi ở mọi ý muốn mà không bao giờ phải hỏi tôi một điều gì. Sau này tôi mới biết không ai còn hiểu tôi và yêu tôi đến như vậy. Về ăn mặc, tôi không đòi hỏi gì và nhất nhất làm theo ý mẹ tôi. Những áo dài lụa vân của mẹ tôi thời còn ở Hà Nội màu gỗ hồng, màu hương khói,... (nghĩa là hơi già so với tuổi tôi), thỉnh thoảng khi cần đi đâu, mẹ tôi lấy trong hòm ra, tôi đều mặc. Những áo ngắn để mặc với quần đen, bằng đũi[1] màu ngà có một vẻ đẹp và một mùi thơm riêng tôi đều rất thích. Khi phải nhuộm áo màu sẫm để tránh máy bay, vốn là con gái dệt lụa làng Quỳnh, mẹ tôi thường tự tay nhuộm lấy: nếu nhuộm bằng vỏ cây đa, áo sẽ có màu nâu nhạt, gọi đúng tên là màu rose-thé (hồng chè) hợp với da tôi, còn nếu nhuộm phẩm đỏ rồi nhấn qua vài nước củ nâu cho "cắn" màu thì chiếc áo đũi sẽ thành màu rượu chát, cũng là một màu tôi rất thích. Sau này ít tháng, bác Ngọc, bạn của ba mẹ tôi sẽ cho tôi một cái áo màu xác pháo, chất đũi mềm, sợi to hơn lụa với những sọc ngang dọc ẩn hiện, đó là chiếc áo đỏm dáng nhất của tôi trong kháng chiến. Dù là chiến tranh, cũng vẫn có thể có những áo đẹp. Mẹ tôi là một người đàn bà giản dị, tâm hồn ngây thơ, nhưng vẫn thấu hiểu những sở thích của tôi có khi hơn cả tôi, tôi nghĩ thế.

Một *cuộc sống điền viên* thật sự, nhưng chẳng có gì giống với các tiểu thuyết đồng quê Pháp đầu thế kỉ XVII – ở đấy các mục đồng là những quý tộc trá hình thành những người chăn cừu đàm thoại và mơ mộng không thôi về tình yêu. Đây đơn giản chỉ là một thời mà bây giờ nhìn lại thấy thật xa xôi và quý giá, khi tất cả đều sống trong những ngôi nhà mà cửa gỗ đến đêm chỉ khép hờ, không hề chốt. Cũng là điền viên khi ta ít biết đến buôn bán, mấy ngày mới có một phiên chợ. Từ bé tôi đã nghe nói mẹ tôi rất mát tay: các rau ăn hằng ngày mẹ tôi trồng xanh mơn mởn. Các bữa cơm đều thanh đạm mà ngon lành. Món chủ chốt là rau muống luộc hoặc ăn sống, mẹ tôi trồng tưới toàn bằng nước lã. Bụi kinh giới cạnh bếp cao chưa từng thấy. Để làm rau muống sống, mẹ tôi không tỉa mà chỉ tước bớt lá, bóp cuộng cho mềm rồi chấm tương, tương cũng do mẹ tôi tự làm, tương thời ấy chưa xay thành bột như hiện nay mà bao giờ cũng lăn tăn hạt nếp trắng lẫn đậu tương. Thêm một đĩa tép chắn ngoài đồng hoặc cá đồng kho mặn, ở đây làm gì có "cá bể kho lạt" như ở làng Quỳnh của mẹ tôi? Thực đơn đều đặn này cứ đến phiên chợ lại thay đổi: mẹ tôi ra chợ mua nửa cân thịt thăn, một ít bún, và chúng tôi ăn bún chan với nước thịt thăn nấu cà chua. Đó là kí hiệu của bữa cơm phiên chợ mà tôi sẽ còn nhớ mãi cho tới sau này, khi lên Việt Bắc và xa mẹ tôi: thịt thăn thời đó thơm và ngọt hơn bây giờ, dĩ nhiên vì lợn chưa ăn "tăng trọng", nhưng dù không tính tới quy luật của xã hội tiêu thụ cứ khiến mọi thứ quay vòng ngày càng nhanh (để càng có nhiều lợi nhuận) – thì điều ai cũng biết là bát canh rau, củ khoai luộc,... mẹ nấu từ "ngày xửa ngày xưa" bao giờ cũng ngon hơn mọi thứ ta ăn sau này.

---

[1] *Đũi*: loại tơ thô được kéo từ tơ gốc và áo nhộng.

Sống gần như một mình, giữa một đồng quê yên tĩnh, tôi chỉ được nghe vẳng lại từ xa, âm hưởng của một cuộc sống khác. Âm thanh của chiến tranh đến với tôi thường là muộn, qua những bài hát mang tên những trận đánh, tôi nghe được nhờ cái đài bé tí của ba tôi, thời ấy có đài đã là rất đặc biệt. Khi đài ba tôi phát bài: "Sông Lô, nước đục trời trong..." trận đánh hẳn đã qua lâu rồi, dù sao câu hát cũng vẫn thật đẹp chính ở chỗ nó đảo lại trật tự thông thường của màu sắc: nước thường trong và trời thường vẩn mây (tôi nghe sai câu hát).

Hằng ngày đi lang thang trên đê Yên Lộ, tôi ôn lại những truyện tôi vừa đọc. Bằng những con đường khác nhau, sách lại về trong nhà tôi, phần lớn là sách Pháp: tiểu thuyết Pháp, nhất là tiểu thuyết Nga (thời kì này là của Liên Xô) dịch ra tiếng Pháp: *Pa-ri thất thủ* của Ê-ren-bua (Ehrenburg), *Người mẹ* của Go-rơ-ki (Gorky), *Thép đã tôi thế đấy* của A-xtơ-rốp-xki (Ostrovsky), *Đội Cận vệ trẻ* của Pha-đê-ép (Fadéev),... Các nhân vật anh hùng trẻ tuổi của thời cách mạng Nga đã nghiễm nhiên trùng khít với nhân vật anh hùng của chủ nghĩa lãng mạn Pháp thậm chí với hoàng tử xứ Đan Mạch, người tôi "tôn thờ" từ khi còn rất ít tuổi: cũng vẫn những gương mặt xanh xao, những tâm hồn cao quý. Nhưng Pa-ven Coóc-sa-ghin (Pavel Korchagin)[1] không còn do dự như Hăm-lét (Hamlet) và Ô-phê-li-a (Ophélia) thay vì tự vẫn đã trở thành Li-da (Lisa)[2] thanh mảnh và kiên nghị.

Tôi còn phác ra những chuyện mới trong đó nhân vật chính là một cô thiếu nữ không xác định về hình hài, tên tuổi. Duy có điều, trong các khâu nối tiếp của câu chuyện tình mà Mô-li-e (Molière) đã định nghĩa một cách hài hước qua lời của một nhân vật trong *Những nàng cầu kì rởm* (gặp gỡ, tỏ tình, cản trở của bố mẹ, kết hôn), tôi không bao giờ vượt qua được khâu đầu tiên. Và xung quanh khâu "gặp gỡ", tôi thêu dệt không biết bao nhiêu nơi chốn và tình huống khác nhau, "le prince charmant[3]" cũng giống như nữ nhân vật chính đều không có mặt, ý tôi nói không có dung nhan cụ thể. (Còn các khâu tiếp sau, tìm hiểu, nói chuyện, tỏ tình vân vân... và vân vân... thì tôi chịu chết). Có thể nói đó là "một sự bắt đầu trở lại vô tận". Nói như Xác-tơ-rơ (Sartre) khi ông viết về những truyện kể ông tưởng tượng ra khi còn bảy tuổi: "Tôi lại xoá tất, rồi tôi bắt đầu trở lại... Giấc mơ là một truyện kể ngàn lần được lặp lại". Những "tiểu thuyết" của tôi chỉ dừng lại ở bước phôi thai của thể loại, nó giống những khúc đồng quê "hướng tới một lí tưởng về sự đơn sơ vô tội".

[...] Thực sự cuốn tiểu thuyết thời tuổi trẻ của tôi cũng chưa phải là một tiểu thuyết, mà mới chỉ là một khúc đồng quê – ở đấy thậm chí không có mục đồng và những đàn cừu – có lẽ nó chỉ có chung một điểm với các khúc nhạc đồng quê hay các tiểu thuyết điền viên: đó là mộng tưởng về một cái gì đó giản dị và ngây thơ, trong trắng.

(Đặng Thị Hạnh, *Cô bé nhìn mưa*, NXB Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội, 2021, tr. 159 – 163, 173)

---

(1) *Pa-ven Coóc-sa-ghin*: nhân vật chính trong tiểu thuyết tự thuật *Thép đã tôi thế đấy*.

(2) *Li-da*: một nhân vật trong tiểu thuyết *Đội Cận vệ trẻ* (hay *Đội Cận vệ thanh niên*, theo bản dịch tiếng Việt phổ biến ở nước ta mấy chục năm nay).

(3) *Le prince charmant*: hoàng tử quyến rũ.

ÔN TẬP HỌC KÌ II

Yêu cầu cần đạt

- Hệ thống hoá được những kiến thức đã hình thành trong học kì II.
- Củng cố được các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe thông qua việc nhìn lại nội dung những hoạt động đã triển khai.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã có vào việc thực hiện các bài tập mang tính tổng hợp.

I. HỆ THỐNG HOÁ KIẾN THỨC ĐÃ HỌC

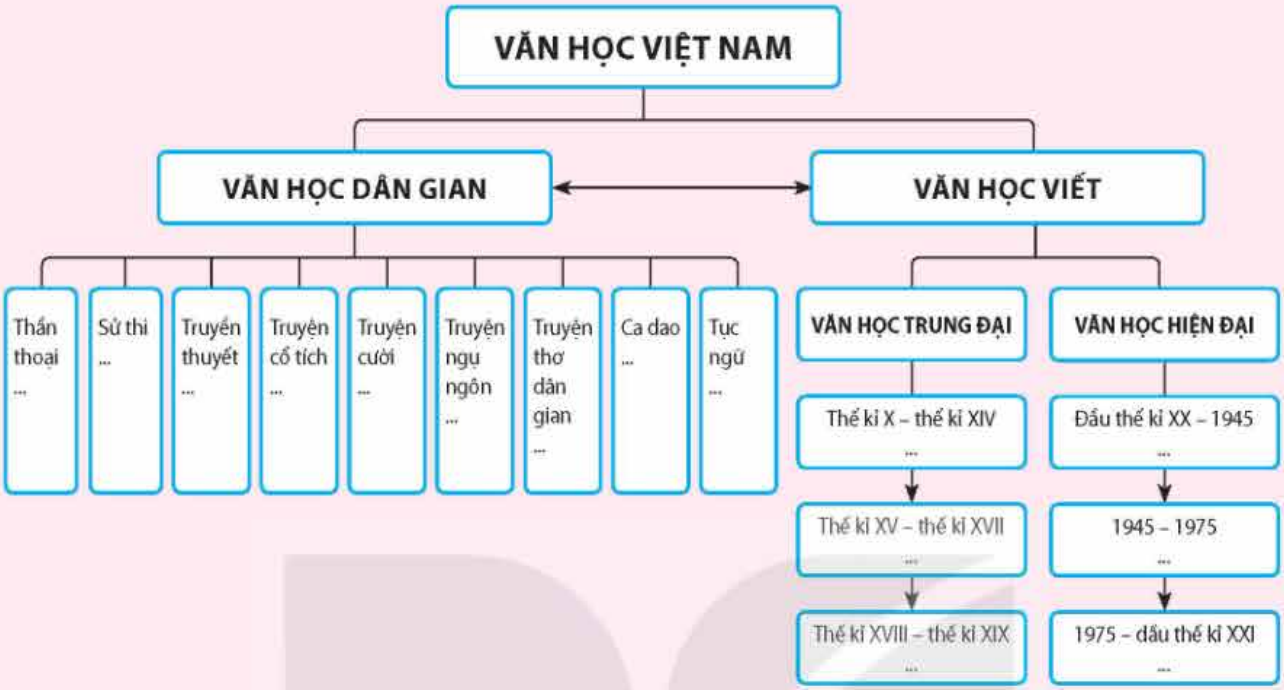
1. Liệt kê và chia nhóm các văn bản đọc có trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12*, tập hai theo loại văn bản và thể loại văn học. Nêu tên những văn bản thuộc một thể loại văn học chưa được học trước đó (nếu có).

2. Phân tích mối quan hệ mật thiết giữa *Yêu cầu cần đạt* và phần *Tri thức ngữ văn* ở mỗi bài học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12*, tập hai. Nêu tác dụng thiết thực của việc nắm bắt các khái niệm then chốt được giới thuyết ở phần *Tri thức ngữ văn* đối với việc đọc hiểu các văn bản có trong từng bài học.

3. Các văn bản đọc ở Bài 6 (*Hồ Chí Minh – "Văn hoá phải soi đường cho quốc dân đi"*) thuộc những loại văn bản và thể loại văn học nào? Nêu lí do dẫn đến sự đa dạng về loại, thể loại của các văn bản được chọn học ở đây, xét từ góc độ người sáng tác và từ đặc trưng của bài học về tác gia.

4. Sách giáo khoa *Ngữ văn 12*, tập hai đã hướng dẫn thực hành tiếng Việt theo những nội dung gì? Nêu ý nghĩa của việc thực hành những nội dung đó đối với việc khám phá nét đặc sắc về mặt ngôn ngữ của các văn bản đọc.

5. Xem kĩ sơ đồ dưới đây và thực hiện các yêu cầu kèm theo (ở quy mô nhóm học tập):



a. Vẽ lại sơ đồ trên giấy khổ lớn (có thể theo một hình thức khác, nhưng vẫn đảm bảo được các thông tin chính).

b. Ghi tên một số tác phẩm văn học dân gian Việt Nam tiêu biểu (đã học theo sách giáo khoa Ngữ văn từ lớp 6 đến lớp 10) vào các ô phù hợp trong sơ đồ.

c. Ghi tên một số tác phẩm văn học viết Việt Nam tiêu biểu (đã học theo sách giáo khoa Ngữ văn từ lớp 6 đến lớp 12) vào các ô phù hợp trong sơ đồ. *Lưu ý*: Ghi kèm tên tác giả, thể loại; đối với văn học trung đại Việt Nam, cần đề rõ tác phẩm thuộc loại hình sáng tác chữ Hán hay chữ Nôm.

d. Nêu nhận xét khái quát về lịch sử phát triển của văn học Việt Nam dựa trên những thông tin đã được điền bổ sung trong sơ đồ vẽ lại.

6. Liệt kê những kiểu bài viết đã được luyện tập trong học kì II. Theo bạn, kiểu bài viết nào trong số đó có khả năng ứng dụng cao hơn cả? Vì sao?

7. Trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12*, tập hai, sự phong phú của hoạt động nói và nghe đã được thể hiện như thế nào? Phân tích một ví dụ cho thấy hoạt động nói và nghe ở lớp cuối cấp có những đòi hỏi cao hơn về kiến thức và kĩ năng so với hoạt động đó ở các lớp dưới.

II. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. ĐỌC

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Lửa bên trong(*)

(Trích)

Đinh Gia Trinh(1)

Trong tâm ta ai chẳng có một nhóm lửa(2). Những khi bồng bột, những khi say mê, ham muốn, ấy là lửa cháy. Có lúc lửa ấy đốt nóng khiến ta bồn chồn, có khi ta trở nên ngang tàng hầu như điên dại. Ta đi ra ngoài mực sống lặng yên của người xung quanh. Nhà bác học suốt ngày đêm cặm cụi trên con toán hoặc trước kính hiển vi, nghệ sĩ theo đuổi những sáng tác đẹp, người hoạt động luôn luôn chống với thất bại để gây sự nghiệp lớn, đều là có sẵn mang nguồn lửa bên trong. Có những ngày bình thản tựa như cuộc đời vô vị sắp lôi cuốn ta, bỗng đọc một bài văn, xem một đoạn sử, nghe một lời diễn thuyết, trông một cảnh tượng, lòng ta phát bồng bột, ham muốn, tôn thờ. Ngọn lửa trong lòng lại bùng cháy và ta nếm trước tất cả cái vị say sưa của một cuộc đời lớn. Ta bồn chồn muốn đạt ngay tới một cái gì oanh liệt.

Tại sao nhà nhạc sĩ trứ danh nọ của nước Đức bao năm ròng khổ hạnh để tập đàn, có khi hằng ngày chỉ ở trong buồng thiếu ánh sáng để kéo, để ấn một thứ âm? Những ngày mà kẻ bàng quan cho là nặng nhọc, nhạc sĩ không nhận thấy khó chịu, vì trong lòng y có một sự say mê làm nóng ấm.

Không tha thiết thì làm nên được việc gì? Không sợ lòng bạo ngược, chỉ sợ lòng nguội lạnh. Giữ lấy nhóm lửa thiêng liêng ở trong lòng, hỡi thanh niên. Còn nó người còn trẻ, nếu nó đã tắt thì dù hai mươi tuổi, người đã già rồi. Không phải lửa cháy là cái tha thiết bỉ ổi của kẻ đi tìm cái no ấm vinh quang bằng những con đường vật chất hạ tiện(3). Lửa cháy là sức mạnh nâng ta về những nẻo cao của hoạt động tinh thần và duy tha(4). Yêu một cái gì đẹp, dù nhỏ mọn, đem dồn nghị lực tâm hồn của mình vào đấy, thế là đã đủ tỏ một giá trị rồi. Gít-đơ (Gide)(5) có một lời bất diệt:

(*) Bài đăng lần đầu trên tạp chí *Thanh Nghị*, số 40, năm 1943.

(1) Đinh Gia Trinh (1915 – 1974) quê ở tỉnh Bắc Ninh, là nhà báo, nhà phê bình văn học, luật sư; các tác phẩm chính: *Sơ thảo lịch sử Nhà nước và Pháp quyền Việt Nam*, tập một – *Thời đại trước phong kiến và thời đại phong kiến (từ nguồn gốc đến thế kỉ thứ XIX)* (1968), *Hoài vọng của lí trí* (1996).

(2) *Nhóm lửa*: đốm lửa, ngọn lửa (nghĩa trong văn bản).

(3) *Hạ tiện*: thấp hèn, tầm thường.

(4) *Duy tha*: hướng về người khác.

(5) *Gít-đơ*: tên đầy đủ là An-đrê Gít-đơ (André Gide, 1869 – 1951), tiểu thuyết gia người Pháp, được trao giải Nô-ben Văn học năm 1947.

"Nếu tâm linh ta có chút giá trị, ấy là vì nó đã cháy hăng hái hơn một vài tâm linh khác." và thực như một danh sĩ phương Tây đã nói: "Thù địch của linh hồn người ta không phải là sự phiền muộn mà là sự tầm thường và uể oải.".

Ta chớ nên bao giờ coi tuổi thanh niên như một giai đoạn tạm thời, để đem ta đến một phận sự, một địa vị, rồi ở đó sống eo hẹp, chật chội, nghèo nàn, gò ép trí não vào những tính toán ti tiện của nghề nghiệp, mà để cái lửa anh linh khi xưa cháy sáng trong lòng thanh niên phai mờ đi, lạnh đi, để hoàn cảnh lôi cuốn chúng ta vào một cuộc sống không tư cách. Ta chớ nên như ai đó quên những danh nhân mà xưa họ sùng bái để dùng trí nhớ ghi tiểu sử vô vị của một thời nhân[1] vì đua mà có danh vọng.

Là thanh niên, ta phải giữ cho lửa trong lòng cháy mãi mãi. Đừng bao giờ để trái tim ta truỵ lạc cho đến nỗi thấy đồng loại ta khổ, ta không động tâm, thấy sự bất bình, ta không phẫn uất, bị sỉ nhục, ta không tức khí. Đừng để trí thức truỵ lạc cho đến nỗi để cho những dục vọng của cơ thể chi phối các hoạt động của thông minh[2]. Hãy giữ lấy mãi mãi cái rung động trước một tác phẩm đẹp, cái mê đắm trong việc khi làm sáng tác, khi hướng dẫn, khi truyền bá.

(Đinh Gia Trinh, *Hoài vọng của lí trí*, NXB Văn học, Hà Nội, 1996, tr. 212 – 214)

1. Xác định ý nghĩa ẩn dụ của hình ảnh "lửa bên trong" và vấn đề chính được tác giả đề cập trong văn bản.
2. Khi viết bài *Lửa bên trong*, tác giả hướng tới đối tượng độc giả nào trước hết? Căn cứ cho phép khẳng định điều đó là gì?
3. Tóm tắt những luận điểm chính của văn bản. Khái niệm "cuộc đời lớn" có mối liên quan như thế nào tới cảm hứng viết và lập luận của tác giả?
4. Theo tác giả, đối với đời sống của mỗi con người, "lửa bên trong" có ý nghĩa gì?
5. Tìm trong văn bản những từ ngữ chỉ trạng thái tâm lí, hoạt động của con người ứng với hai tình trạng: có "lửa bên trong" và không có "lửa bên trong" (lập bảng liệt kê và đối sánh).
6. Chỉ ra một số biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong văn bản. Phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ mà bạn thấy tâm đắc.
7. Văn bản ra đời năm 1943, khi Việt Nam đang chuyển mình bước vào một thời đại mới. Qua những gì được gợi ý từ văn bản, liên hệ đến cơ hội và thách thức của đất nước hiện nay, hãy viết đoạn văn (khoảng 600 chữ) bàn về việc lựa chọn thái độ sống tích cực hướng về cộng đồng của tuổi trẻ.

[1] *Thời nhân*: người hiện thời.

[2] *Thông minh*: lí trí hay ý thức (nghĩa trong văn bản).

2. VIẾT

Chọn một trong các đề sau:

Đề 1. Nêu một bài tập dự án mà bạn hoặc nhóm học tập của bạn muốn thực hiện; phác thảo kế hoạch thực hiện bài tập dự án đó.

Đề 2. Viết bài văn nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến con đường phía trước của tuổi trẻ, từ những gợi ý của các văn bản đọc trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12*, tập hai.

Đề 3. Bạn đã suy nghĩ như thế nào về việc lựa chọn nghề nghiệp của bản thân? Hãy viết bức thư gửi cho một đối tượng phù hợp để trao đổi về vấn đề này.

Đề 4. Giả định bạn là người được mời phát biểu trong lễ phát động một phong trào hay một hoạt động xã hội nào đó. Hãy chuẩn bị bài phát biểu của mình trên cơ sở xác định rõ nội dung của lễ phát động.

3. NÓI VÀ NGHE

Chọn thực hiện theo nhóm học tập một trong các nội dung sau:

Nội dung 1. Trình bày lại kết quả thực hiện bài tập dự án mà bạn hoặc nhóm của bạn đã hoàn thành theo yêu cầu của sách giáo khoa *Ngữ văn 12*, tập hai, trên cơ sở tiếp thu những góp ý và việc hoàn thiện sản phẩm ngay sau hoạt động nói và nghe ở Bài 6.

Nội dung 2. Theo trải nghiệm và hiểu biết của bạn, những vấn đề xã hội nào thường tạo ra sự phân cực trong các ý kiến phân tích, đánh giá, bàn luận? Đề xuất đề tài tranh biện về một vấn đề thuộc loại này và nêu ý kiến riêng của bạn.

Nội dung 3. Cơ hội và thách thức đối với đất nước là một vấn đề lớn mà mỗi cá nhân có thể đề cập theo những cách khác nhau, tuỳ vào nhận thức và vốn sống của mình. Hãy chọn một đề tài phù hợp liên quan đến vấn đề này để thuyết trình.

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

STT	THUẬT NGỮ	BÀI	TRANG
1	bài tập dự án	6, Ôn tập học kì II	28, 29, 30,...
2	bằng chứng	6, 7, 8, 9	5, 9, 12,...
3	biện pháp tu từ	6, 7, Ôn tập học kì II	4, 27, 39,...
4	câu khiến	6, 9	27, 121
5	cấu tứ	6	12, 36
6	chủ đề	6, 7, 8, 9	5, 44, 50,...
7	cú pháp	6	5
8	dữ liệu	8	63, 64, 68,...
9	dữ liệu sơ cấp	8	63, 64, 68,...
10	dữ liệu thứ cấp	8	63, 64, 68,...
11	điệp ngữ	6	27
12	giá trị giáo dục (của tác phẩm văn học)	9	91
13	giá trị nhận thức (của tác phẩm văn học)	9	91
14	giá trị thẩm mĩ (của tác phẩm văn học)	9	92
15	giá trị văn hoá (của tác phẩm văn học)	9	91, 92
16	hồi kí	7	38, 39, 49,...
17	kí	6, 7, 8	9, 10, 36,...
18	lí lẽ	6, 7, 8, 9	5, 9, 56,...
19	loại hình văn học cách mạng	6	5
20	luận đề	6	5
21	ngôn ngữ thân mật	7	39, 50, 51,...
22	ngôn ngữ trang trọng	7	39, 50, 51,...
23	ngữ âm	9	92, 114
24	ngữ cảnh	7, 9	39, 50, 51,...
25	phong cách nghệ thuật	6	11, 12
26	phóng sự	7	38, 39, 45,...
27	quan điểm sáng tác	6	4, 5, 7,...
28	quyền sở hữu trí tuệ	8	63, 64, 78,...
29	thơ	6, 7, 8, 9	5, 7, 10,...
30	thơ trữ tình	6, 9	9, 11, 95,...
31	thư từ	8	64
32	truyện	6, 7, 8, 9	9, 10, 101,...
33	văn bản nghị luận	6, 7, 8, 9	5, 27, 64,...
34	văn bản thông tin	6, 8	33, 63, 64,...
35	văn chính luận	6	9, 11, 17,...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BẢNG GIẢI THÍCH MỘT SỐ THUẬT NGỮ

STT	THUẬT NGỮ	GIẢI THÍCH
1	bài tập dự án	loại bài tập do cá nhân hoặc nhóm học tập thực hiện ngoài giờ lên lớp, thường nghiên cứu về một đề tài, chủ đề mang tính chất tương đối chuyên sâu có liên quan đến nội dung môn học hoặc hoạt động giáo dục trong nhà trường; có ý nghĩa thiết thực trong việc khuyến khích sáng tạo, rèn luyện khả năng nghiên cứu độc lập, biết tự đề xuất vấn đề và giải quyết các vấn đề thực tiễn của người học
2	dữ liệu sơ cấp	dữ liệu được người thực hiện văn bản thu thập một cách trực tiếp qua hoạt động quan sát, phỏng vấn, điều tra, thí nghiệm,...; có thể tồn tại dưới các hình thức đa dạng như: số liệu điều tra, kết quả khảo sát, thực nghiệm, bản ghi chép, nhật kí, bản vẽ, ảnh chụp tại hiện trường,...
3	dữ liệu thứ cấp	dữ liệu được khai thác bằng con đường gián tiếp, tái sử dụng những nguồn thông tin đã có trước nhằm đưa đến một cái nhìn toàn diện, nhiều chiều hơn về vấn đề
4	giá trị giáo dục (của tác phẩm văn học)	một giá trị cơ bản của tác phẩm văn học, thể hiện khả năng lớn lao của văn học trong việc khơi dậy những tình cảm, tư tưởng tốt đẹp, hỗ trợ quá trình tự nhận thức để hoàn thiện bản thân ở độc giả
5	giá trị nhận thức (của tác phẩm văn học)	một giá trị cơ bản của tác phẩm văn học, thể hiện khả năng riêng của văn học trong việc đem lại cho độc giả những tri thức phong phú mang tính tổng hợp, thẩm mĩ, có màu sắc định hướng về tồn tại nói chung và về đời sống xã hội, đời sống cá nhân nói riêng
6	giá trị thẩm mĩ (của tác phẩm văn học)	một giá trị cơ bản của tác phẩm văn học, thể hiện khả năng đặc biệt của văn học trong việc mài sắc giác quan thẩm mĩ, bồi dưỡng lí tưởng thẩm mĩ cho độc giả, giúp độc giả biết nhận ra và rung động trước cái đẹp, biết thưởng thức, thẩm định, bảo vệ, phát huy cái đẹp trong nghệ thuật cũng như trong cuộc sống
7	giá trị văn hoá (của tác phẩm văn học)	một giá trị cơ bản của tác phẩm văn học, thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa văn học và văn hoá mà ở đó văn học thực hiện chức năng vừa phục dựng, bảo tồn các giá trị văn hoá đã được kết tinh, vừa tìm tòi, phát hiện và sáng tạo ra những giá trị văn hoá mới
8	hồi kí	thể loại thuộc loại hình kí, có giá trị tư liệu cao, kể lại từ điểm nhìn chủ quan về những sự kiện, biến cố đã xảy ra trong quá khứ mà tác giả là nhân vật trung tâm hoặc là người tham dự, chứng kiến
9	loại hình văn học cách mạng	loại hình văn học ra đời và phát triển trong thời đại cách mạng (tư sản và vô sản), giàu cảm hứng chính trị, hướng tới việc đấu tranh vì một xã hội tiến bộ hơn, thường tuyên bố công khai quan điểm sáng tác, có ý thức hướng về đại chúng, rất chú ý đến tính chất cổ vũ trực tiếp thông qua cách sử dụng ngôn ngữ và xây dựng những loại hình tượng đặc thù
10	ngôn ngữ thân mật	phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong giao tiếp thường ngày (bao gồm cả nói và viết) thể hiện thái độ thân thiện, gần gũi với người tiếp nhận, thông qua việc lựa chọn cách xưng hô, ngữ điệu, cú pháp và hệ thống từ ngữ phù hợp

STT	THUẬT NGỮ	GIẢI THÍCH
11	ngôn ngữ trang trọng	phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong ngữ cảnh giao tiếp theo nghi thức (bao gồm cả nói và viết), ở đó, chủ thể phát ngôn thường dùng những cách nói và từ ngữ thể hiện thái độ lịch thiệp đối với người tiếp nhận và sự trân trọng với đối tượng được đề cập
12	phóng sự	thể loại văn học thuộc loại hình kí, giàu tính chiến đấu, hình thành trên cơ sở phát triển của báo chí hiện đại; chứa đựng những ghi chép xác thực, cụ thể, sinh động (dựa trên kết quả của hoạt động điều tra, phỏng vấn, ghi chép tại chỗ,...) về một sự việc, hiện tượng có thật mang ý nghĩa thời sự
13	quan điểm sáng tác	hệ thống tư tưởng, nguyên tắc chi phối hoạt động sáng tác của nhà văn, do chính nhà văn xác định dựa trên những trải nghiệm đời sống và nghệ thuật của mình; có thể được tác giả phát biểu một cách tường minh thành các mệnh đề khái quát bằng ngôn ngữ logic, nhưng cũng có thể chỉ tồn tại dưới dạng ngầm ẩn, được người đọc phát hiện dựa vào sự ổn định trong cách tác giả lựa chọn đề tài, xác định chủ đề, thể hiện thái độ và vận dụng các phương thức, phương tiện nghệ thuật
14	quyền sở hữu trí tuệ	quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và thể hiện dưới một hình thức nhất định; được luật hoá trong Luật Sở hữu trí tuệ
15	thư từ	hình thức văn bản phát triển trên cơ sở những trao đổi cá nhân, có đối tượng tiếp nhận mang tính xác định cao hoặc tương đối xác định, được thực hiện theo các mục đích giao tiếp đa dạng (bày tỏ tình cảm, chia sẻ một trải nghiệm, cung cấp thông tin, thuyết phục hay thể hiện sự đồng tình với người đọc về một vấn đề,...); thường sử dụng pha trộn các yếu tố đặc trưng của nhiều kiểu văn bản khác nhau

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

BẢNG TRA CỨU
MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT

STT	YẾU TỐ HÁN VIỆT	NGHĨA YẾU TỐ HÁN VIỆT
1	anh	đẹp, tốt đẹp; cái tinh tuý; tài năng xuất chúng: *anh hoa, anh hào, anh hùng, anh kiệt, anh linh, anh tài, anh tú, anh tuấn, tinh anh,...*
2	âm	– trái với dương; thuộc về cõi chết: *âm dương, âm cực, âm lịch, âm khí; âm binh, âm cung, âm hồn, âm phần, âm phủ,...* – bóng tối, kín đáo, bí mật: *âm mưu, âm u,...*
3	ân	ơn, sự thân thiết: *ân ái, ân huệ, ân nghĩa, ân nhân, ân oán, ân tình,...*
4	bác	rộng, rộng lớn: *bác ái, bác học, uyên bác,...*
5	bản	gốc (cây), đầu gốc của mọi việc; cái ban đầu vốn có: *bản chất, bản lai, bản lĩnh, bản ngã, bản nguyên, bản tính, bản thể,...*
6	bút	vật dùng để viết – vẽ, viết, biên chép: *bút chiến, bút đàm, bút kí, bút lục, bút lực, bút mặc* (bút mực, văn chương), *bút pháp, bút tích, văn bút,...*
7	cải	thay đổi, sửa lại: *cải cách, cải chính, cải lương* (sửa đổi cho tốt hơn), *cải tạo, cải thiện, cải tổ, cải trang, hoán cải,...*
8	công (1)	– chung, chung cho mọi người; thuộc về nhà nước: *công cộng, công sản, công sở, công nhận,...* – công bằng, không nghiêng về một bên: *công bình, công chính, công minh,...* – không che giấu: *công bố, công khai, công nhiên,...*
9	công (2)	công việc, người thợ; kĩ thuật, kĩ xảo: *công cụ, công nhân, công nghiệp, gia công, thủ công,...*
10	công (3)	thành tích, thành tựu đạt được; bỏ công sức để thực hiện: *công đức, công lao, công phu, chiến công; dụng công, lập công,...*
11	công (4)	đánh, đánh phá; chỉ trích, phản đối: *công phá, tấn công; công kích,...*
12	cơ	nền móng, nền tảng; cái căn bản của sự vật: *cơ bản, cơ sở, cơ tầng; căn cơ,...*
13	cương (1)	cứng rắn, cứng cỏi, bền, mạnh mẽ, thẳng thắn: *cương chính, cương nghị, cương quyết, cương trực,...*
14	cương (2)	giềng mối, phần cơ bản của sự vật; phép tắc cơ bản: *cương lĩnh, cương thường, đế cương, kỉ cương; chính cương, luận cương,...*
15	cựu	cũ, xưa, lâu: *cựu học* (lối học cũ), *cựu thù, cố cựu,...*
16	chấn	rung động, vang dội; (tinh thần) hăng hái: *chấn động, địa chấn; phấn chấn,...*
17	chỉ	ý, ý định, ý đồ, mục đích: *tôn chỉ, thánh chỉ, ý chỉ, yếu chỉ,...*
18	chú	– tập trung, để ý vào: *chú mục, chú tâm, chú trọng, chú ý, chuyên chú,...* – giải thích, ghi chú: *chú giải, chú thích, bình chú,...*
19	dẫn	dẫn, dẫn dắt, đưa ra (để làm minh chứng): *dẫn chứng, dẫn dụ, dẫn giải, trích dẫn,...*

STT	YẾU TỐ HÁN VIỆT	NGHĨA YẾU TỐ HÁN VIỆT
20	dục	muốn, ham muốn: *dục vọng, dục tình, dâm dục, nhục dục,...*
21	đảo	ngã, đổ, lật đổ, xoay ngược: *đảo chính, đảo nghịch, áp đảo, đả đảo,...*
22	đạm	nhạt, không đậm; thờ ơ, lạnh nhạt: *bình đạm, thanh đạm, đạm bạc; lãnh đạm,...*
23	gia	– nhà (nơi ở), gia đình, thuộc về gia đình; người hoặc gia đình (làm nghề nào đó): *gia cầm, gia cư, gia chủ, gia thất, gia nhân, gia nghiệp, gia sản, gia súc; binh gia, nông gia, thương gia,...* – trường phái, lưu phái (tư tưởng); (người) có chuyên môn cao: *Nho gia, Pháp gia, Đạo gia; chuyên gia, tác gia, chính trị gia,...*
24	giả	(từ) chỉ người: *độc giả, kí giả, khán giả, soạn giả, tác giả, thính giả,...*
25	hạnh	may mắn, vui mừng: *hạnh ngộ, hạnh phúc, hân hạnh,...*
26	huyết	– máu; có quan hệ ruột thịt máu mủ: *huyết quản, huyết thanh, khí huyết; huyết thống, huyết tộc,...* – mạnh mẽ, hết lòng hết sức: *huyết chiến, nhiệt huyết, tâm huyết,...*
27	khuyến	khuyên bảo, khích lệ: *khuyến học, khuyến mãi, khuyến nông, khuyến khích, khuyến thiện,...*
28	kiệm	không hoang phí, dè xèn, tiết chế: *kiệm ước, cần kiệm, tiết kiệm,...*
29	kỉ (1)	riêng, bản thân mình: *ích kỉ, tự kỉ, vị kỉ,...*
30	kỉ (2)	– giềng mối, (thuộc về) nề nếp, phép tắc: *kỉ cương, kỉ luật,...* – ghi chép; đơn vị chỉ thời gian: *kỉ niệm, kỉ sự* (ghi chép), *kỉ yếu; thập kỉ, thế kỉ,...*
31	luân (1)	đạo lí, phép tắc, đạo đức của con người: *luân lí, luân thường, nhân luân,...*
32	luân (2)	thay đổi lần lượt: *luân chuyển, luân hồi, luân lưu, luân phiên,...*
33	mạo	vẻ ngoài, nét mặt: *diện mạo, dung mạo, tướng mạo,...*
34	nguyên (1)	– mới, đầu tiên; căn bản: *nguyên đán, nguyên khí, nguyên niên* (năm đầu tiên của một triều đại), *nguyên sinh* (động vật), *nguyên tiêu; nguyên tố, nguyên tử,...* – cao nhất, đứng đầu: *nguyên lão, nguyên soái, nguyên thủ, khôi nguyên, trạng nguyên,...*
35	nguyên (2)	– cánh đồng, đồng bằng: *bình nguyên, cao nguyên, thảo nguyên,...* – từ lúc đầu, ban sơ, vốn (từ trước): *nguyên bản, nguyên cảo, nguyên liệu, nguyên tác, nguyên thuỷ, nguyên trạng, nguyên văn,...* – truy cầu, suy tìm cho đến tận gốc rễ để biết được nguồn gốc, nguyên cớ như thế nào: *nguyên cáo, nguyên đơn, nguyên lí, nguyên nhân, nguyên tắc, căn nguyên, suy nguyên, truy nguyên,...*
36	quyền	những gì được làm, được đòi hỏi, được tôn trọng (theo tự nhiên, theo hoàn cảnh phát sinh hoặc do pháp luật quy định): *quyền bính, quyền hạn, quyền hành, quyền lợi, quyền thế, bình quyền, nhân quyền,...*
37	tàng	chứa, trữ; cất giấu, ẩn nấp: *tàng thư, tàng trữ, bảo tàng; tàng hình, hành tàng,...*
38	tắc	quy định, phép tắc, khuôn phép: *chuẩn tắc, nguyên tắc, quy tắc,...*
39	tố	nói, kể, bảo cho biết; kiện, kiện tụng: *tố khổ; tố cáo, tố giác, tố tụng, khởi tố,...*
40	tú	đẹp đẽ, tài giỏi, xuất sắc: *anh tú, tú lệ, thanh tú, tuấn tú, ưu tú,...*

BẢNG TRA CỨU
TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

STT	PHIÊN ÂM	TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI	BÀI	TRANG
1	A-bi-xi-ni-a	Abyssinia	8	77
2	A-đam Xmít	Adam Smith	8	77
3	A-lếch-xăng-đrơ Cờ-lốt Va-ren	Alexandre Claude Varenne	6	21, 22, 23,...
4	A-lếch-xăng-đrơ Min-lơ-răng	Alexandre Millerand	6	24
5	A-ma-dôn	Amazon	8	65
6	A-ri-xtít Bri-ăng	Aristide Briand	6	24
7	A-xi-a-tích	Asiatic	8	75
8	A-xtơ-rốp-xki	Ostrovsky	9	126
9	An-be Tô-ma	Albert Thomas	6	24
10	An-đrê Gít-đơ	André Gide	Ôn tập học kì II	129
11	Anh-xtanh	Einstein	8	79
12	Ao-sờ-uýp	Auschwitz	7	60
13	Ban-căng	Balkan	8	76
14	Bô-na	Bona	7	46
15	Bơ-ma	Burma	8	76
16	Bra-vô	Bravo	8	67
17	Bra-xin	Brasil	8	65, 66, 68
18	Ca-li-phoóc-ni-a	California	6	15
19	Ca-ri-bê	Caribe	8	77
20	Cô-phi An-nan	Kofi Annan	9	117, 120
21	Cờ-lốt Lê-vi–Xtơ-rốt	Claude Lévi–Strauss	8	65, 67, 68,...
22	Dăm-bi-a	Zambia	8	81
23	Đô-mi-ni-ca	Dominika	8	83
24	Ê-ren-bua	Ehrenburg	9	126
25	Ga-na	Ghana	9	117
26	Giê	Gé	8	65, 68
27	Giê-su	Jesus	9	97

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

STT	PHIÊN ÂM	TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI	BÀI	TRANG
28	Giô-rít I-ven	Joris Ivens	7	59, 60, 61,...
29	Go-rơ-ki	Gorky	9	126
30	Goa-na-ba-cô-a	Guanabacoa	9	99
31	Guy-xta-vơ Héc-vê	Gustave Hervé	6	24
32	Ha-oai	Hawaii	8	76
33	Háp-xbớt	Habsburg	8	77
34	Hăm-lét	Hamlet	9	126
35	Huy-gô	Hugo	9	124
36	I-ran	Iran	6	15
37	I-rắc	Iraq	8	76
38	Kê-ni-a	Kenya	8	82
39	La-rơ	Larre	7	46
40	La-rút-xơ	Larousse	7	49
41	Lê-ông Giu-hô	Léon Jouhaux	6	24
42	Li-da	Lisa	9	126
43	Ma-két-ta	Markéta	8	80
44	Ma-nô-lin	Manolin	9	98, 100, 101
45	Mác Kơ-len-xki	Mark Kurlansky	8	75, 77, 78,...
46	Mác-tin Lu-thơ Kinh	Martin Luther King	9	116
47	Mác-xây	Marseille	6	21
48	Mác-xơ-lin Lô-ri-đan	Marceline Loridan	7	60, 61, 62
49	Mi-an-ma	Myanmar	8	76
50	Mô-li-e	Molière	9	126
51	Na-pô-lê-ông Bô-na-pác	Napoléon Bonaparte	6	22
52	Niu Óóc	New York	8	75
53	Nô-ben	Nobel	9, Ôn tập học kì II	100, 117, 129
54	Ô-phê-li-a	Ophélia	9	126
55	Ơ-nít Hê-minh-uê	Ernest Hemingway	9	96, 100, 123,...
56	Pa-ven Coóc-sa-ghin	Pavel Korchagin	9	126
57	Pa-ra-na	Parana	8	65, 67
58	Pa-ri	Paris	6, 7, 8, 9	9, 26, 46,...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

STT	PHIÊN ÂM	TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI	BÀI	TRANG
59	Pê-đri-cô	Pedrico	9	98, 99
60	Pha-đê-ép	Fadéev	9	126
61	Phri-đéc–Mi-xtếch	Frýdek–Místek	8	80
62	Phư-cư-đa-oa Y-ư-ki-chi	Fukuzawa Yukichi	8	71
63	Pôn Bông-cua	Paul Boncour	6	24
64	Pu-lít-dơ	Pulitzer	9	100
65	Pu-skin	Pushkin	7	54
66	Ri-ô Ti-ba-gi	Rio Tibagy	8	65
67	Tê-hê-răng	Teheran	6	15
68	Thê-rếch-xơ	Terrace	9	96, 97, 99
69	Ti-bu-ron	Tiburon	9	100
70	Tu-pi	Tupi	8	65
71	U-ran	Ural	9	118
72	Véc-xây	Versailles	6	6
73	Vê-nê-xi-a	Venezia	8	77
74	Xác-tơ-rơ	Sartre	9	126
75	Xan Phran-xít-xcô	San Francisco	6	15
76	Xan-ta Ca-ta-ri-na	Santa Catarina	8	65
77	Xan-ti-a-gô	Santiago	9	97, 100, 101
78	Xao Phe-rô-ni-mô	Sao Feronymo	8	65

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: NGUYỄN THỊ KIM HẰNG – PHẠM THỊ TRANG
Biên tập tái bản: NGUYỄN THỊ KIM HẰNG
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: PHAN THỊ THANH HOA
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: VŨ THỊ THANH TÂM
Chế bản: CTCP MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2024) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tranh bìa: Nguyễn Tiến Chung, *Ngày Chủ nhật*, 1960, tranh khắc gỗ, 32,5 x 47 cm

NGỮ VĂN 12 – Tập hai
Mã số: G1HHZV005h26
In ..... bản, (QĐ .....) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/208-09/GD
Số QĐXB: .../..... ngày ... tháng ... năm .....
In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-39276-3
Tập hai: 978-604-0-39277-0



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 12, tập một
2. Ngữ văn 12, tập hai
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 12
4. Toán 12, tập một
5. Toán 12, tập hai
6. Chuyên đề học tập Toán 12
7. Lịch sử 12
8. Chuyên đề học tập Lịch sử 12
9. Địa lí 12
10. Chuyên đề học tập Địa lí 12
11. Giáo dục kinh tế và pháp luật 12
12. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12
13. Vật lí 12
14. Chuyên đề học tập Vật lí 12
15. Hoá học 12
16. Chuyên đề học tập Hoá học 12
17. Sinh học 12
18. Chuyên đề học tập Sinh học 12
19. Công nghệ 12 – Công nghệ Điện – Điện tử
20. Chuyên đề học tập Công nghệ 12 – Công nghệ Điện – Điện tử
21. Công nghệ 12 – Lâm nghiệp – Thuỷ sản
22. Chuyên đề học tập Công nghệ 12 – Lâm nghiệp – Thuỷ sản
23. Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng
24. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng
25. Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính
26. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính
27. Mĩ thuật 12 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện
28. Mĩ thuật 12 – Thiết kế đồ hoạ
29. Mĩ thuật 12 – Thiết kế thời trang
30. Mĩ thuật 12 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh
31. Mĩ thuật 12 – Lí luận và lịch sử mĩ thuật
32. Mĩ thuật 12 – Điêu khắc
33. Mĩ thuật 12 – Kiến trúc
34. Mĩ thuật 12 – Hội hoạ
35. Mĩ thuật 12 – Đồ hoạ (tranh in)
36. Mĩ thuật 12 – Thiết kế công nghiệp
37. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 12
38. Âm nhạc 12
39. Chuyên đề học tập Âm nhạc 12
40. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12
41. Giáo dục thể chất 12 – Bóng chuyền
42. Giáo dục thể chất 12 – Bóng đá
43. Giáo dục thể chất 12 – Cầu lông
44. Giáo dục thể chất 12 – Bóng rổ
45. Giáo dục quốc phòng và an ninh 12
46. Tiếng Anh 12 – Global Success – Sách học sinh

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-39277-0

9 786040 392770

Giá: 17.100 đ